VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 353 + 354)

PHỤ LỤC C

(Quy định)

LƯỢC ĐỒ DỮ LIỆU

C.1 Lược đồ dữ liệu con người

C.1.1. Nhóm thông tin cơ bản

a) Thông tin đăng ký cơ bản

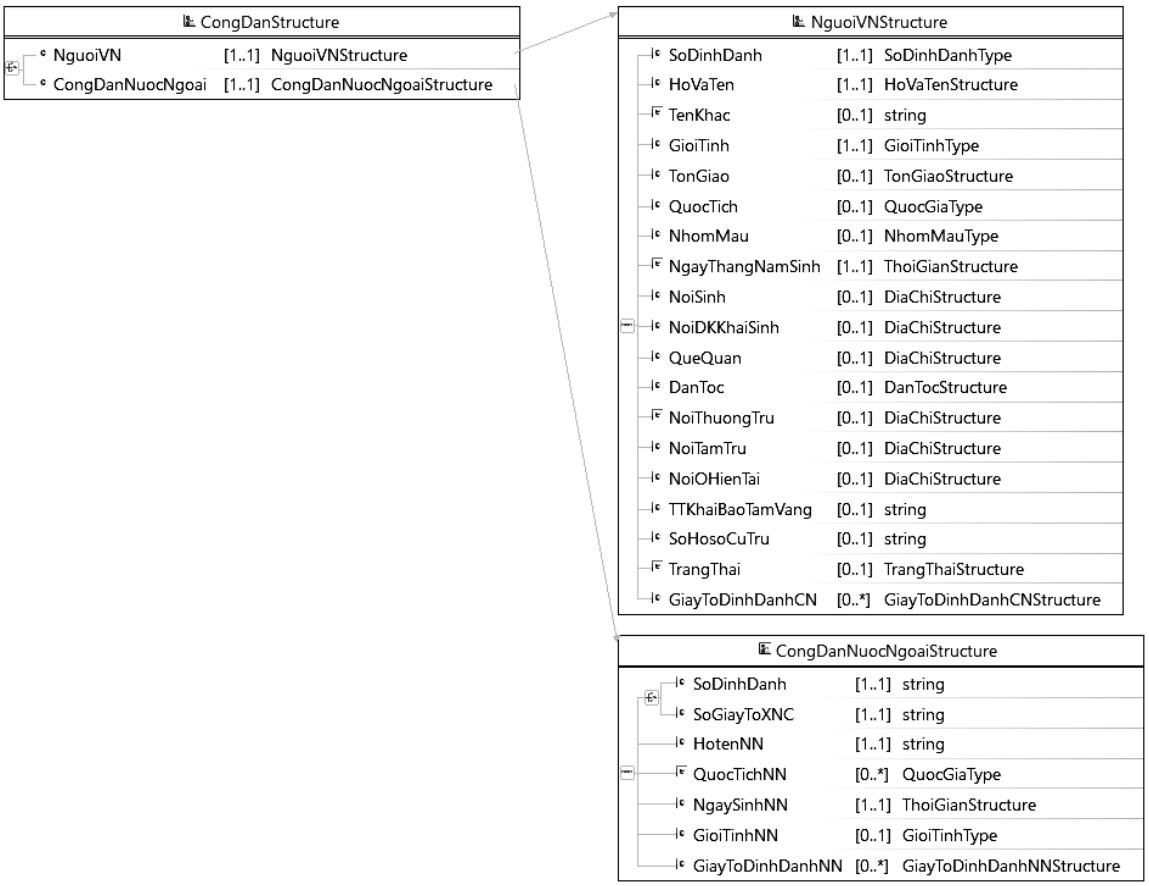

Hình C.1.1. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm thông tin cơ bản - Thông tin đăng ký cơ bản: CongDan và các cấu trúc, kiểu dữ liệu liên quan

QCVN 09:2025/BCA

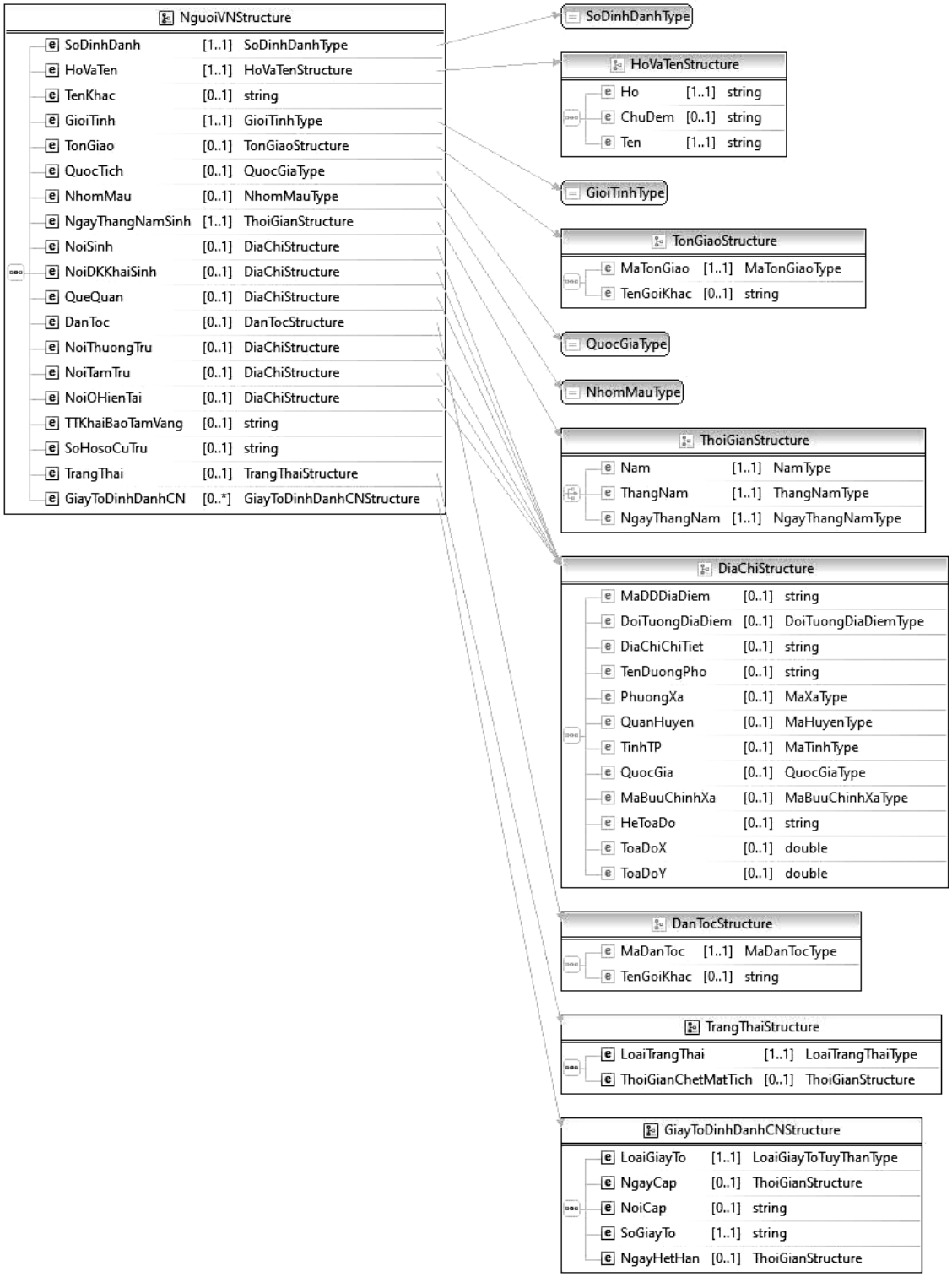

Hình C.1.2. Cấu trúc NguoiVN

QCVN 09:2025/BCA

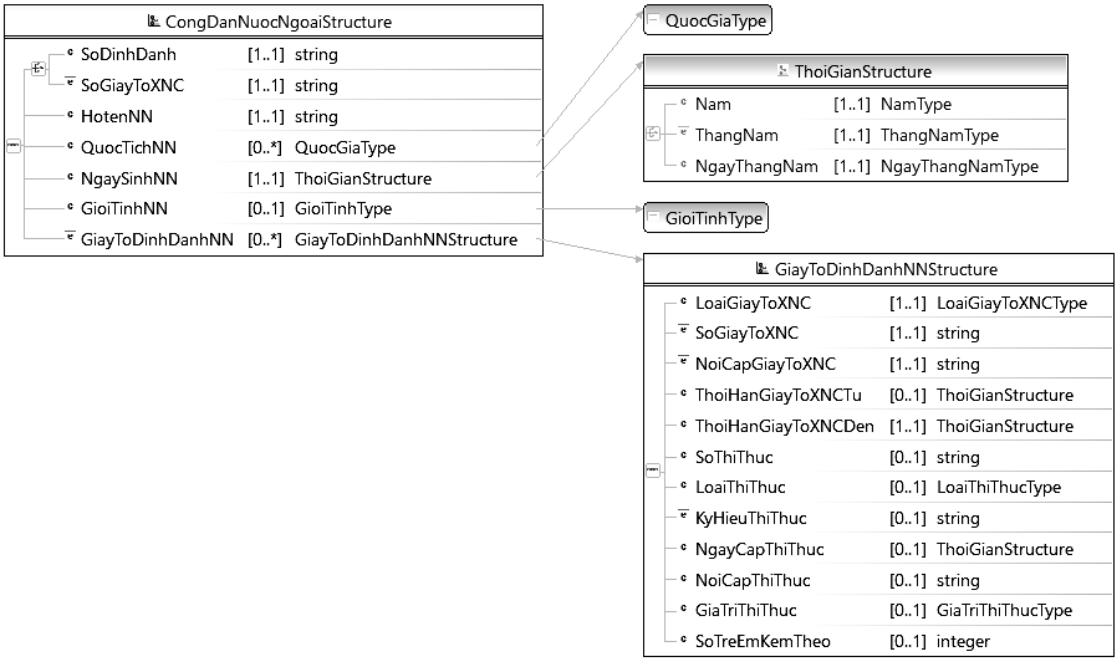

Hình C.1.3. Cấu trúc CongDanNuocNgoai

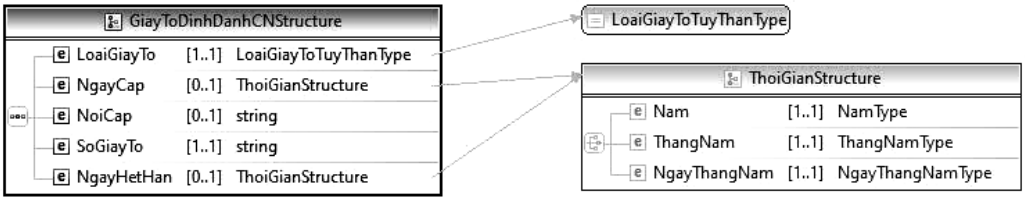

Hình C.1.4. Cấu trúc GiayToDinhDanhCN

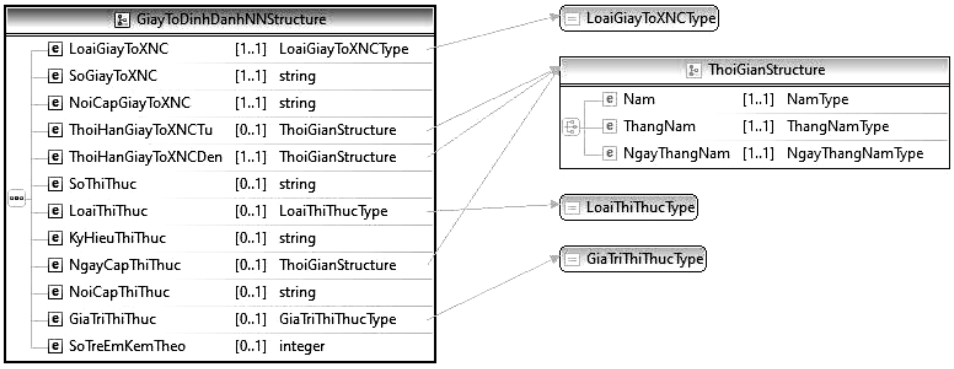

Hình C.1.5. Cấu trúc GiayToDinhDanhNN

QCVN 09:2025/BCA

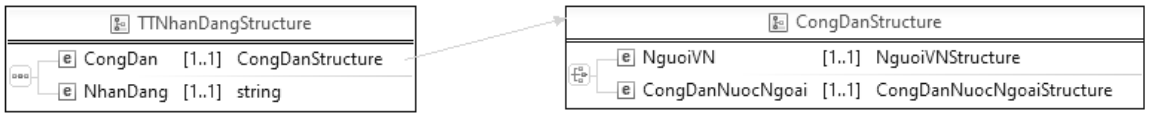

Hình C.1.6. Cấu trúc TTNhanDang

b) Thông tin đăng ký

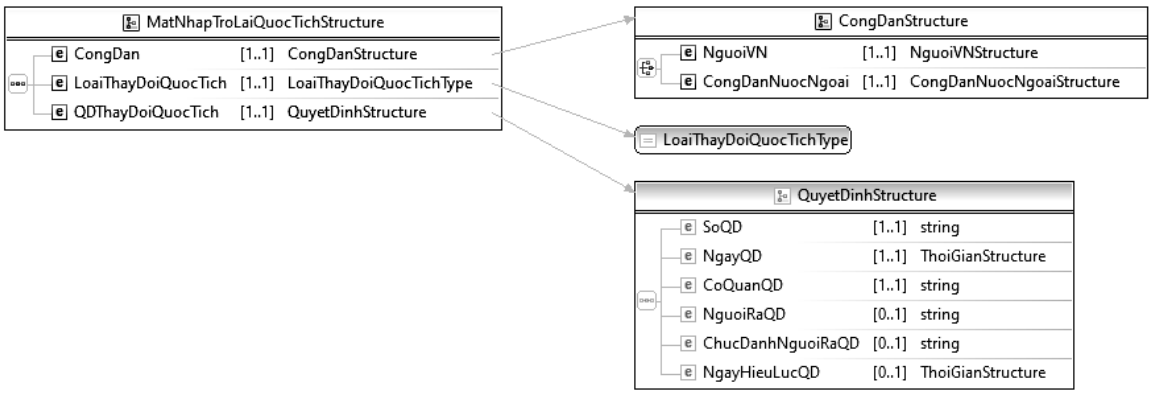

Hình C.1.7. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm thông tin đăng ký - Thông tin mất quốc tịch/nhập/trở lại quốc tịch: MatNhapTroLaiQuocTich

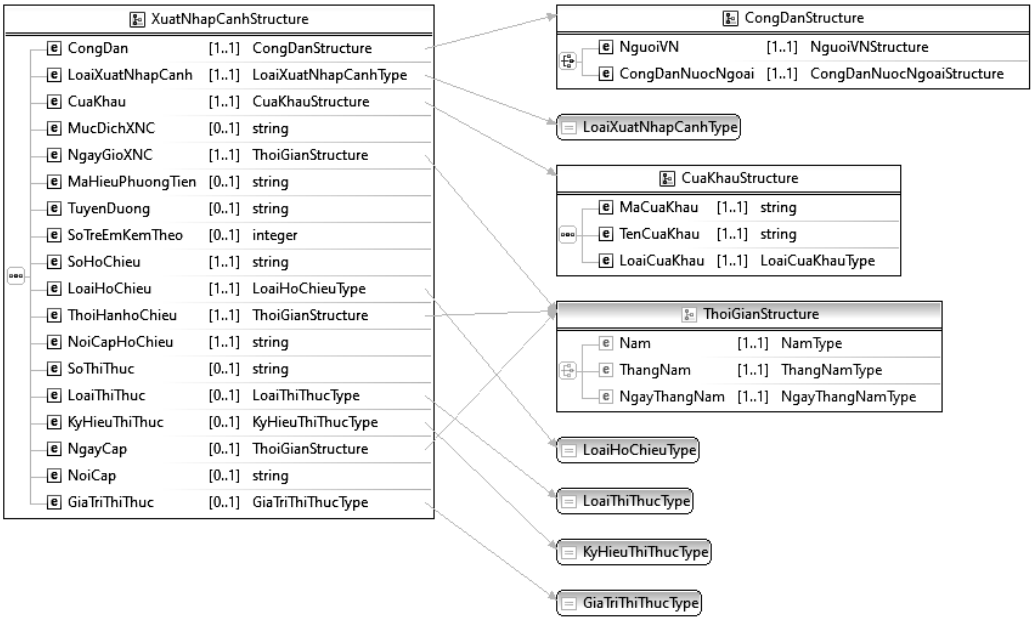

Hình C.1.8. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm thông tin đăng ký - Thông tin xuất/nhập cảnh: XuatNhapCanh

QCVN 09:2025/BCA

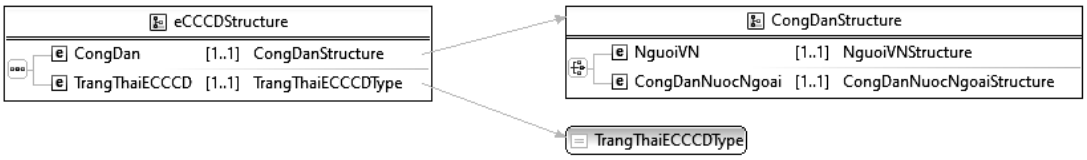

Hình C.1.9. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm thông tin đăng ký - Căn cước công dân điện tử: eCCCD

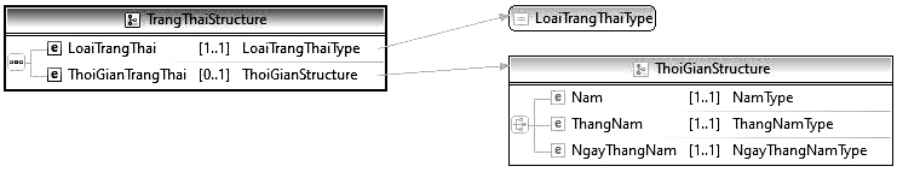

Hình C.1.10. Cấu trúc TrangThai

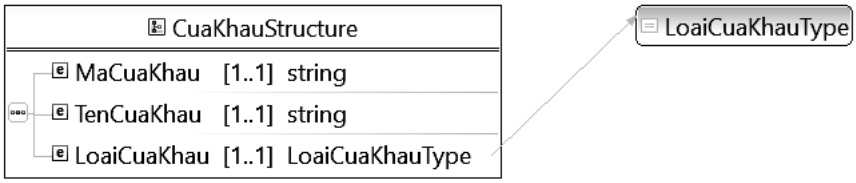

Hình C.1.11. Cấu trúc CuaKhau

c) Thông tin gia đình

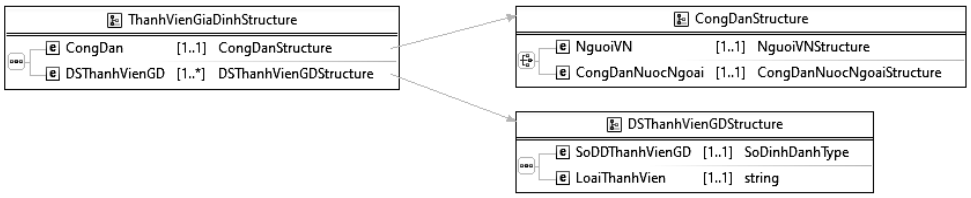

Hình C.1.12. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin gia đình - Thành viên gia đình, người đại diện: ThanhVienGiaDinh

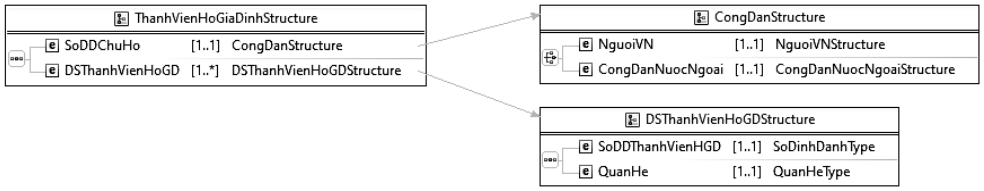

Hình C.1.13. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin gia đình - Thành viên hộ gia đình: ThanhVienHoGiaDinh

QCVN 09:2025/BCA

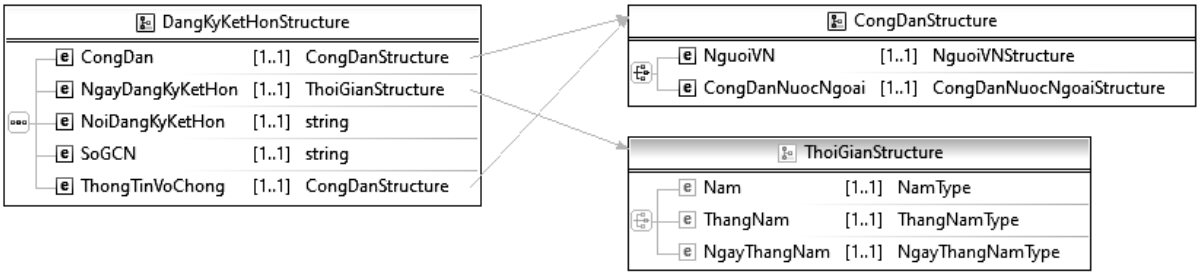

Hình C.1.14. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin gia đình - Thông tin kết hôn: DangKyKetHon

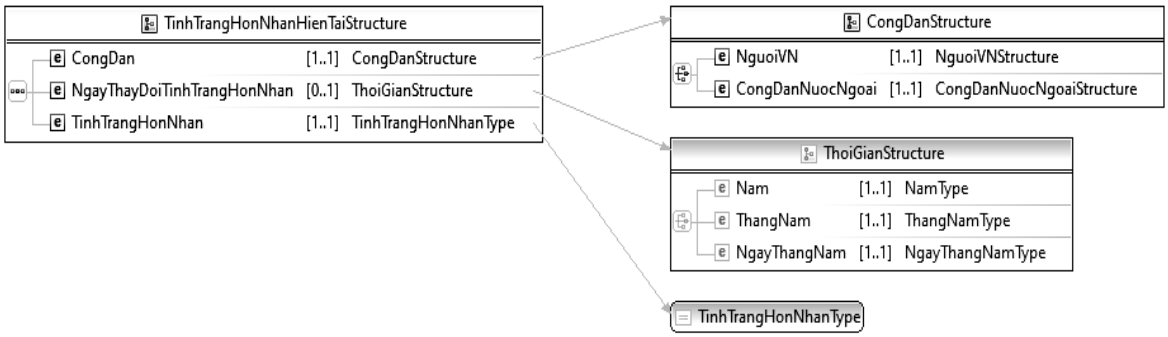

Hình C.1.15. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin gia đình - Thông tin kết hôn: TinhTrangHonNhanHienTai

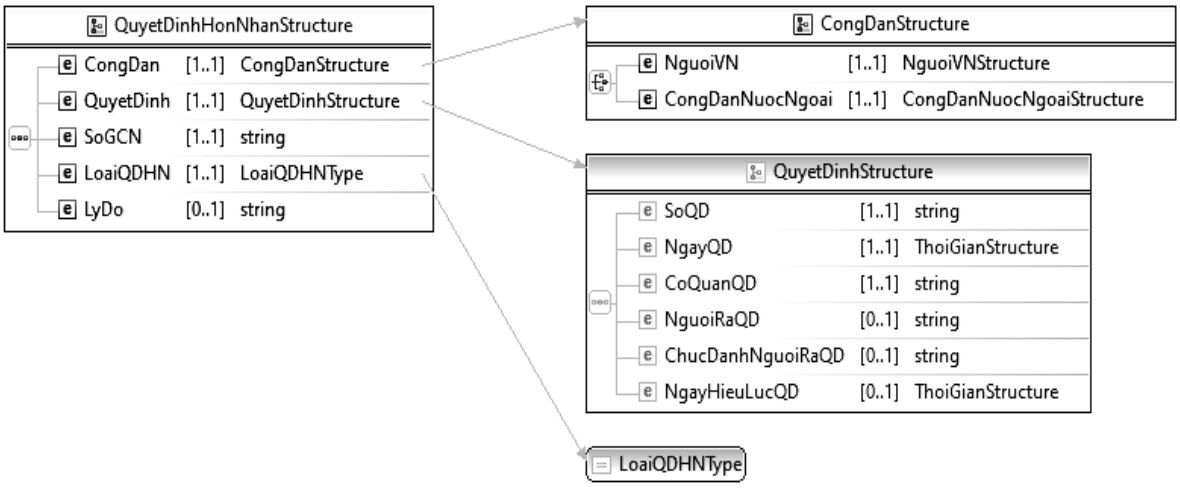

Hình C.1.16. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin gia đình - Thông tin kết hôn: QuyetDinhHonNhan

QCVN 09:2025/BCA

- Thông tin liên lạc

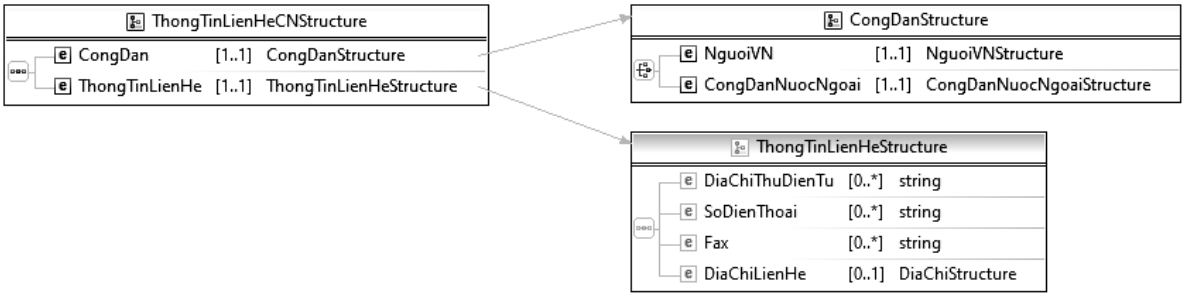

Hình C.1.17. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin liên lạc - Thông tin liên lạc cá nhân: ThongTinLienHeCN

d) Trạng thái sinh lý

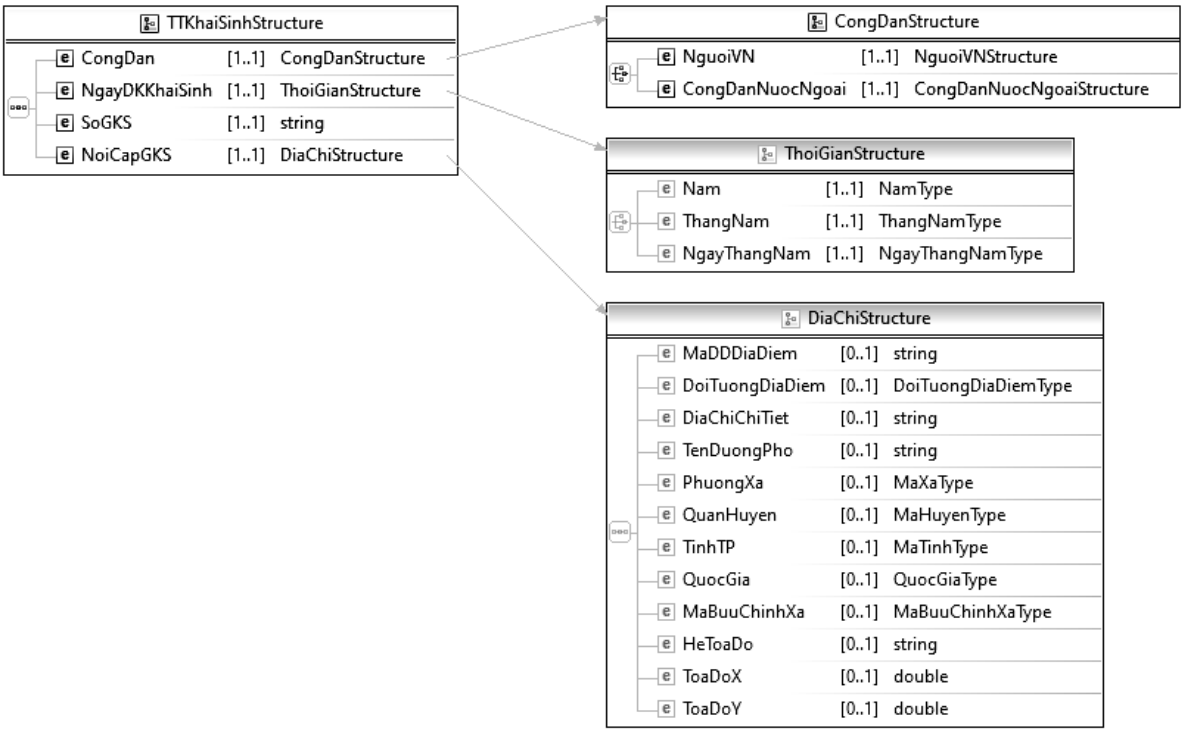

Hình C.1.18. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc trạng thái sinh lý - Thông tin khai sinh: TTKhaiSinh

QCVN 09:2025/BCA

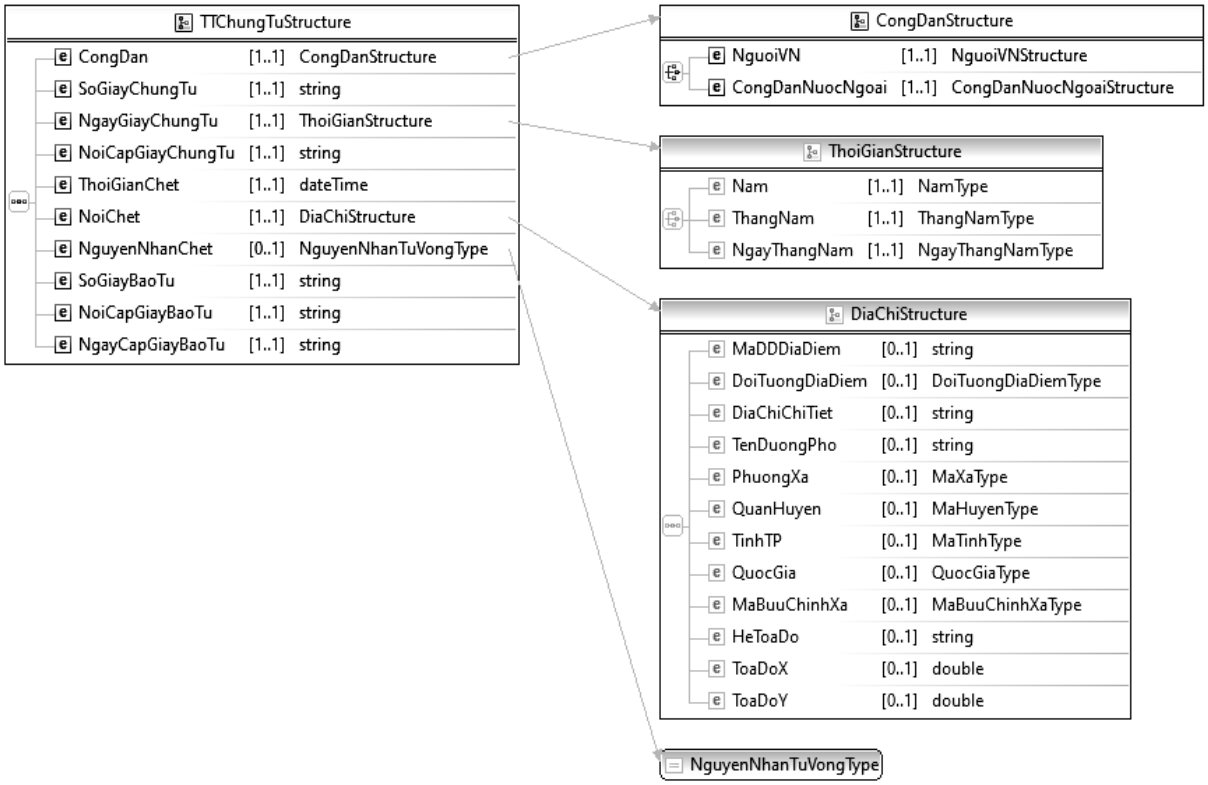

Hình C.1.19. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc trạng thái sinh lý -Giấy chứng tử/Trích lục khai tử: TTChungTu

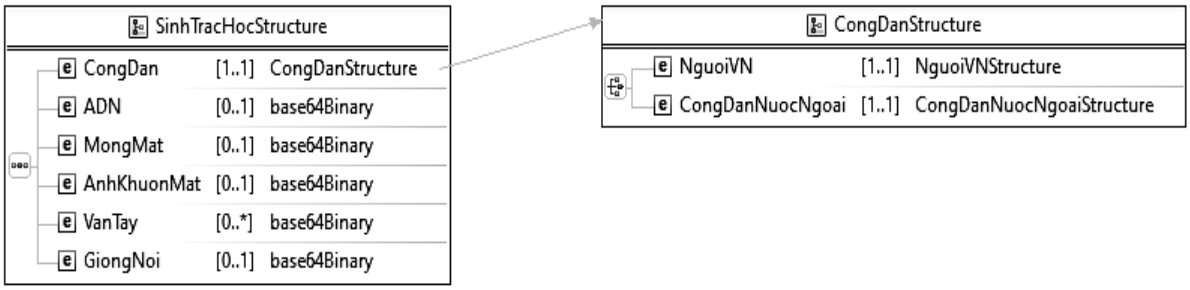

Hình C.1.20. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc trạng thái sinh lý - Thông tin khai tử: SinhTracHoc

QCVN 09:2025/BCA

C.1.2.Nhóm thông tin tài sản

a) Tài sản tài chính

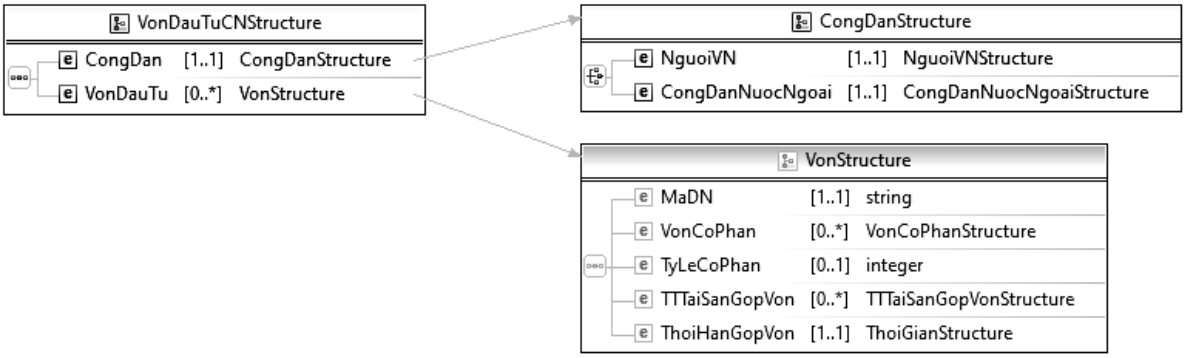

Hình C.1.21. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin tài sản -Vốn đầu tư: VonDauTuCN

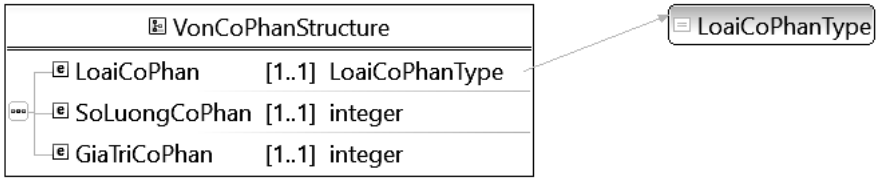

Hình C.1.22. Cấu trúc VonCoPhan

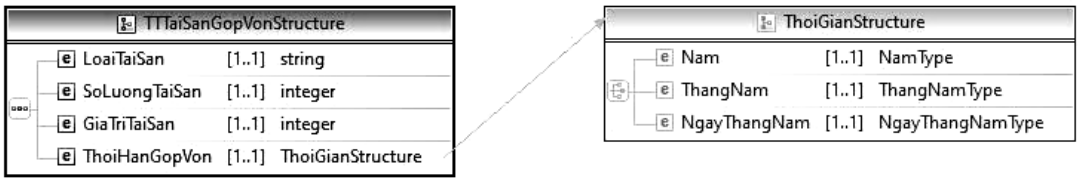

Hình C.1.23. Cấu trúc TTTaiSanGopVon

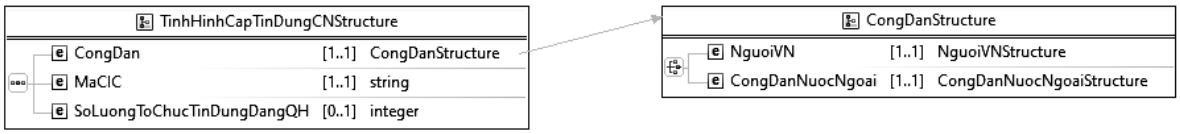

Hình C.1.24. Cấu trúc TinhHinhCapTinDungCN

C1.3. Nhóm an sinh xã hội

a) Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

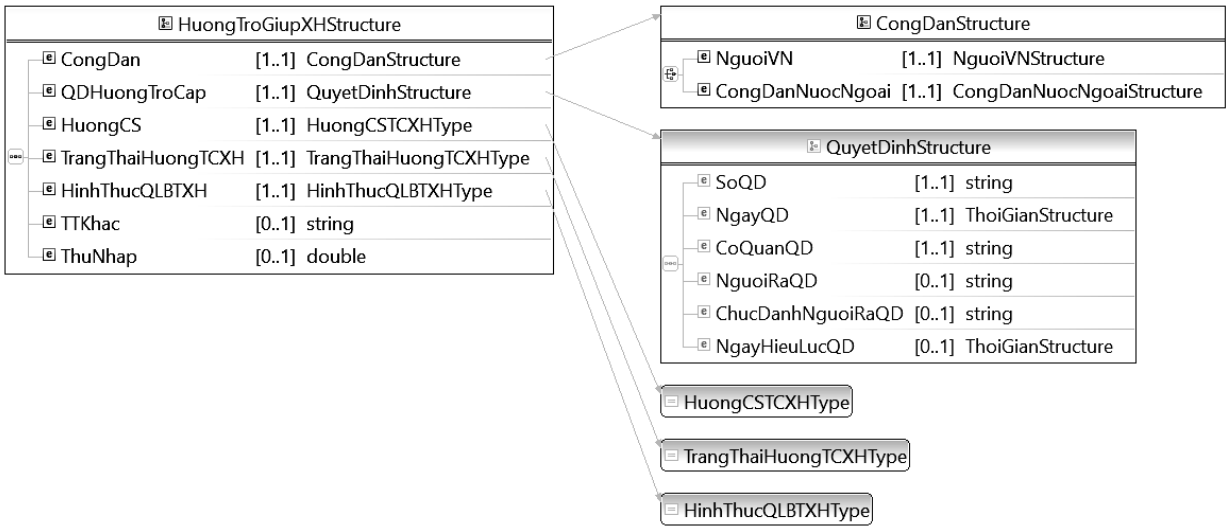

Hình C.1.25. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Thông tin hưởng trợ giúp xã hội: HuongTroGiupXH

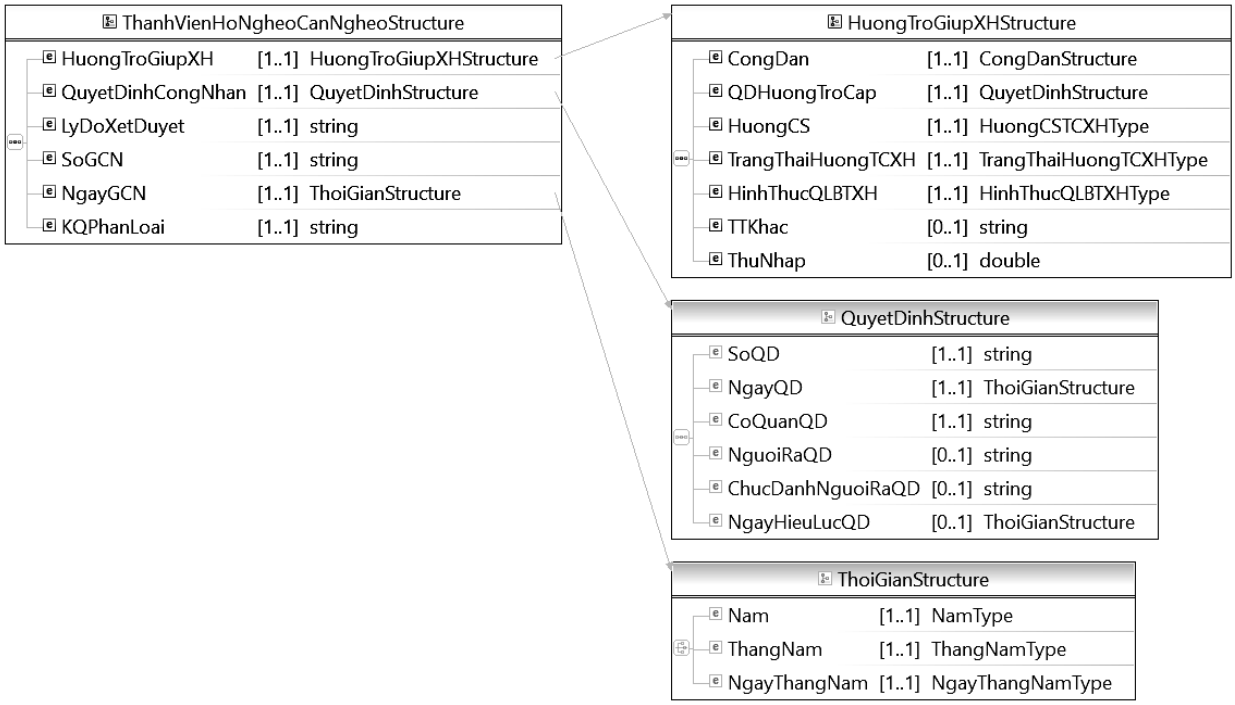

Hình C.1.26. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Thông tin người nghèo, cận nghèo: ThanhVienHoNgheoCanNgheo

QCVN 09:2025/BCA

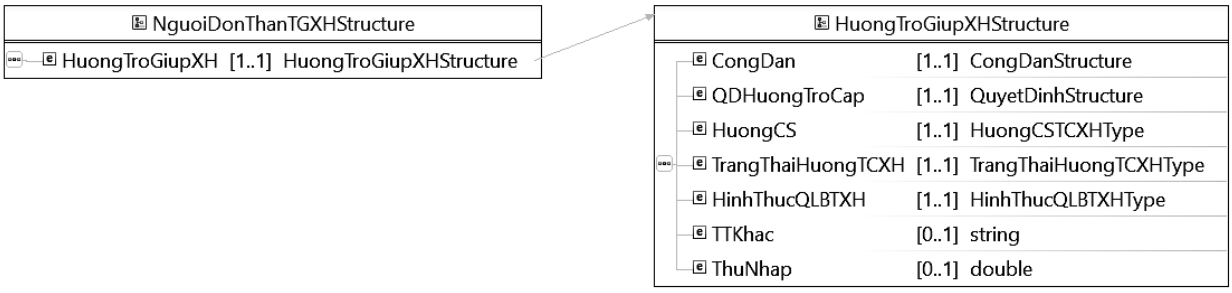

Hình C.1.27. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Người đơn thân: NguoiDonThanTGXH

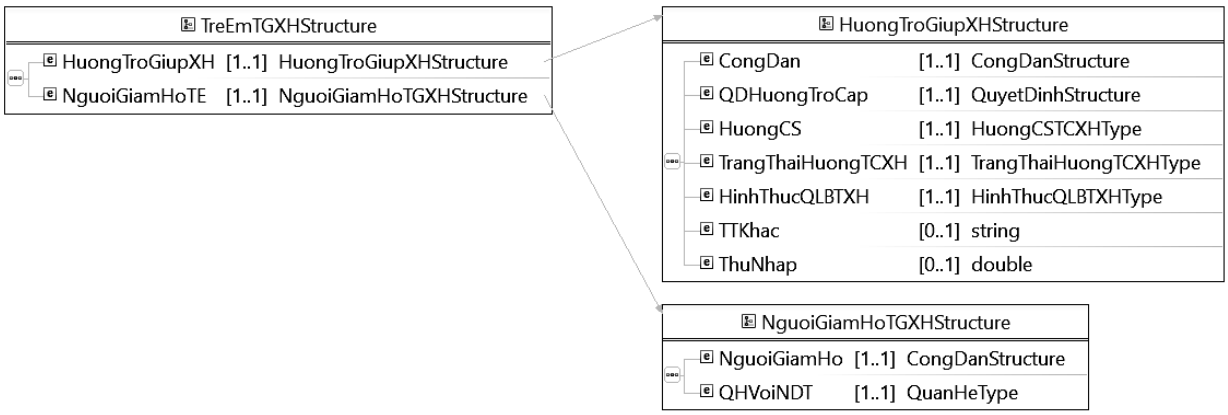

Hình C.1.28. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Trẻ em là đối tượng bảo trợ xã hội: TreEmTGXH

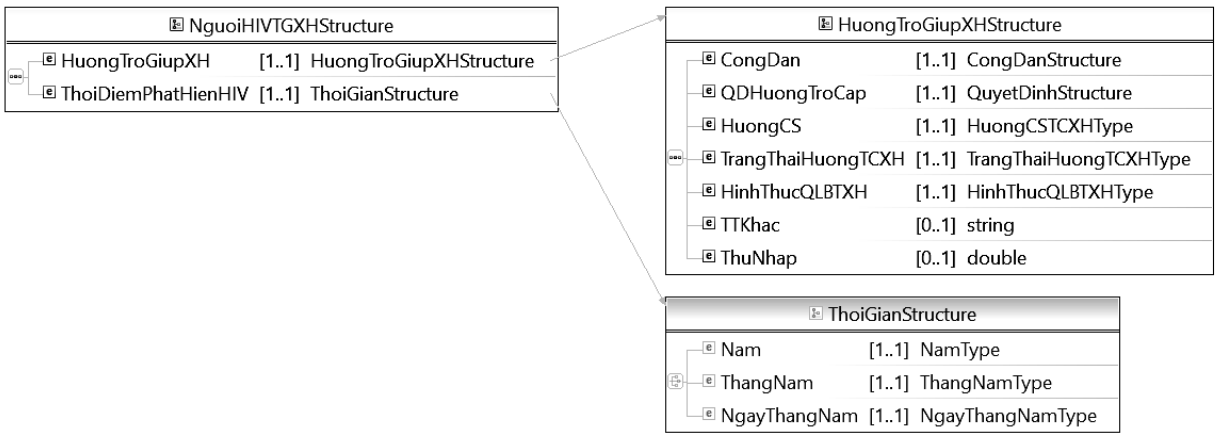

Hình C.1.29. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Người có HIV: NguoiHIVTGXH

QCVN 09:2025/BCA

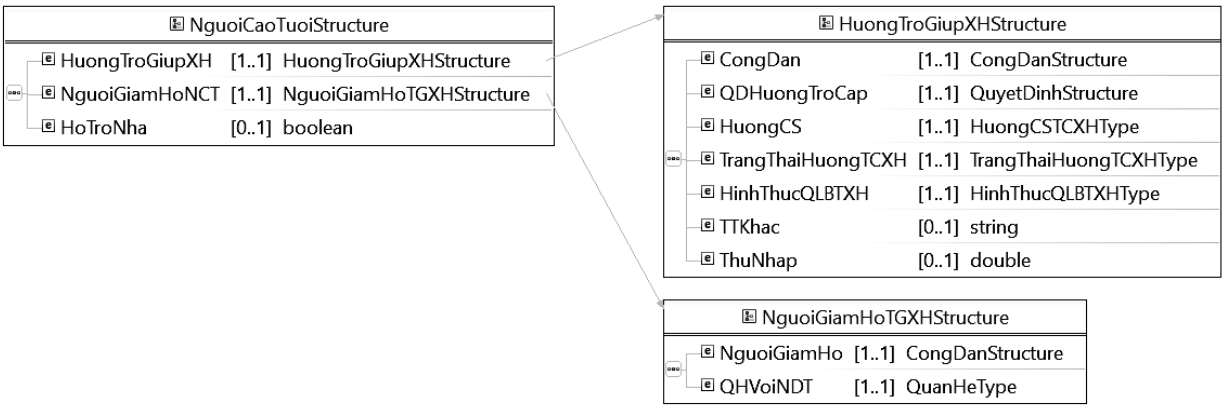

Hình C.1.30. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Người cao tuổi: NguoiCaoTuoi

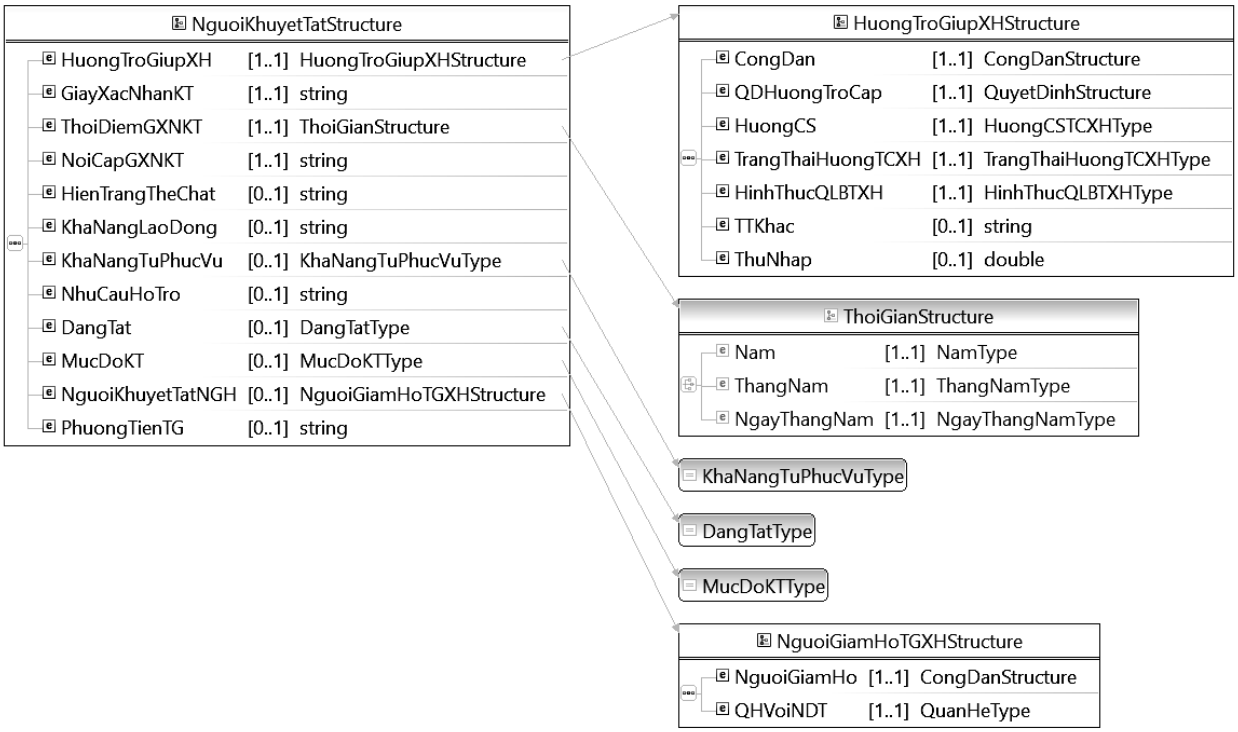

Hình C.1.31. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Người cao tuổi: NguoiCaoTuoi

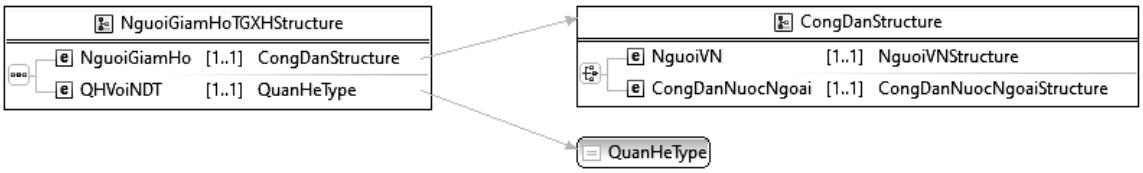

Hình C.1.32. Cấu trúc NguoiGiamHoTGXH

QCVN 09:2025/BCA

b) Người có công

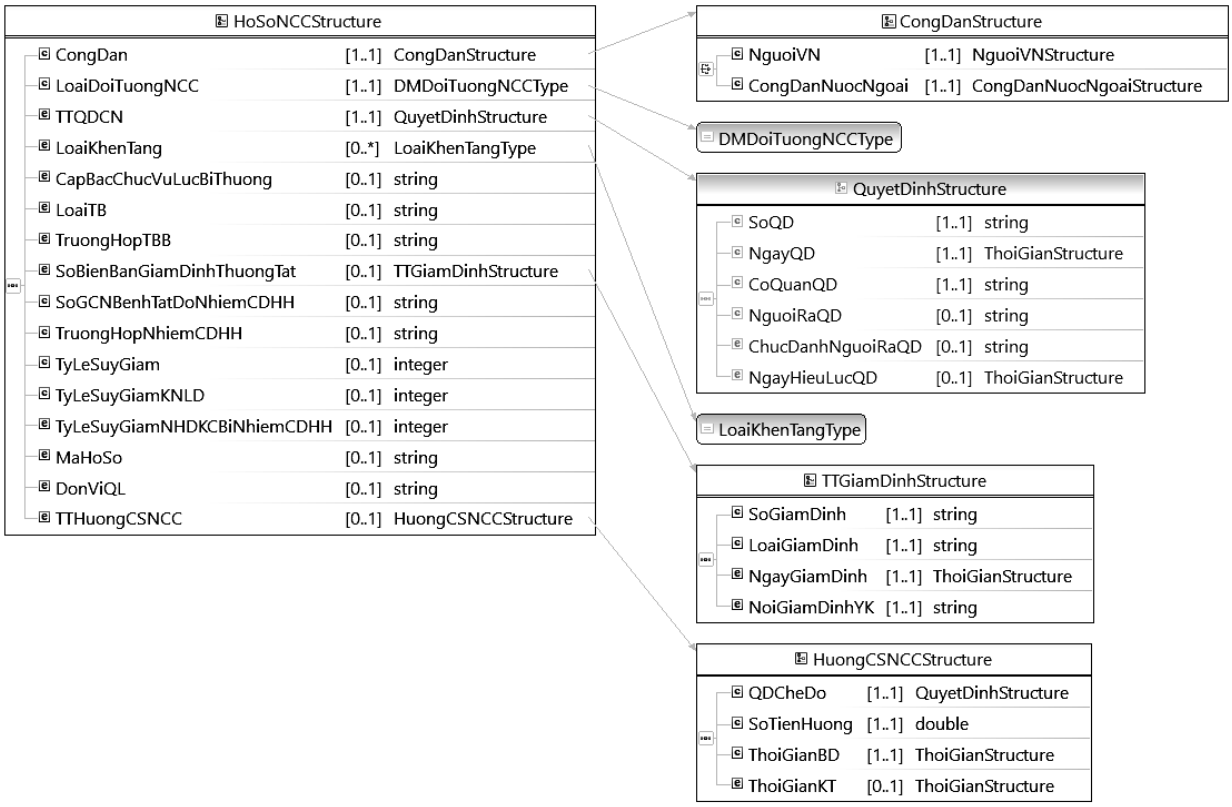

-

Hình C.1.33. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc đối tượng người có công - Hồ sơ công nhận người có công: HoSoNCC

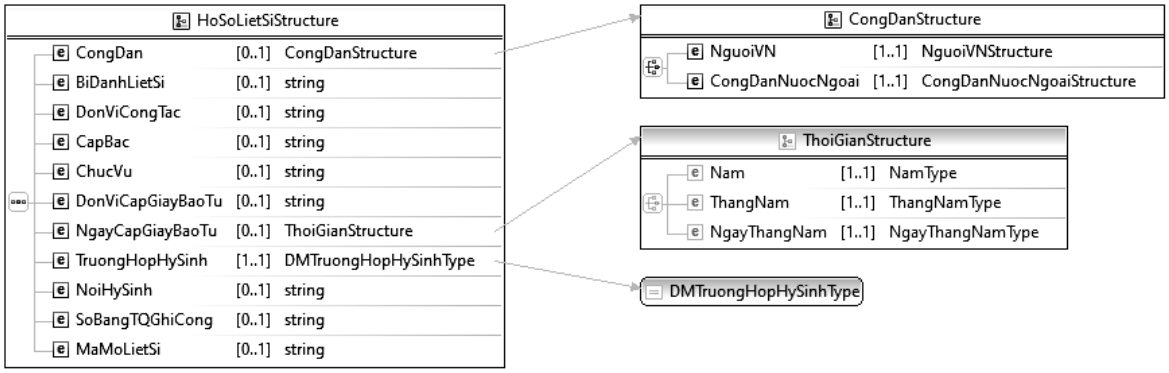

Hình C.1.34. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc đối tượng người có công - Hồ sơ liệt sĩ: HoSoLietSi

QCVN 09:2025/BCA

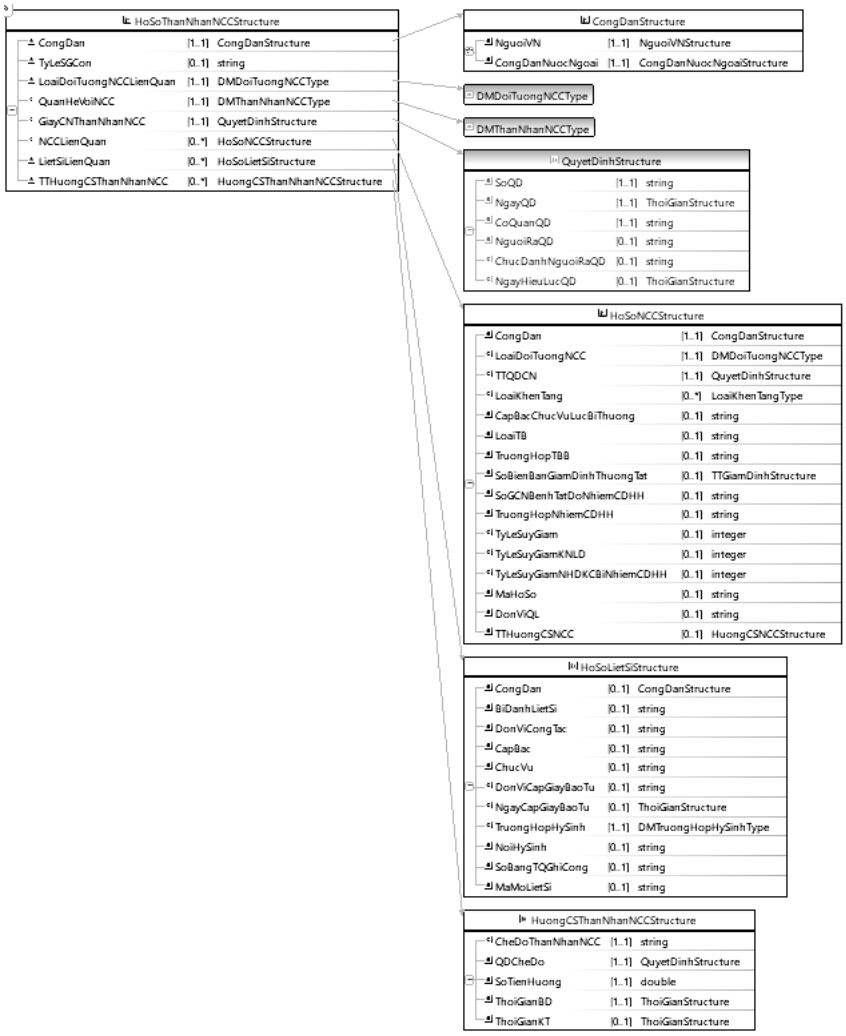

Hình C.1.35. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc Người có công - Hồ sơ công nhận thân nhân người có công: HoSoThanNhanNCC

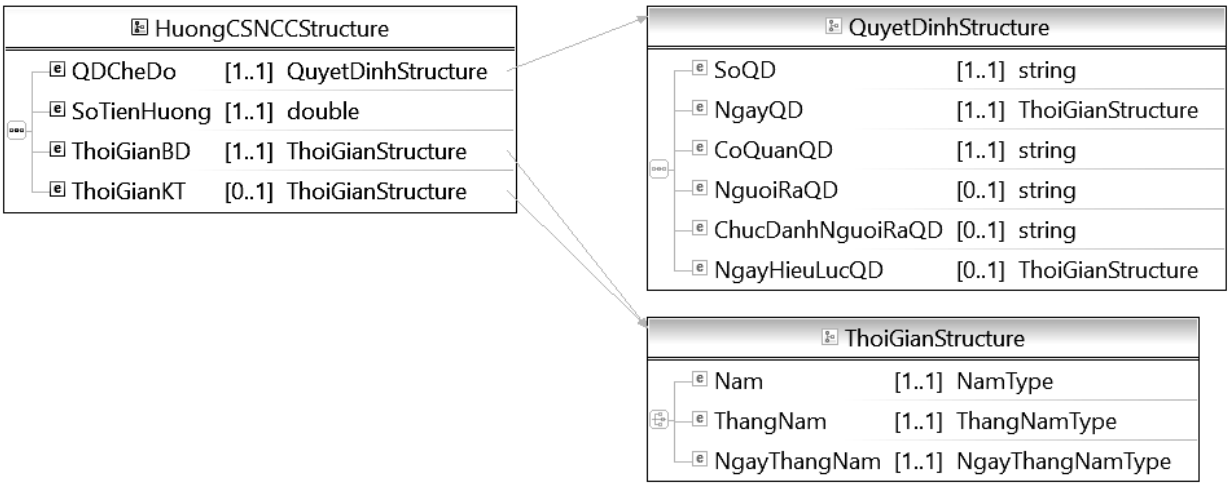

Hình C.1.36. Cấu trúc: HuongCSNCC

QCVN 09:2025/BCA

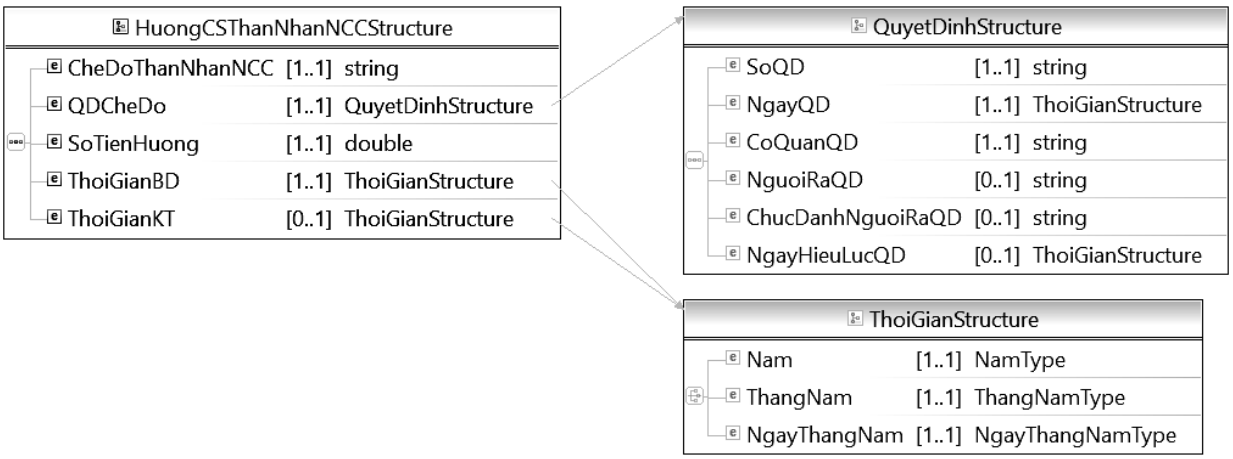

Hình C.1.37. Cấu trúc: HuongCSThanNhanNCC

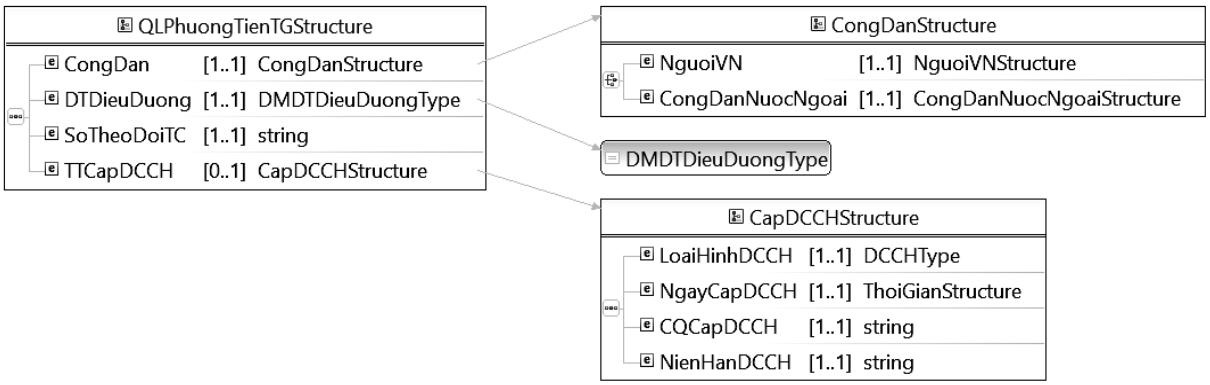

Hình C.1.38. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc Người có công - Quản lý phương tiện trợ giúp: QLPhuongTienTG

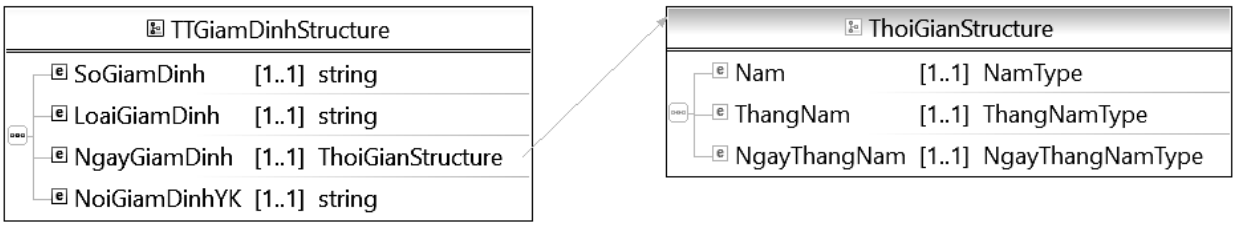

Hình C.1.39. Cấu trúc TTGiamDinh

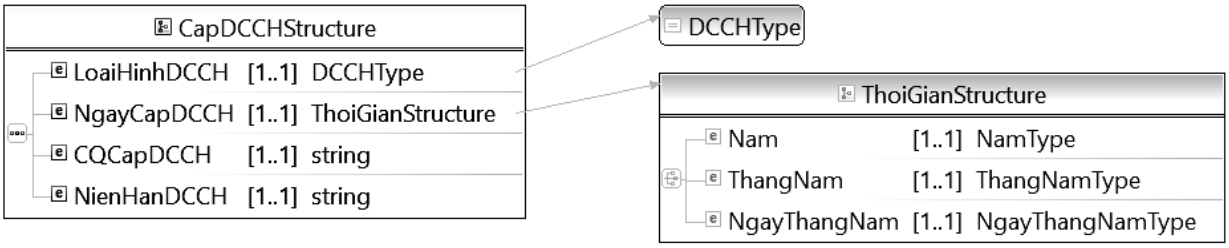

Hình C.1.40. Cấu trúc CapDCCH

QCVN 09:2025/BCA

c) Trẻ em

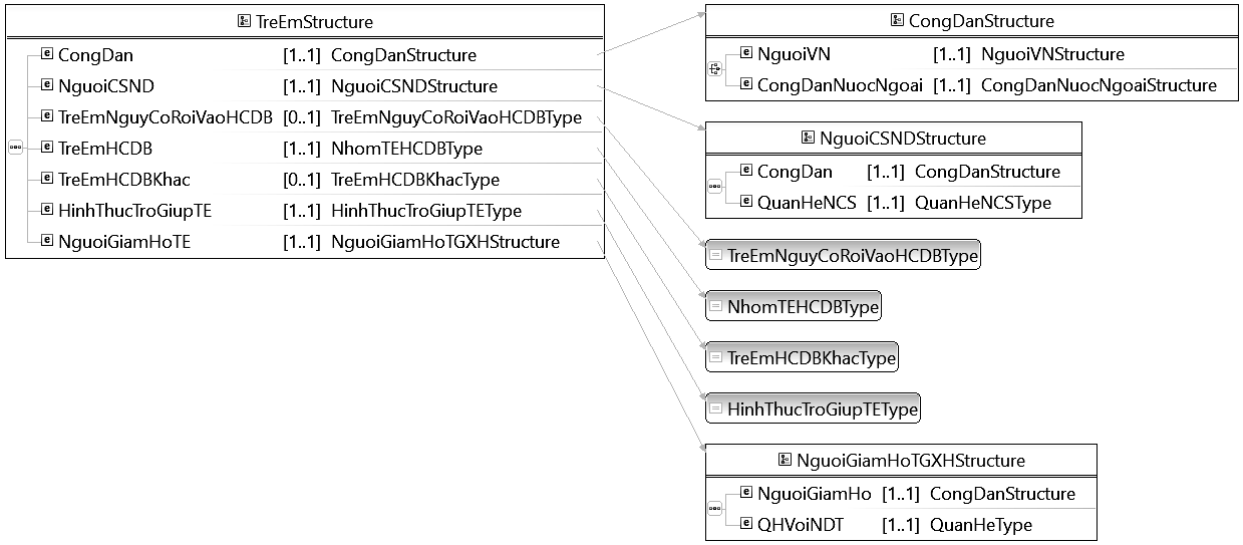

Hình C.1.41. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nhóm an sinh xã hội - Trẻ em: TreEm

d) Lao động và việc làm

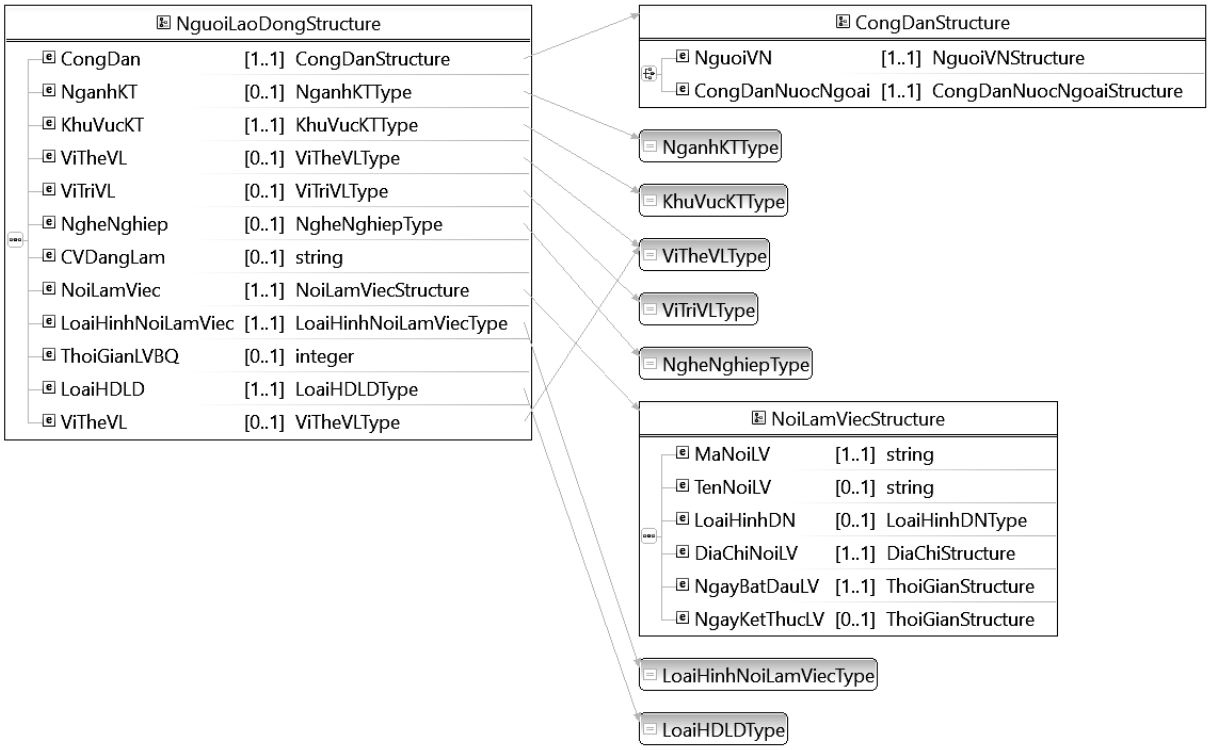

-

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Thông tin về người lao động: NguoiLaoDong

QCVN 09:2025/BCA

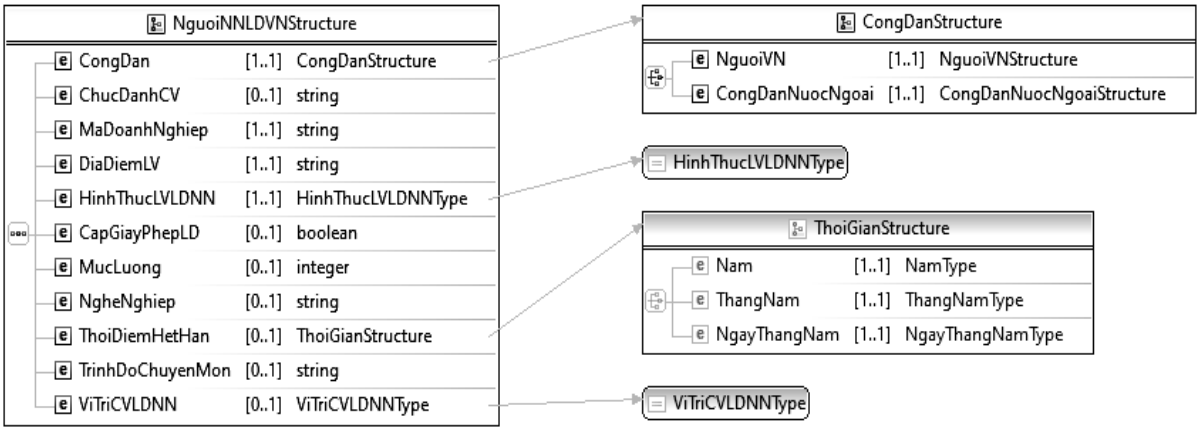

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Thông tin về người lao động nước ngoài làm việc ở Việt Nam: NguoiNNLDVN

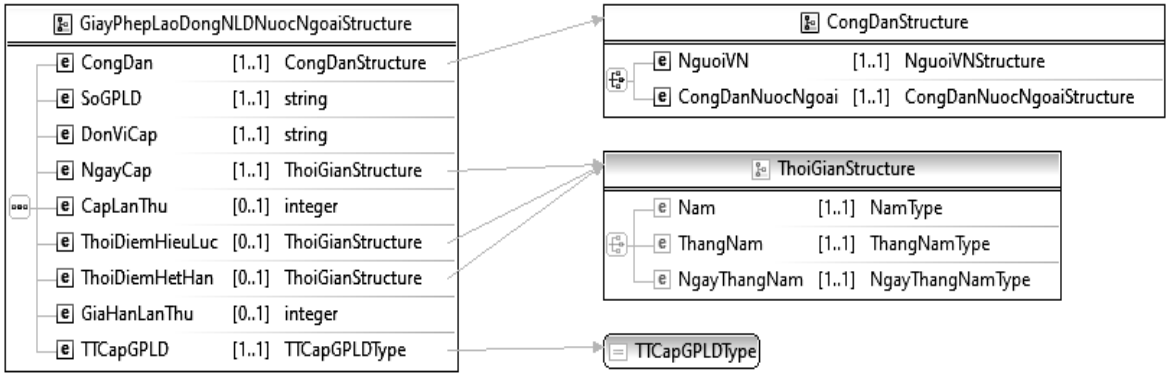

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Giấy phép lao động của người lao động nước ngoài: GiayPhepLaoDongNLDNuocNgoai

QCVN 09:2025/BCA

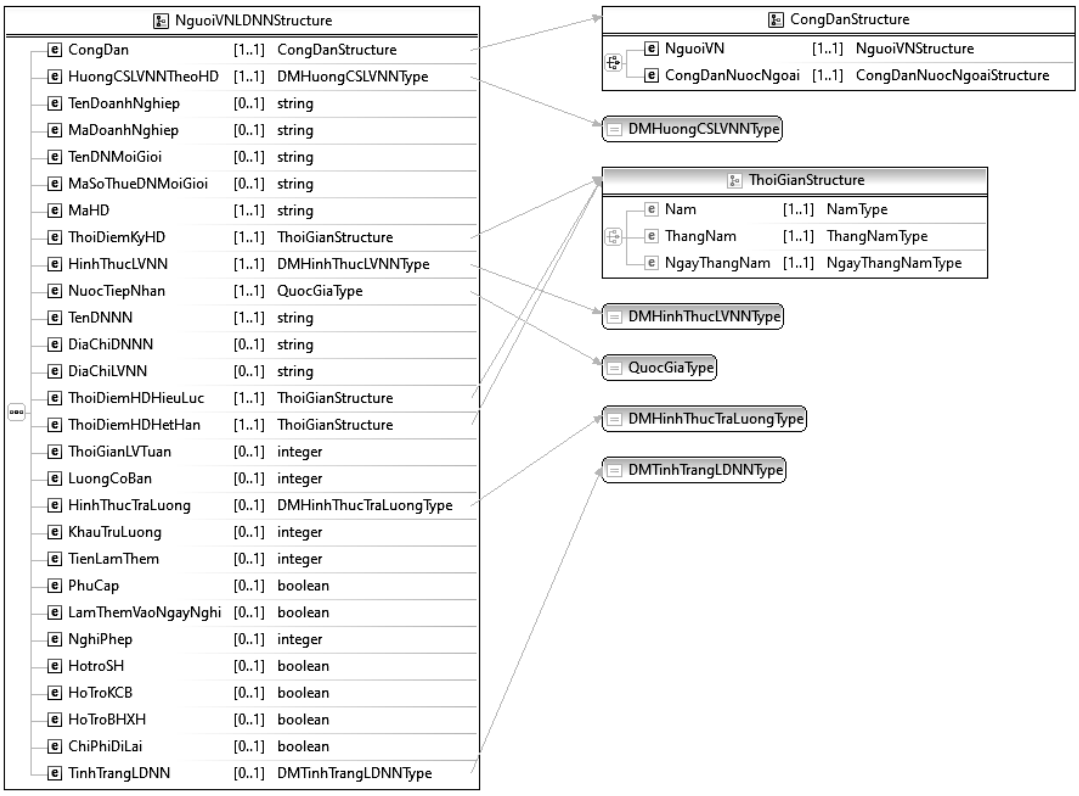

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Người lao động đi làm ở nước ngoài: NguoiVNLDNN

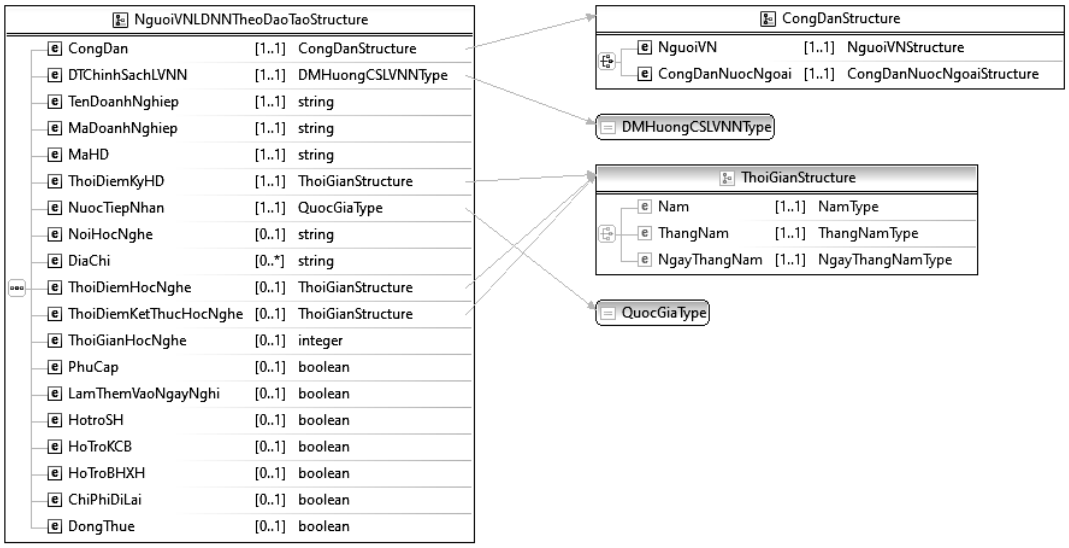

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Người lao động đi làm ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề: NguoiVNLDNNTheoDaoTao

QCVN 09:2025/BCA

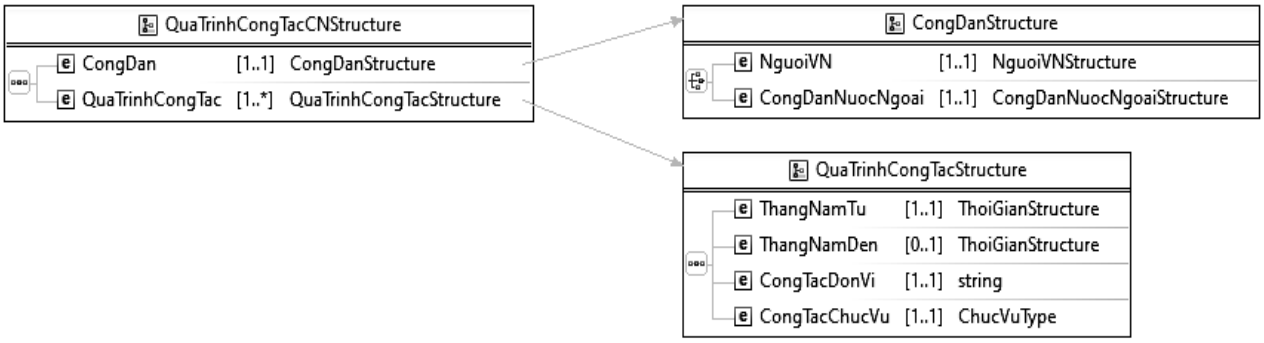

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Quá trình công tác: QuaTrinhCongTacCN

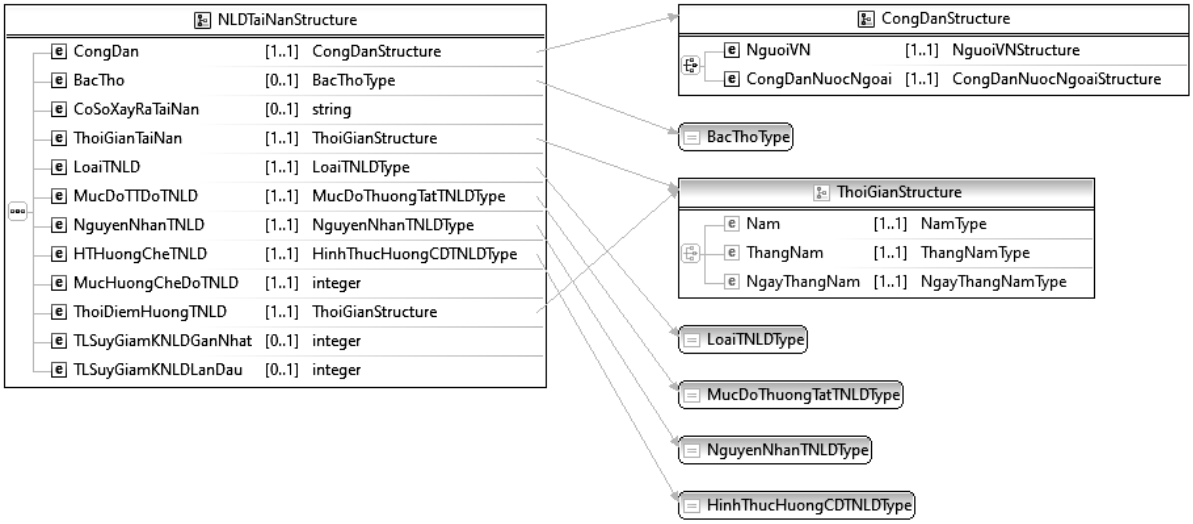

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Tai nạn lao động: NLDTaiNan

QCVN 09:2025/BCA

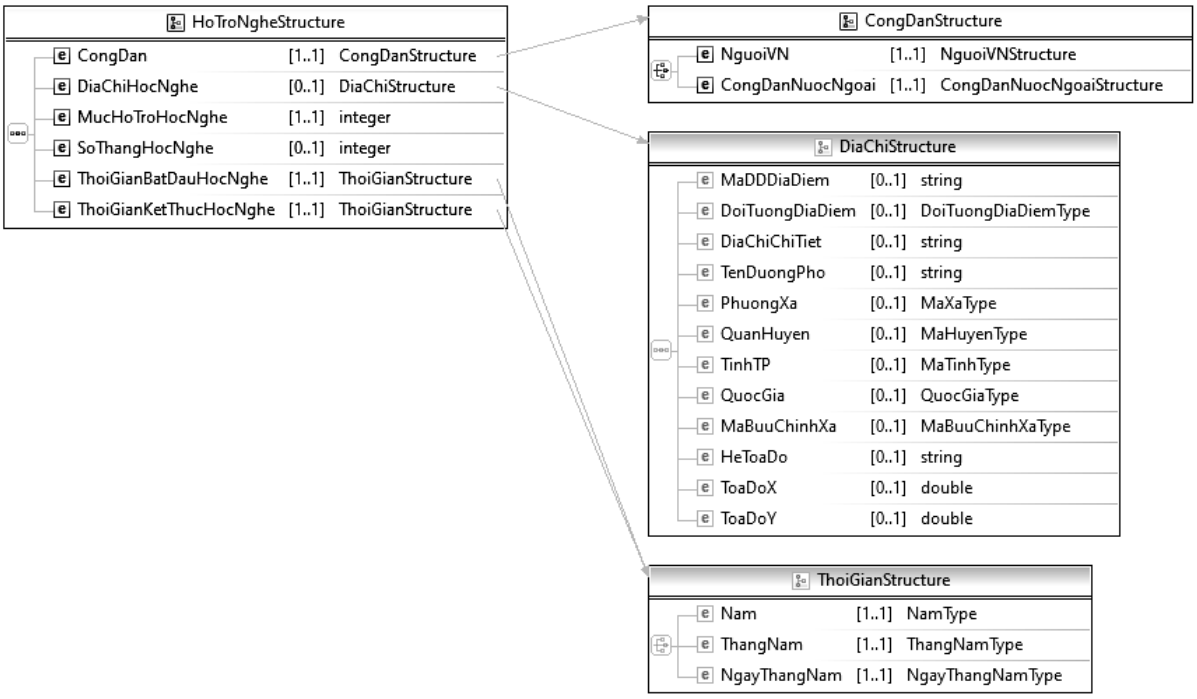

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Thông tin hỗ trợ học nghề: HoTroNghe

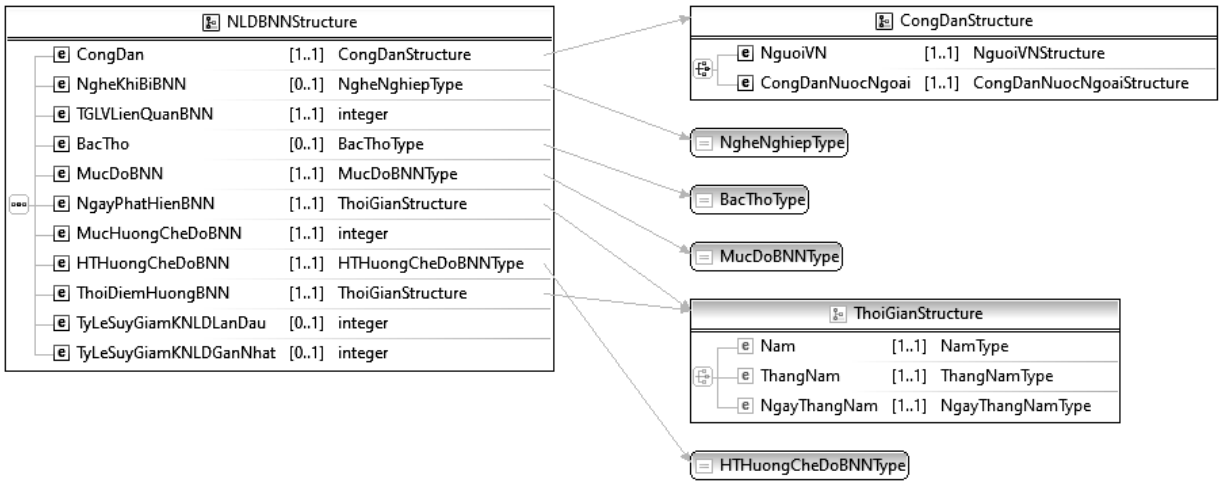

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Bệnh nghề nghiệp: NLDBNN

QCVN 09:2025/BCA

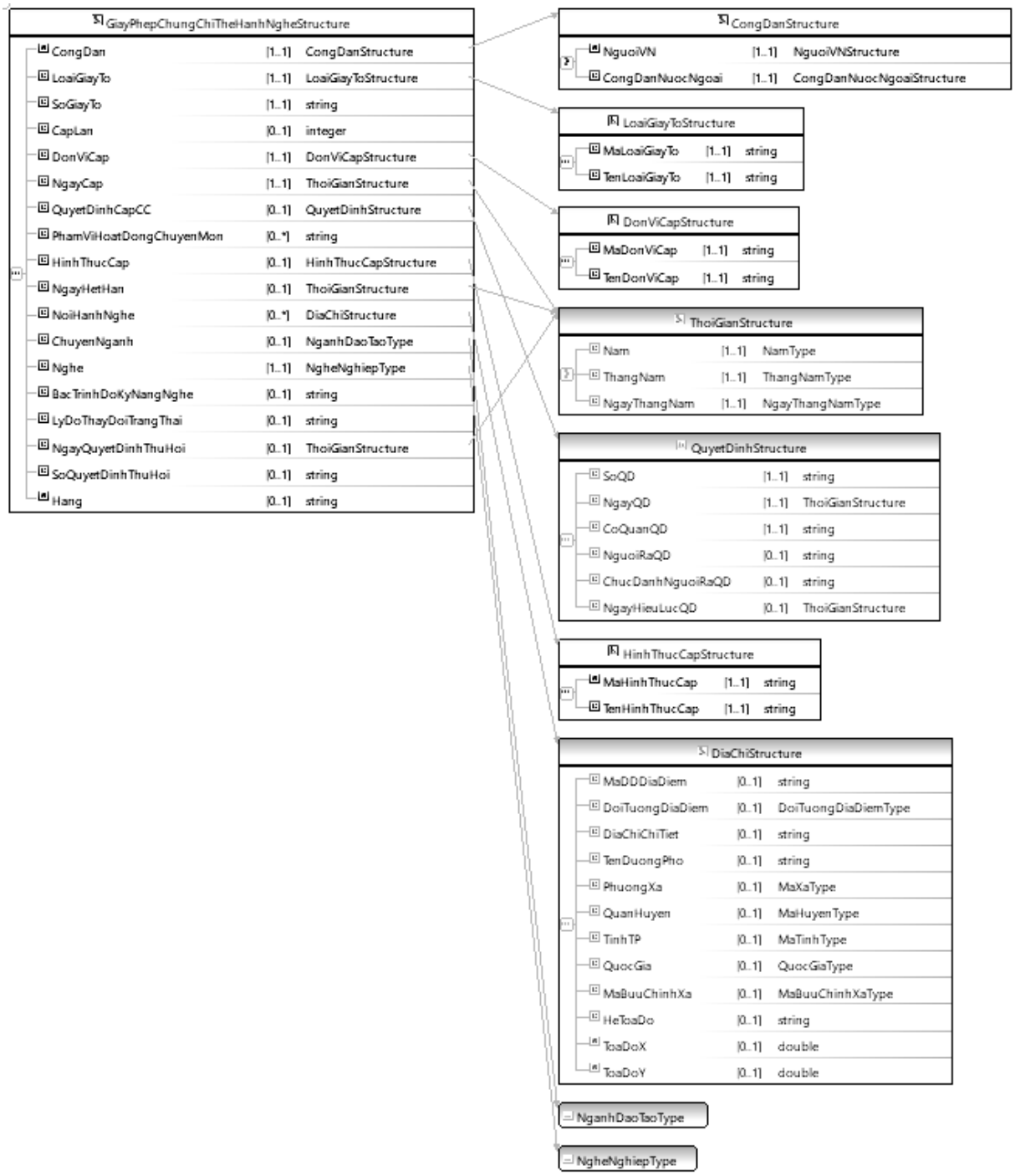

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Giấy phép, chứng chỉ, thẻ hành nghề: GiayPhepChungChiTheHanhNghe

QCVN 09:2025/BCA

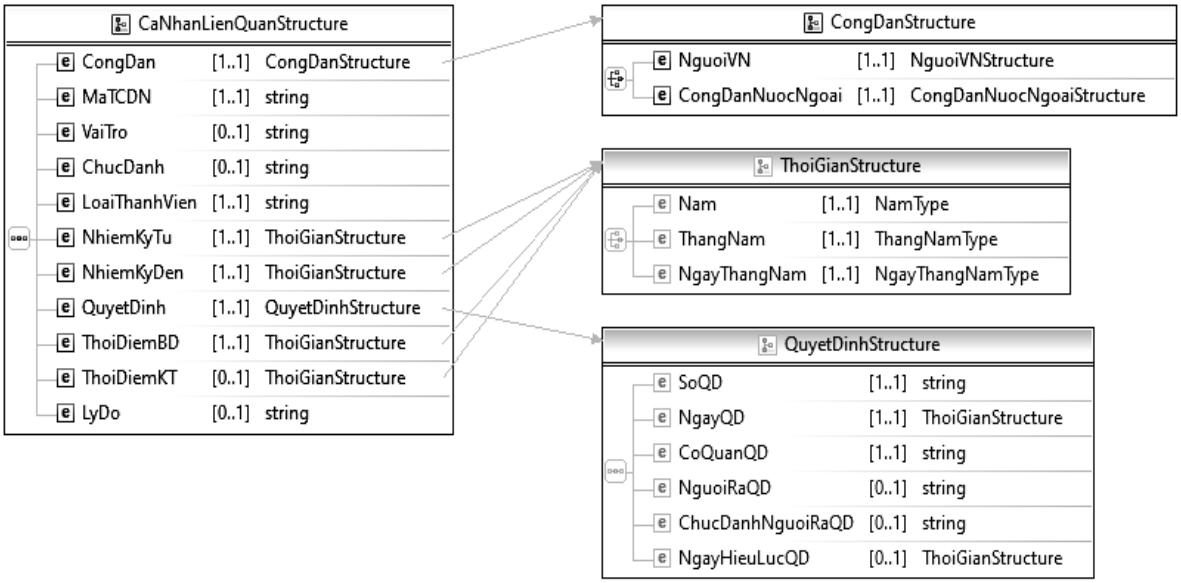

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Cá nhân có liên quan trong tổ chức, doanh nghiệp: CaNhanLienQuan

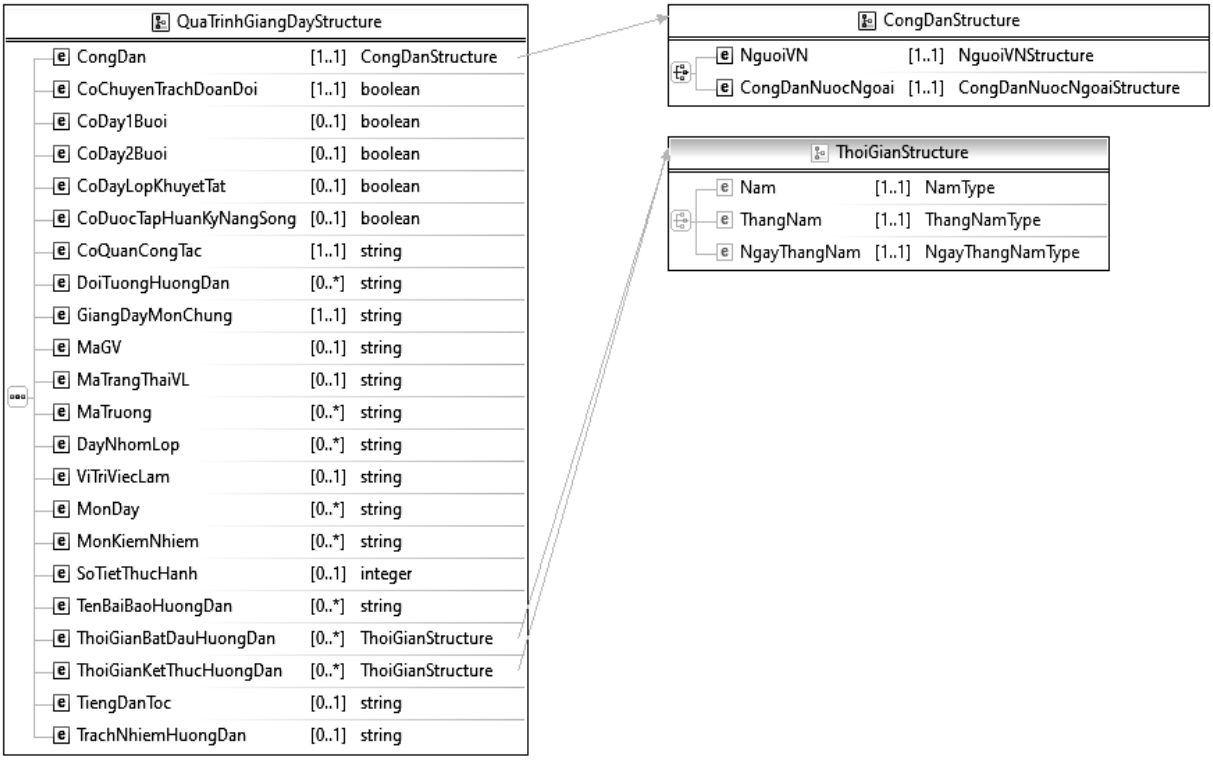

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Quá trình giảng dạy: QuaTrinhGiangDay

QCVN 09:2025/BCA

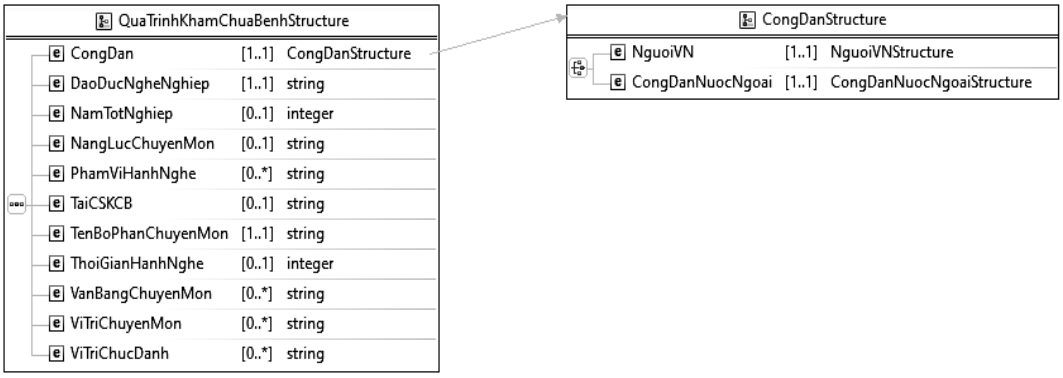

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Quá trình hành nghề khám, chữa bệnh: QuaTrinhKhamChuaBenh

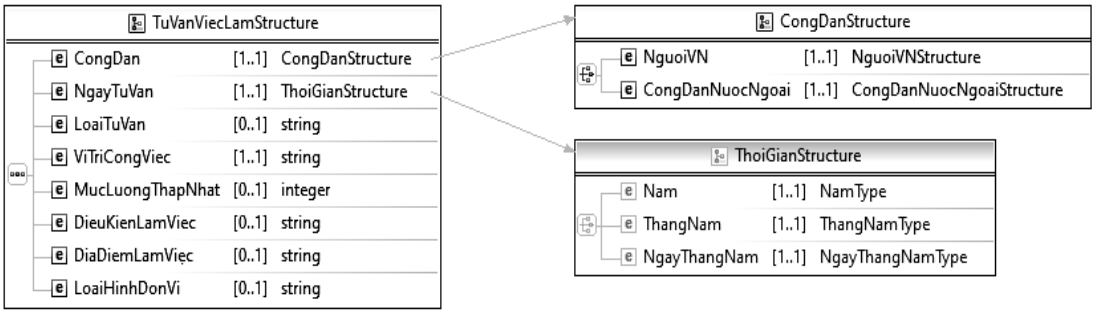

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Thông tin tư vấn việc làm: TuVanViecLam

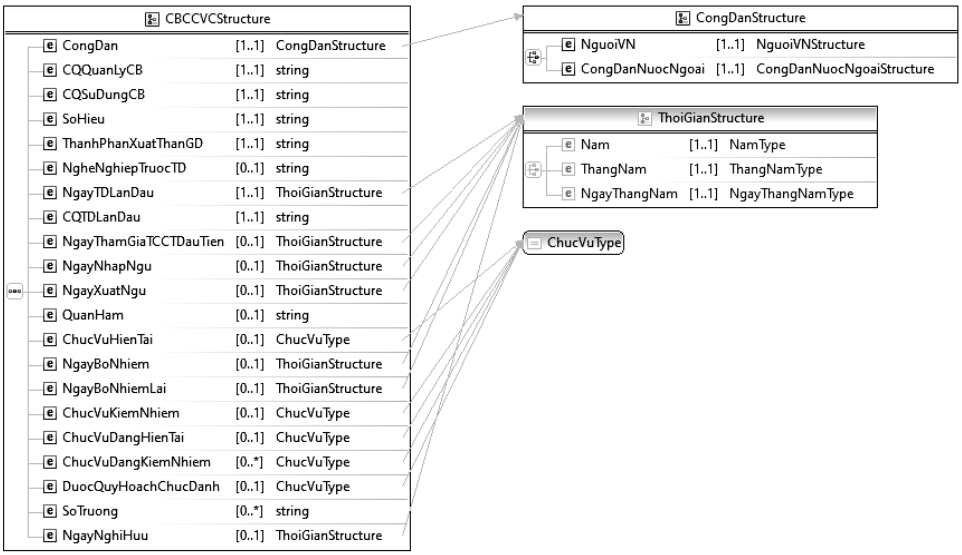

Hình C.1.37. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc lao động việc làm - Thông tin chung cán bộ công chức, viên chức: CBCCVC

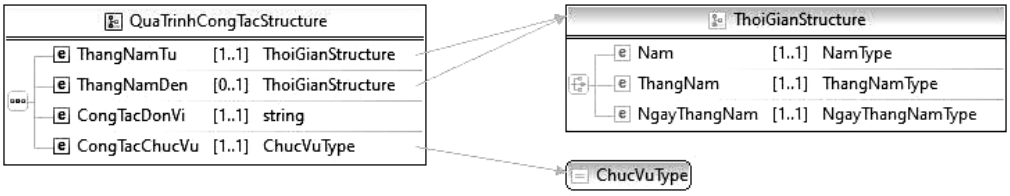

Hình C.1.42. Cấu trúc QuaTrinhCongTac

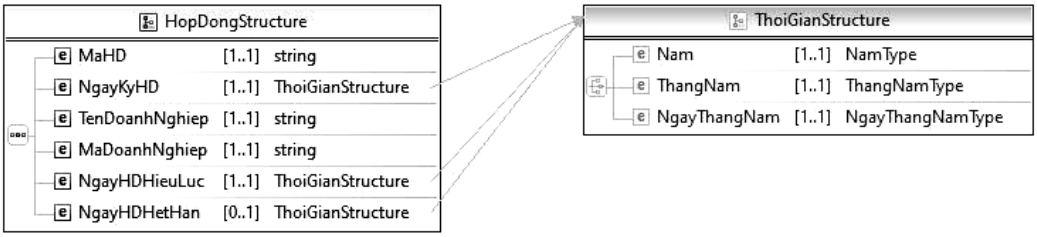

Hình C.1.43. Cấu trúc HopDong

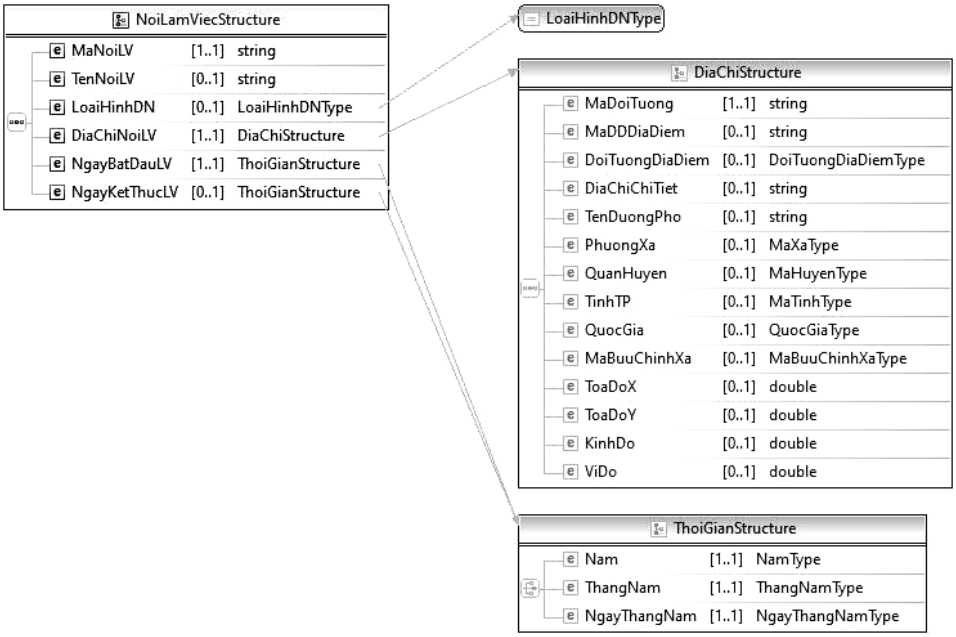

Hình C.1.44. Cấu trúc NoiLamViec

QCVN 09:2025/BCA

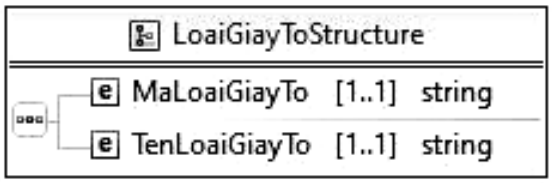

Hình C.1.45. Cấu trúc LoaiGiayTo

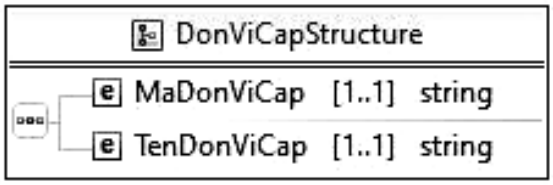

Hình C.1.46. Cấu trúc DonViCap

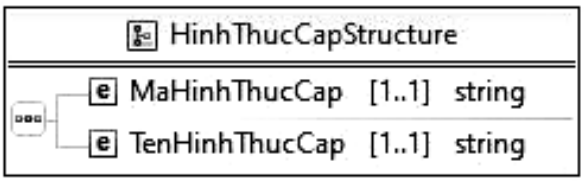

Hình C.1.47. Cấu trúc HinhThucCap

QCVN 09:2025/BCA

e) Phòng, chống tệ nạn xã hội

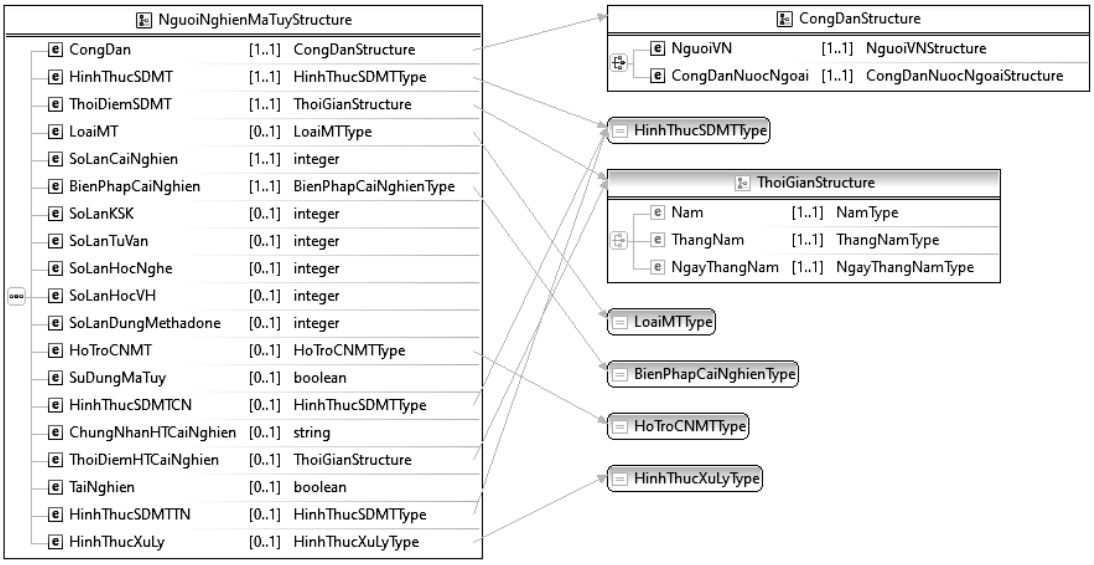

Hình C.1.48. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc phòng chống tệ nạn xã hội - Thông tin người nghiện ma túy: NguoiNghienMaTuy

f) Tham gia bảo hiểm xã hội

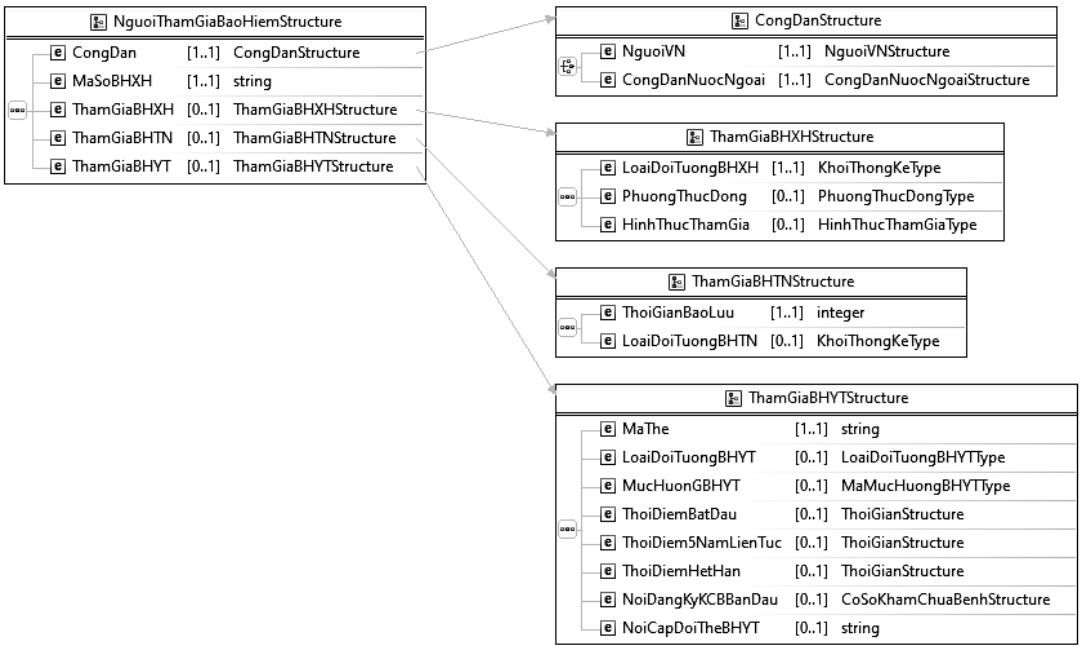

Hình C.1.49. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc tham gia bảo hiểm xã hội - Thông tin người tham gia BHXH, BHYT, BHTN: NguoiThamGiaBaoHiem

QCVN 09:2025/BCA

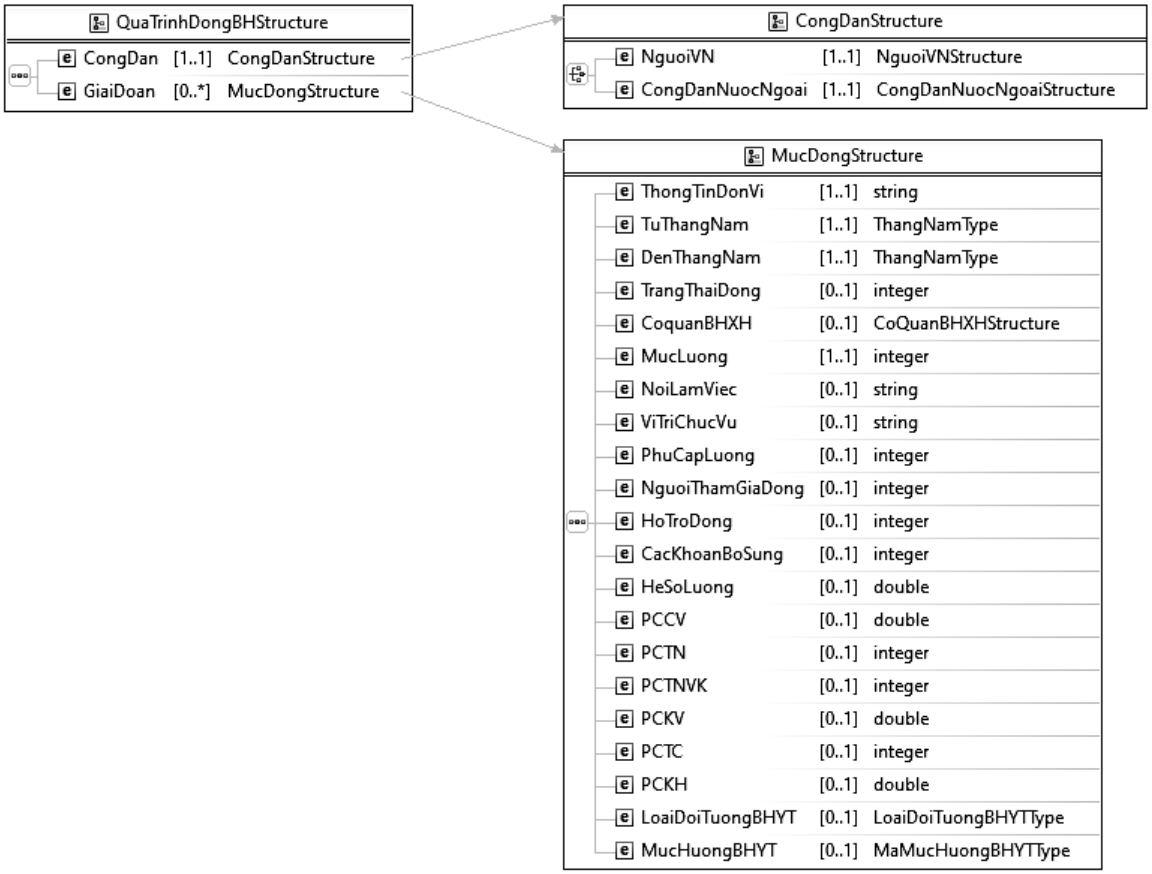

Hình C.1.50. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc tham gia bảo hiểm xã hội - Quá trình đóng BHXH, BHYT, BHTN: QuaTrinhDongBH

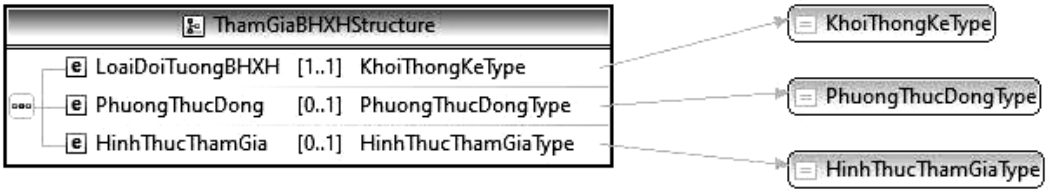

Hình C.1.51. Cấu trúc ThamGiaBHXH

QCVN 09:2025/BCA

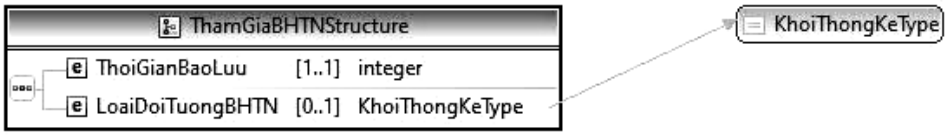

Hình C.1.52. Cấu trúc ThamGiaBHTN

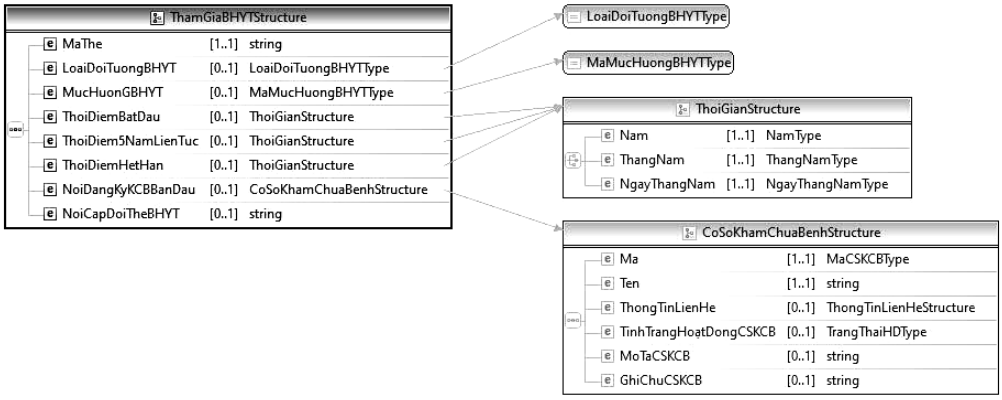

Hình C.1.53. Cấu trúc ThamGiaBHYT

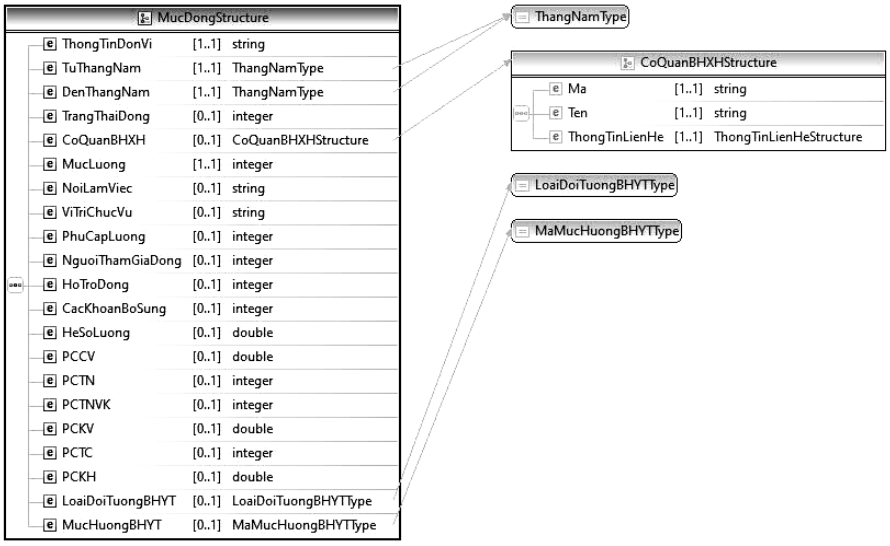

Hình C.1.54. Cấu trúc MucDong

QCVN 09:2025/BCA

g) Thông tin hưởng BHXH

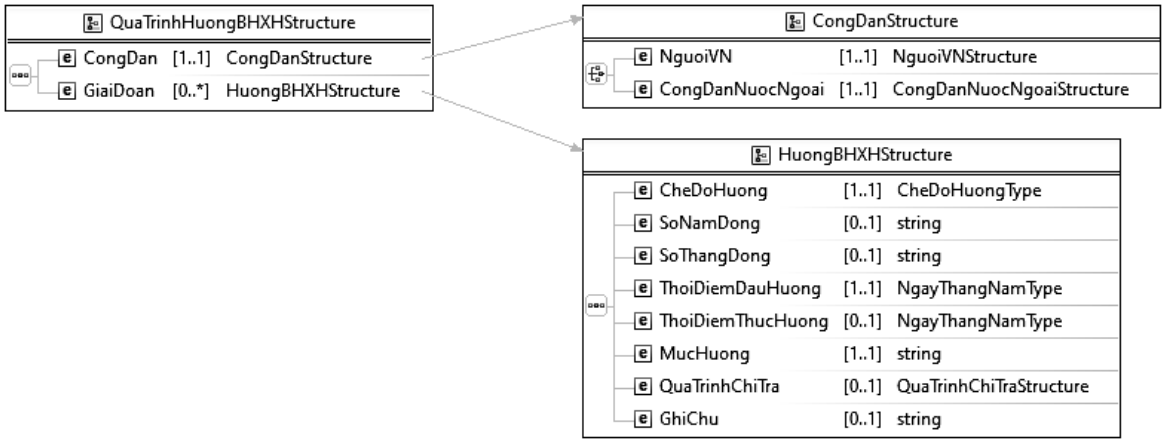

Hình C.1.55. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin hưởng BHXH - Quá trình hưởng BHXH: QuaTrinhHuongBHXH

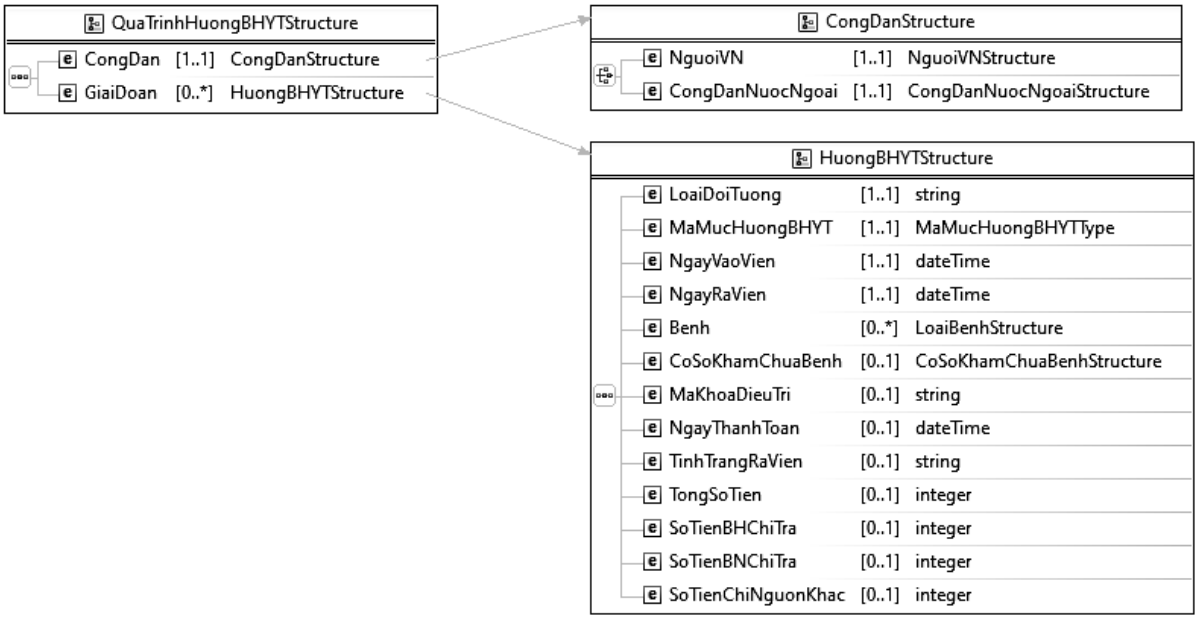

Hình C.1.56. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin hưởng BHXH - Quá trình hưởng BHXH: QuaTrinhHuongBHYT

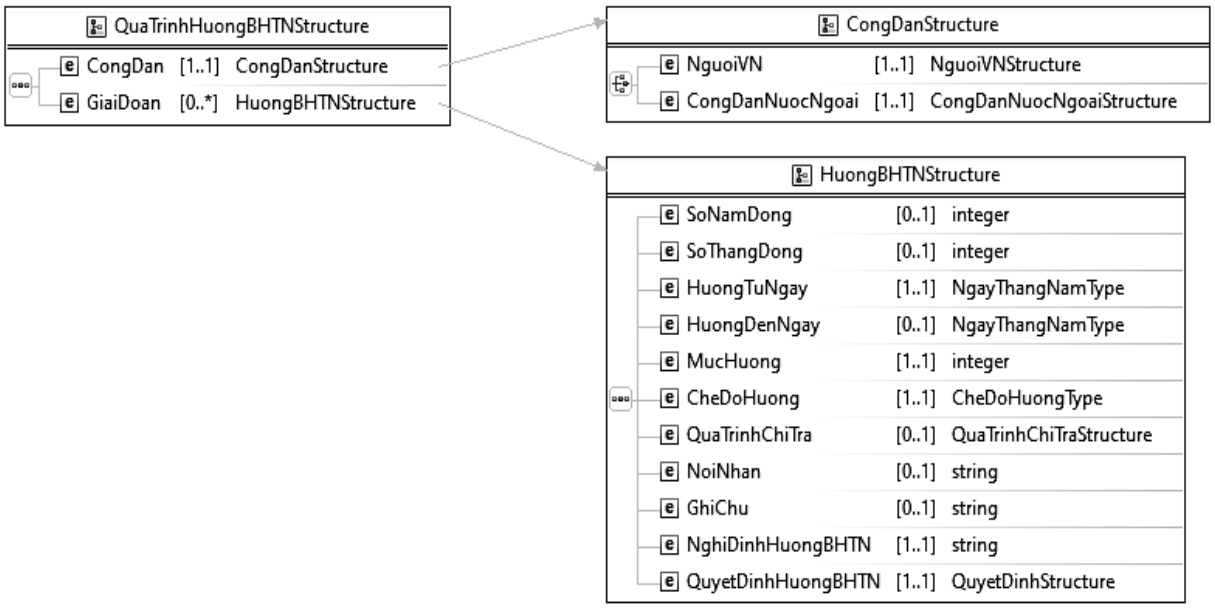

Hình C.1.57. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin hưởng BHXH - Quá trình hưởng BHXH: QuaTrinhHuongBHTN

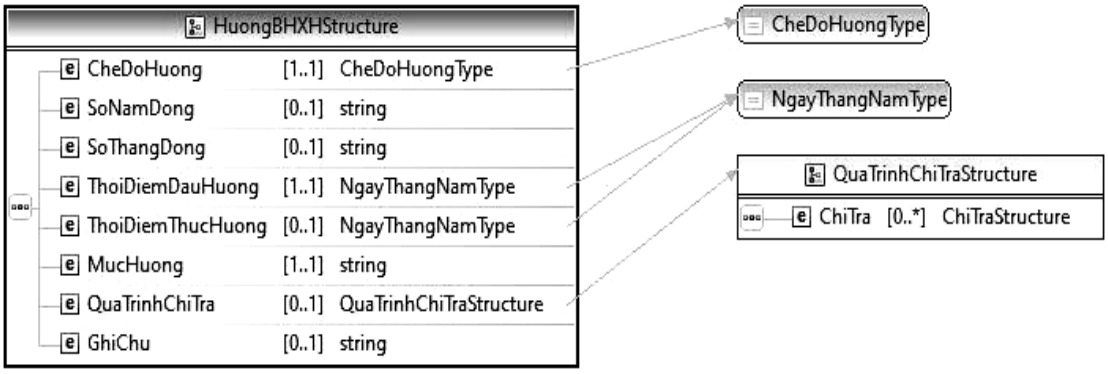

Hình C.1.58. Cấu trúc HuongBHXH

QCVN 09:2025/BCA

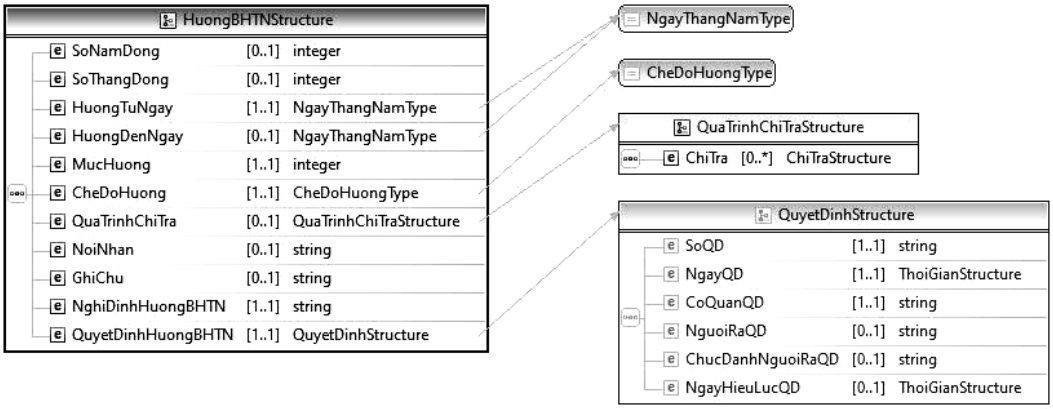

Hình C.1.59. Cấu trúc HuongBHTN

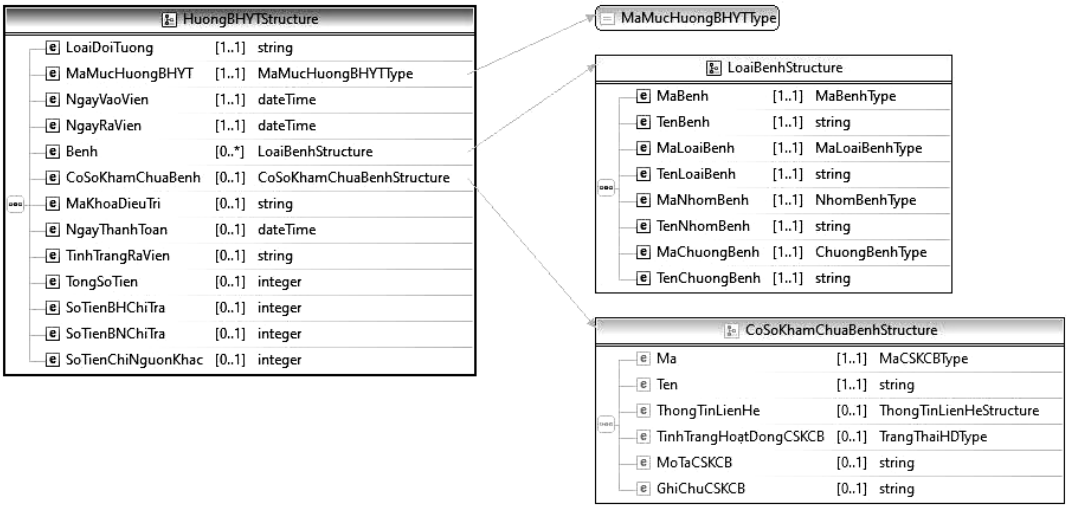

Hình C.1.60. Cấu trúc HuongBHYT

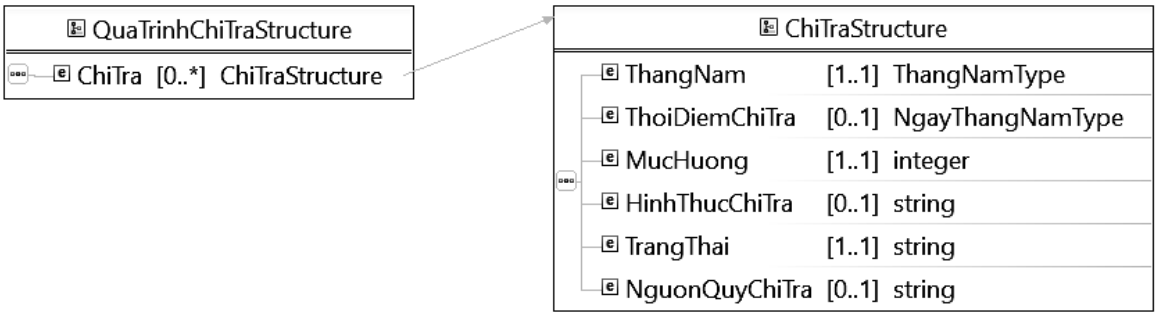

Hình C.1.61. Cấu trúc QuaTrinhChiTra

QCVN 09:2025/BCA

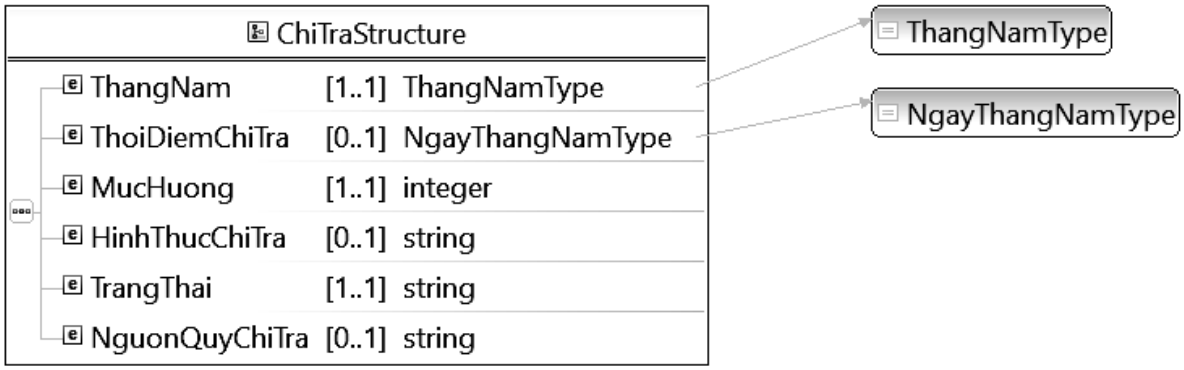

Hình C.1.62. Cấu trúc ChiTra

h) Tình hình bạo lực gia đình

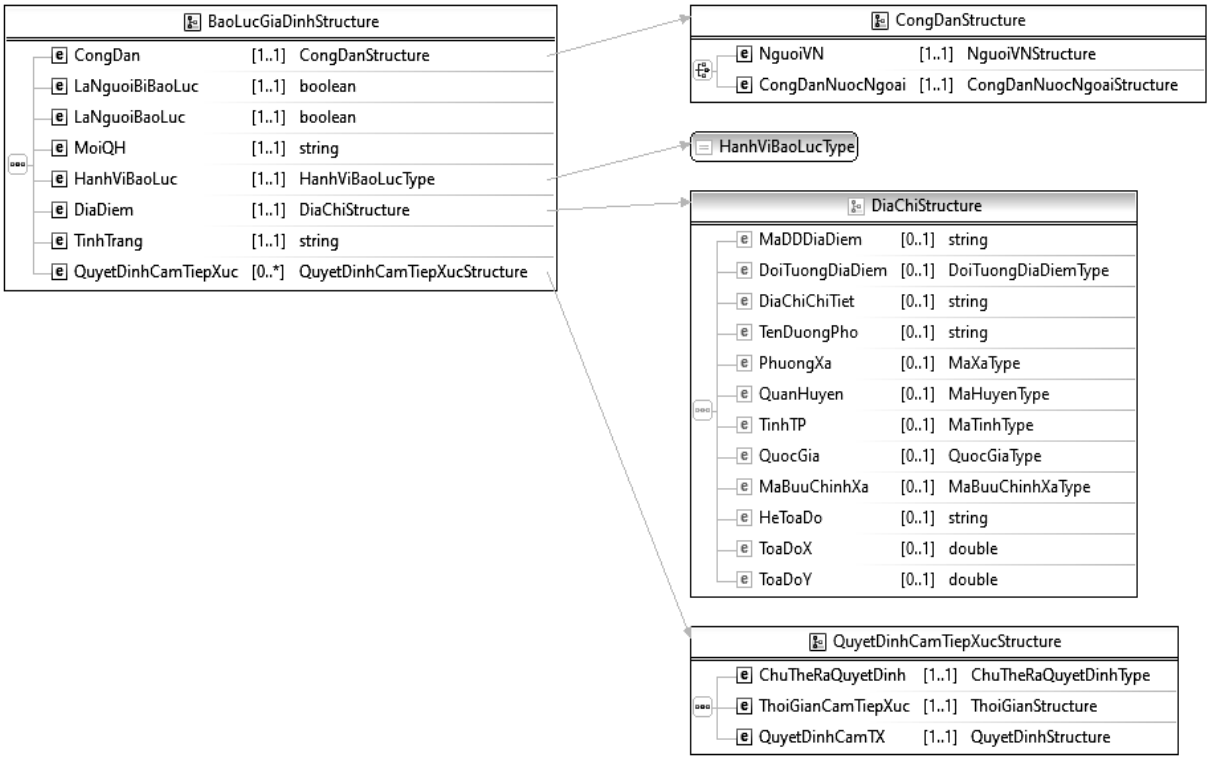

Hình C.1.63. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc tình hình bạo lực gia đình - Tình trạng bạo lực gia đình: BaoLucGiaDinh

QCVN 09:2025/BCA

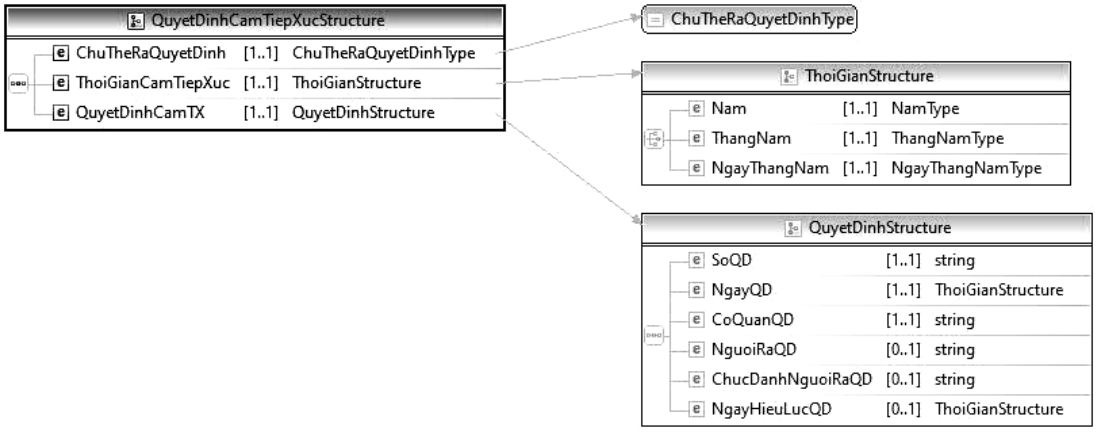

Hình C.1.64. Cấu trúc QuyetDinhCamTiepXuc

i) Văn hóa thể thao

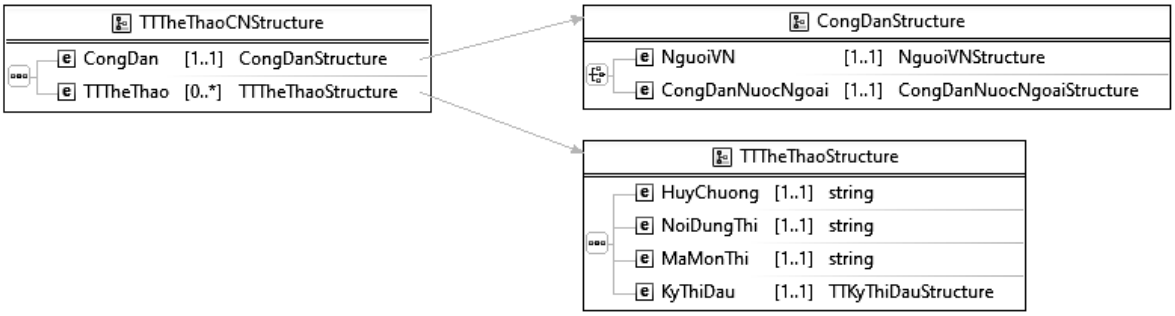

Hình C.1.65. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc văn hóa thể thao - Thành tích thể thao: TTTheThaoCN

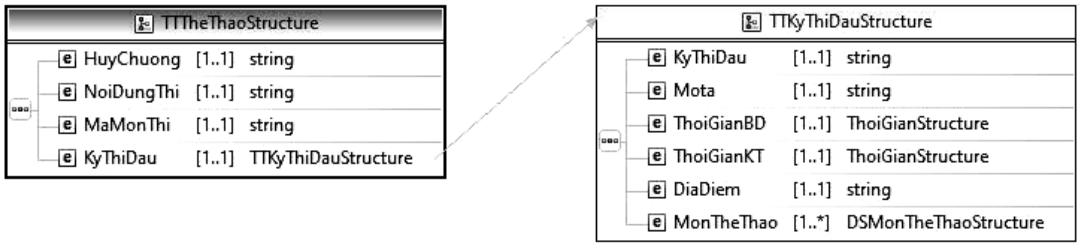

Hình C.1.66. Cấu trúc TTTheThao

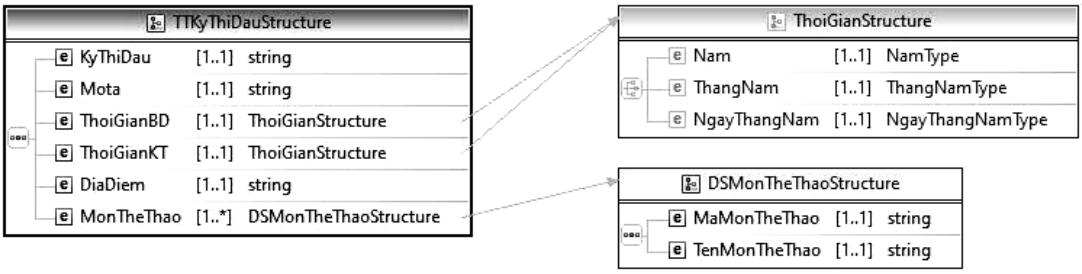

Hình C.1.67. Cấu trúc TTKyThiDau

Hình C.1.68. Cấu trúc DSMonTheThao

C1.4. Nhóm thu nhập và thuế

a) Thông tin về thuế

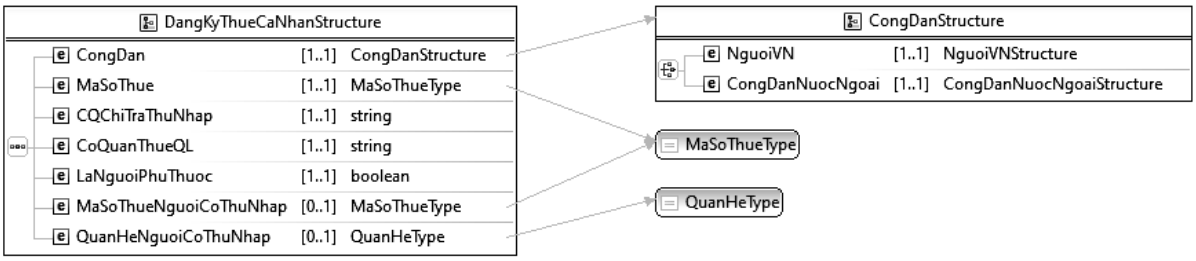

Hình C.1.69. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về thuế - Đăng ký thuế cho cá nhân: DangKyThueCaNhan

QCVN 09:2025/BCA

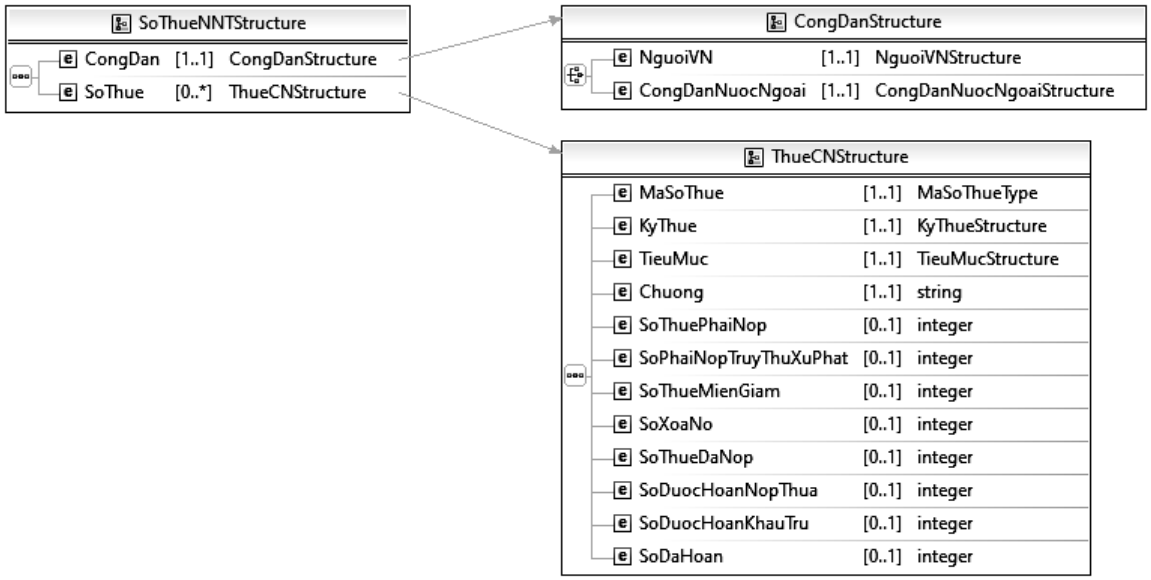

Hình C.1.70. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về thuế - Số thuế của NNT: SoThueNNT

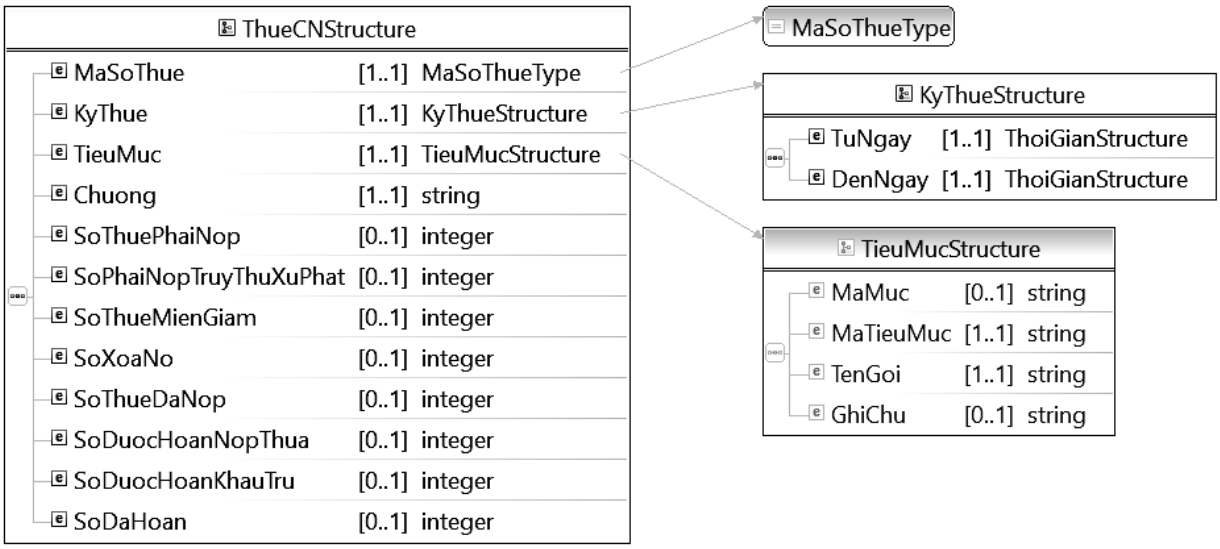

Hình C.1.71. Cấu trúc ThueCN

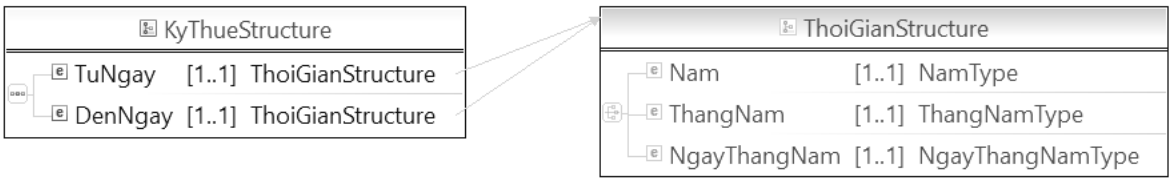

Hình C.1.72. Cấu trúc KyThue

b) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh

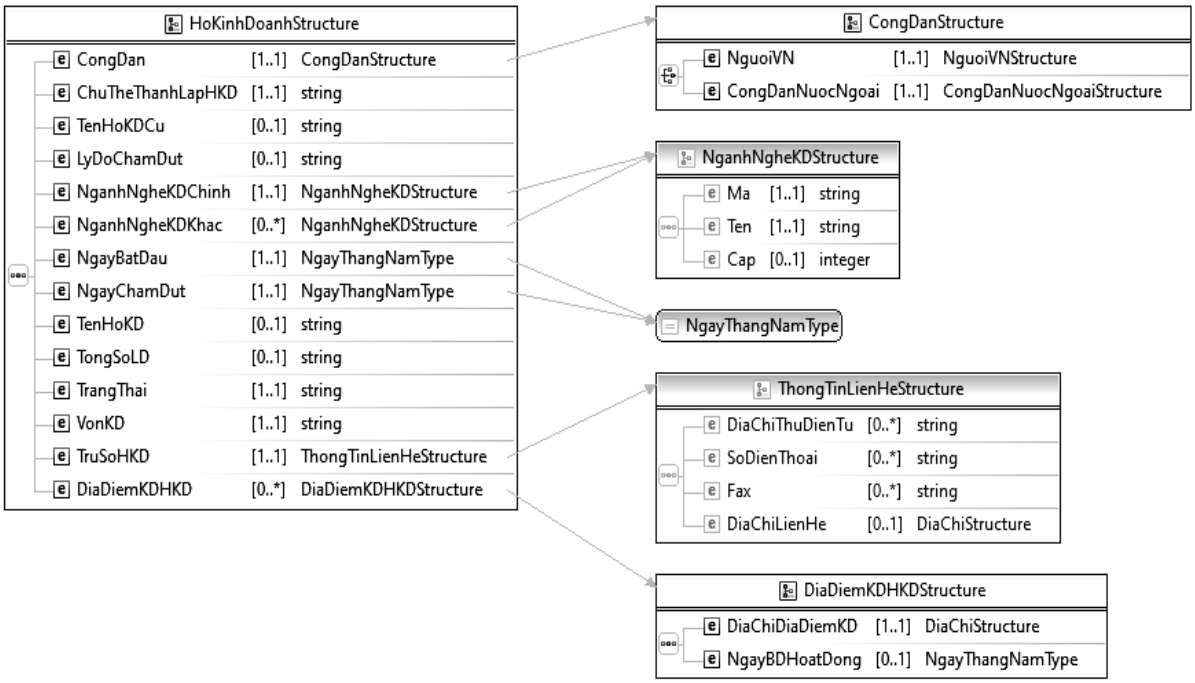

Hình C.1.73. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh - Thông tin chung hộ kinh doanh: HoKinhDoanh

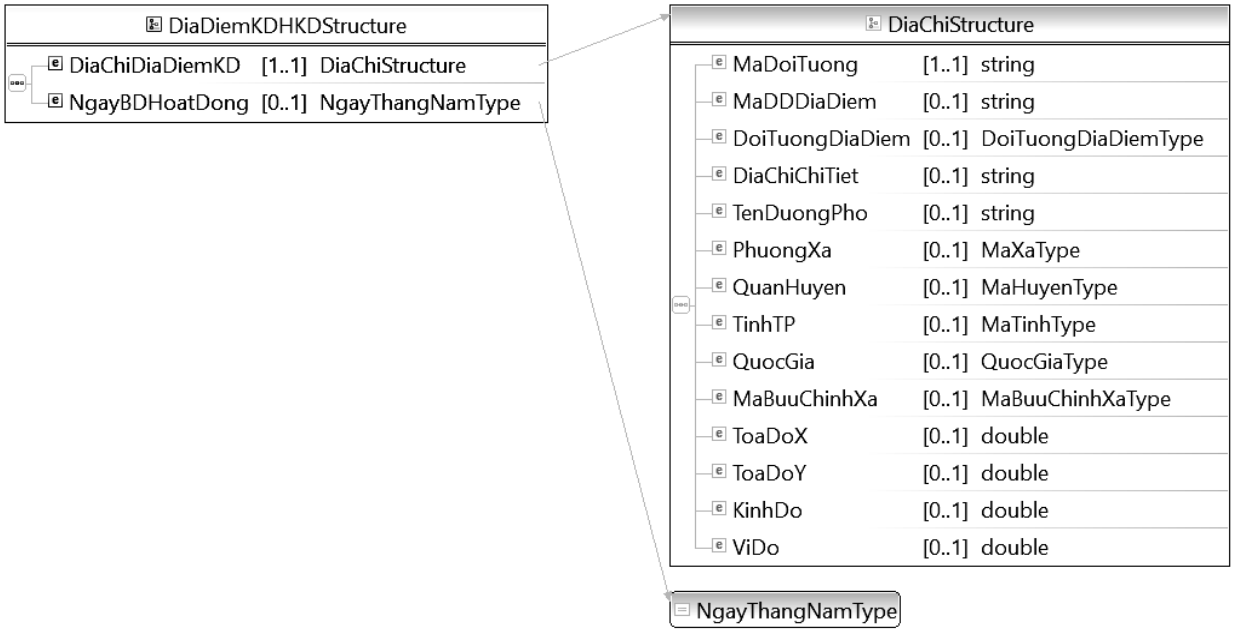

Hình C.1.74. Cấu trúc DiaDiemKDHKD

QCVN 09:2025/BCA

c) Thu nhập từ tiền lương, tiền công

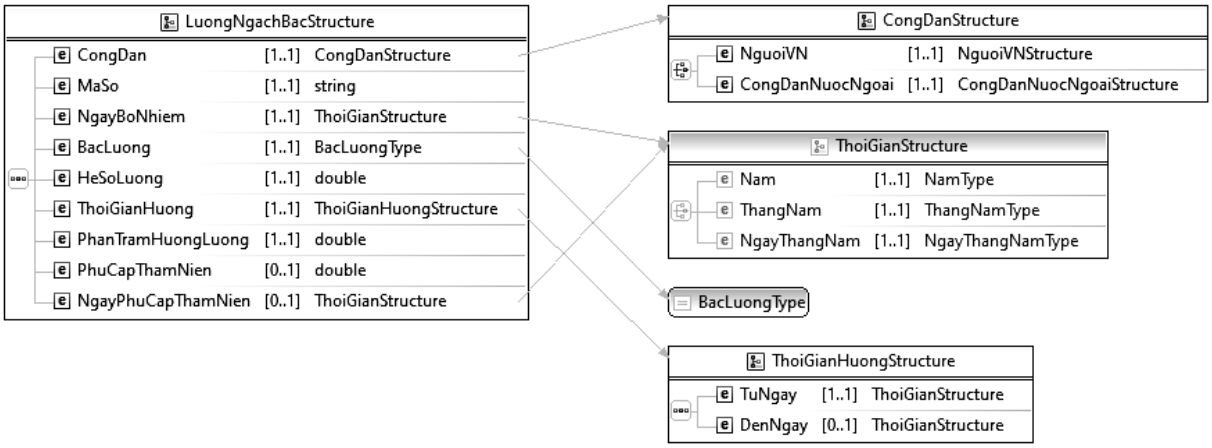

Hình C.1.75. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thu nhập từ tiền lương, tiền công - Lương theo hệ số: LuongNgachBac

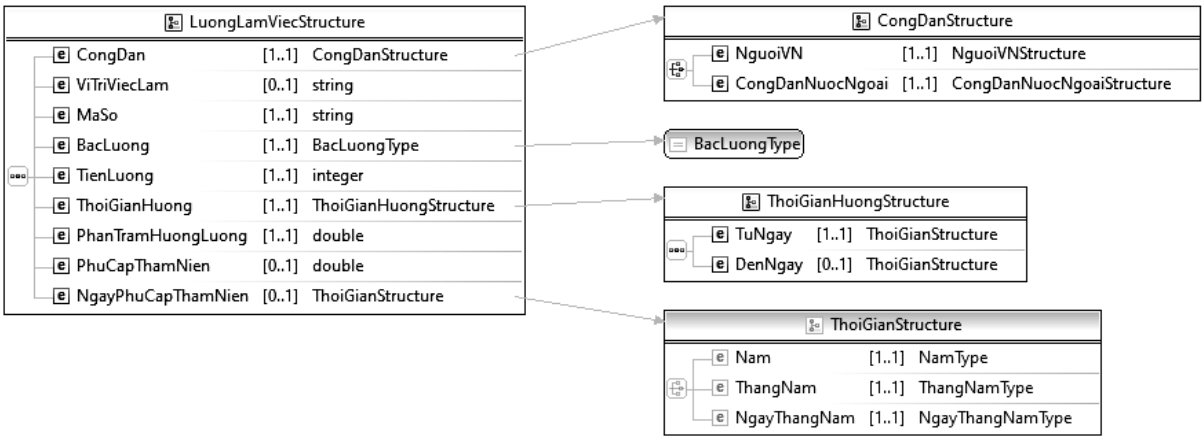

Hình C.1.76. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thu nhập từ tiền lương, tiền công - Lương theo vị trí làm việc: LuongLamViec

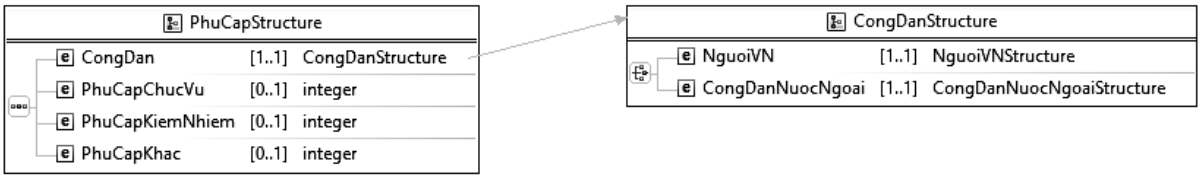

Hình C.1.77. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thu nhập từ tiền lương, tiền công - Phụ cấp: PhuCap

QCVN 09:2025/BCA

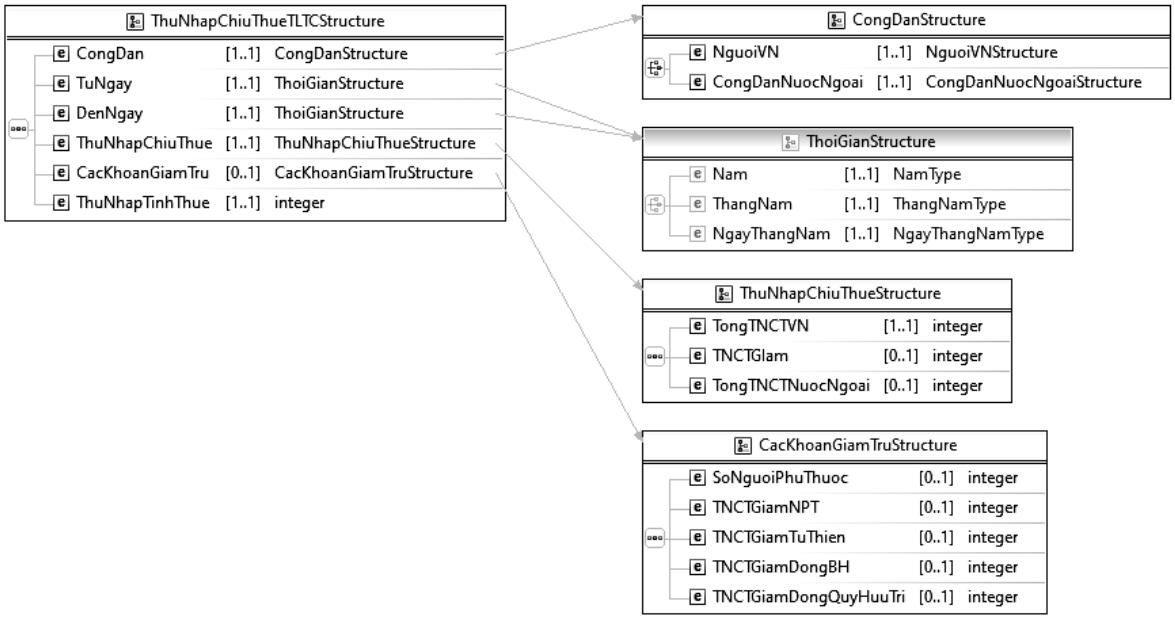

Hình C.1.78. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thu nhập từ tiền lương, tiền công - Thu nhập chịu thuế từ tiền lương tiền công: ThuNhapChiuThueTLTC

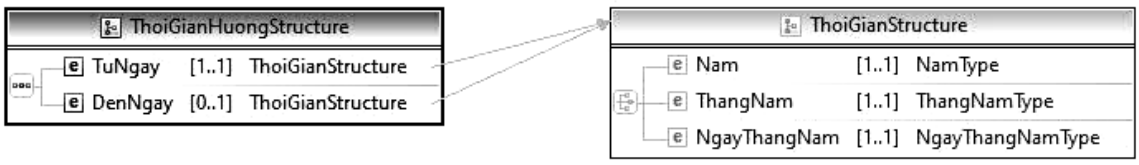

Hình C.1.79. Cấu trúc ThoiGianHuong

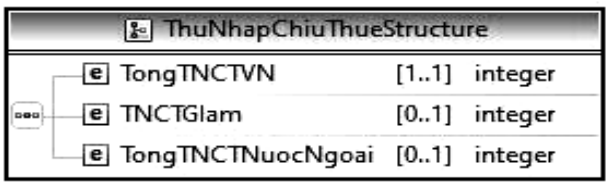

Hình C.1.80. Cấu trúc ThuNhapChiuThue

QCVN 09:2025/BCA

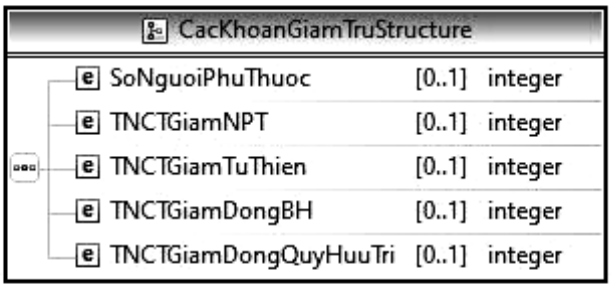

Hình C.1.81. Cấu trúc CacKhoanGiamTru

d) Thu nhập khác

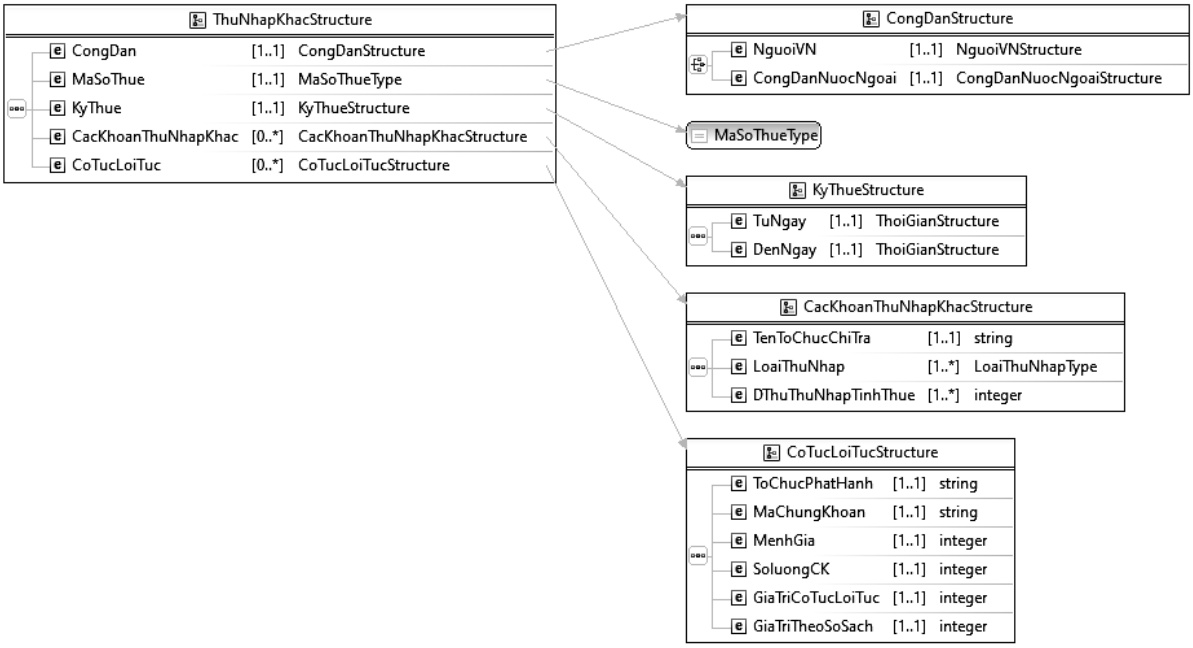

Hình C.1.82. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thu nhập khác - Thu nhập khác: ThuNhapKhac

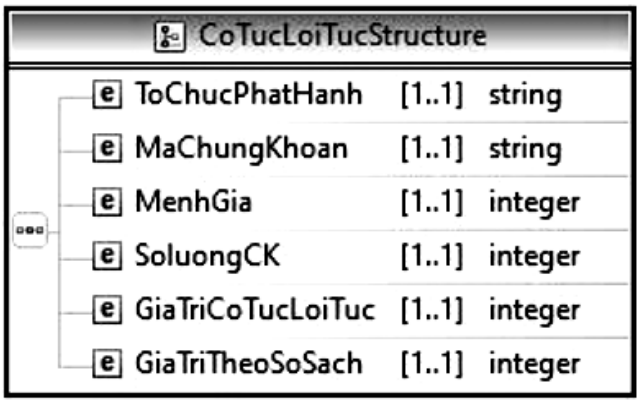

Hình C.1.83. Cấu trúc CoTucLoiTuc

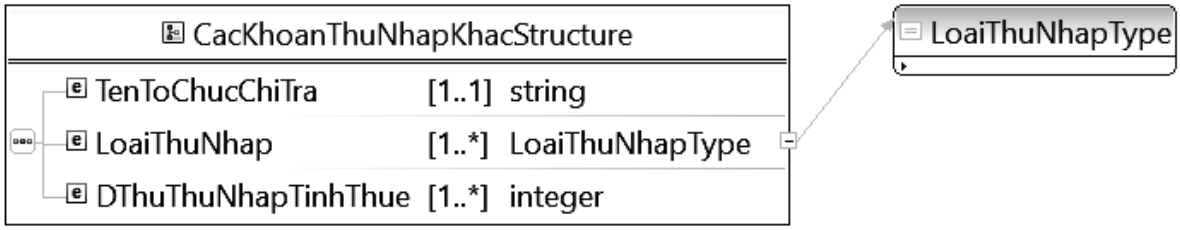

Hình C.1.84. Cấu trúc CacKhoanThuNhapKhac

C1.5. Nhóm năng lực, trình độ

a) Đánh giá chuẩn và kỹ năng

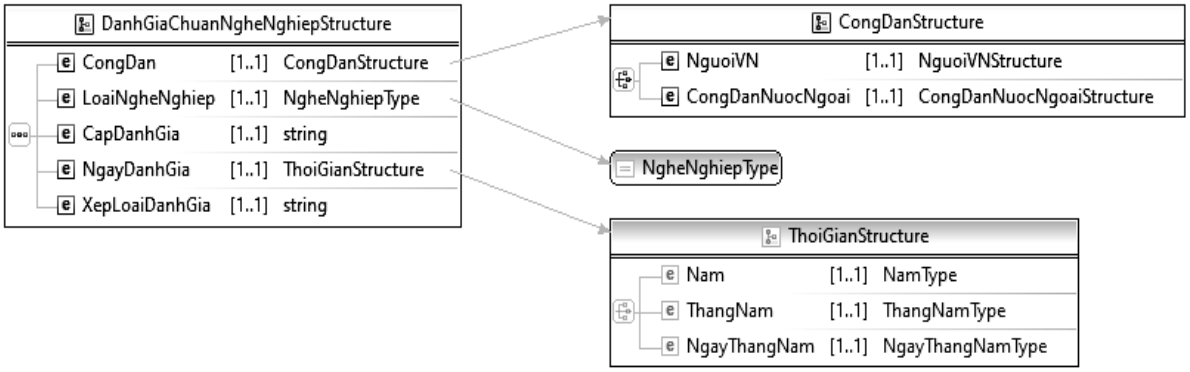

Hình C.1.85. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc đánh giá chuẩn và kỹ năng - Đánh giá chuẩn nghề nghiệp: DanhGiaChuanNgheNghiep

QCVN 09:2025/BCA

b) Danh hiệu được phong tặng

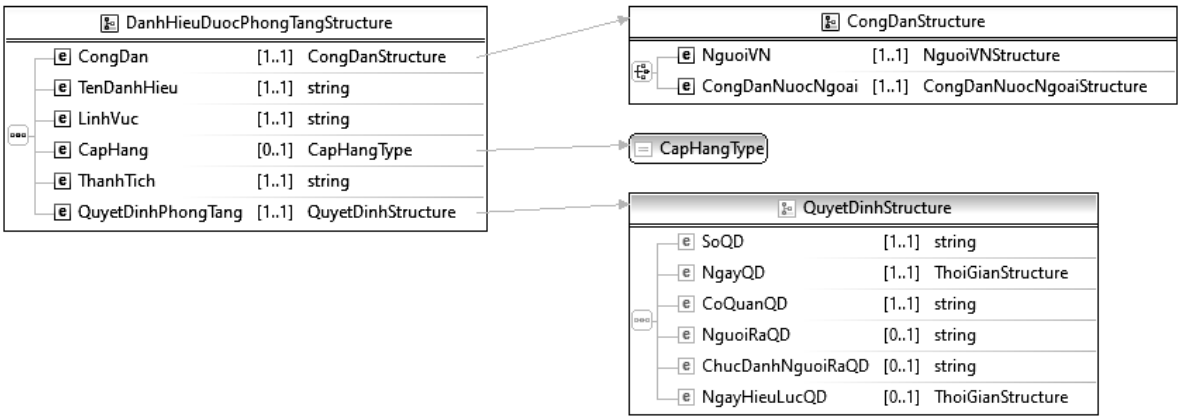

Hình C.1.86. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc danh hiệu được phong tặng - Danh hiệu được phong tặng: DanhHieuDuocPhongTang

c) Thông tin khen thưởng, kỷ luật

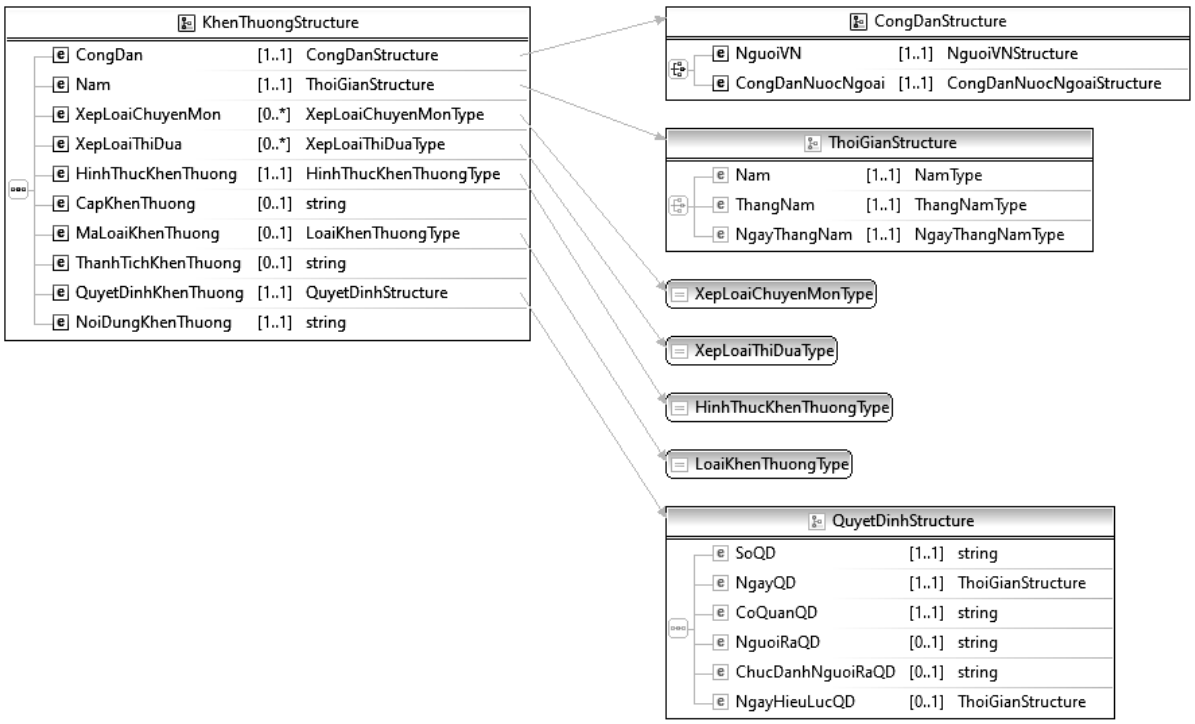

Hình C.1.87. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khen thưởng, kỷ luật - Khen thưởng: KhenThuong

QCVN 09:2025/BCA

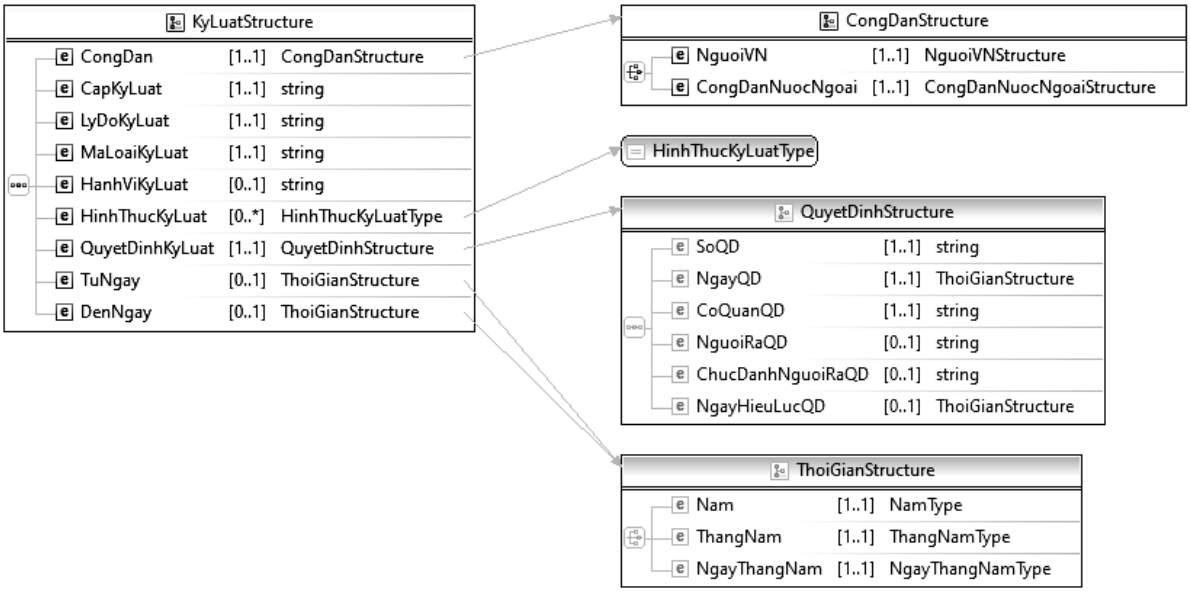

Hình C.1.88. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khen thưởng, kỷ luật - Kỷ luật: KyLuat

d) Trình độ chung

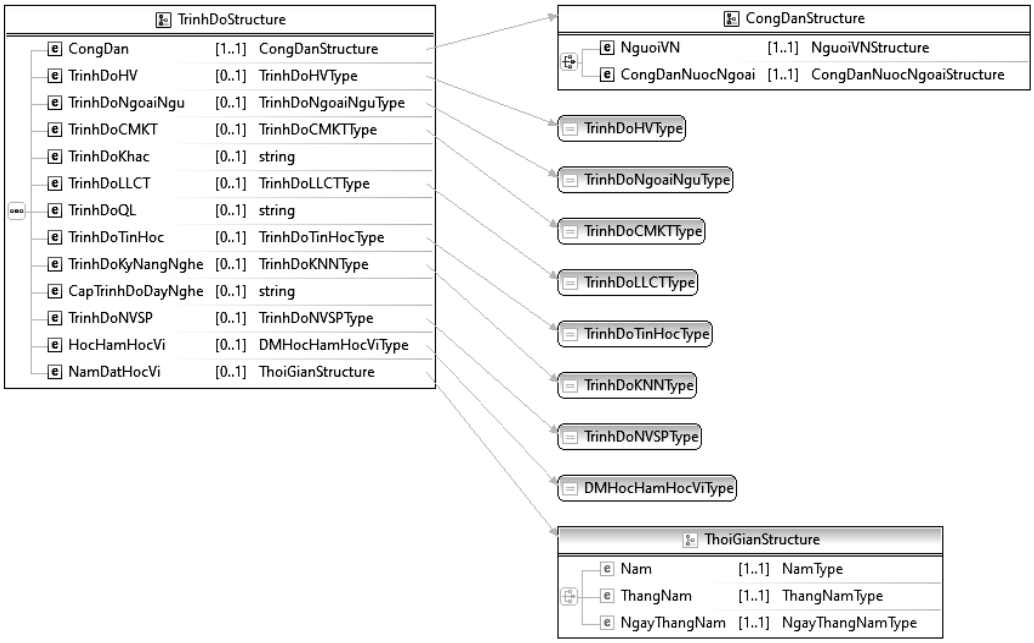

Hình C.1.89. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc trình độ chung - Trình độ: TrinhDo

QCVN 09:2025/BCA

e) Văn bằng, chứng chỉ

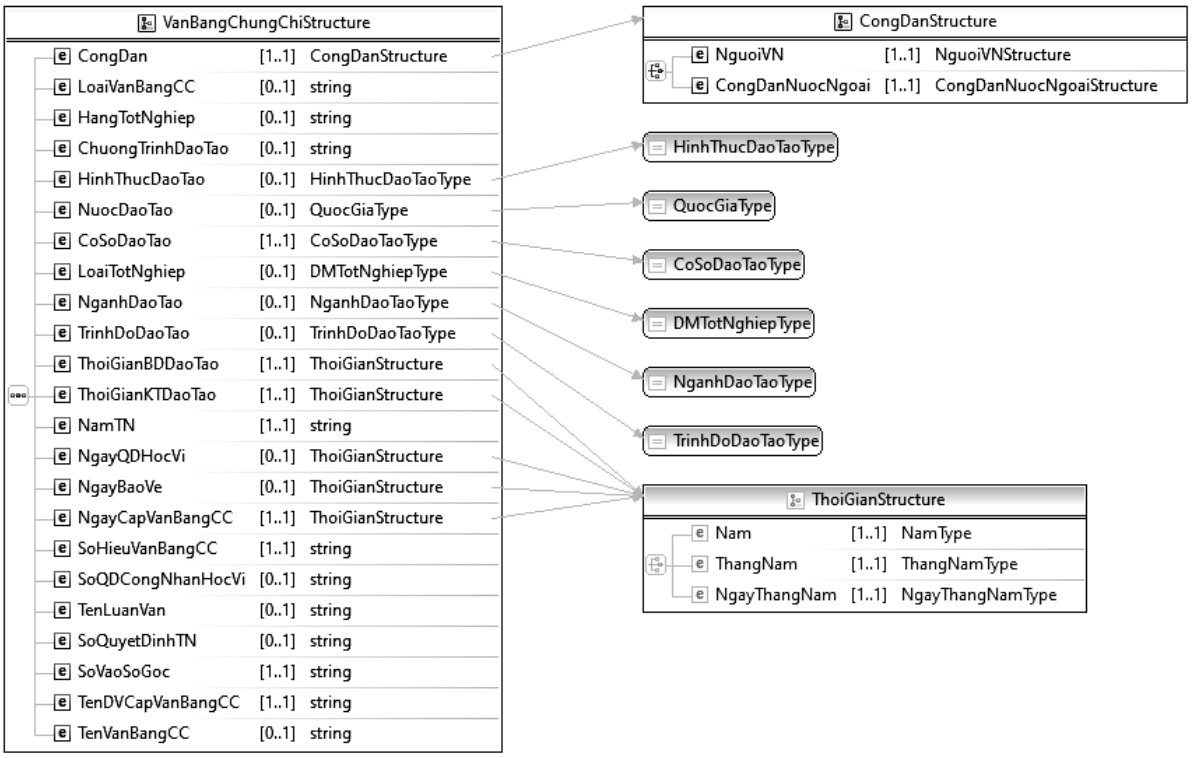

Hình C.1.90. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc văn bằng, chứng chỉ - Văn bằng, chứng chỉ: VanBangChungChi

C1.6. Nhóm giáo dục, nghiên cứu

a) Nghiên cứu và phát triển KHCN

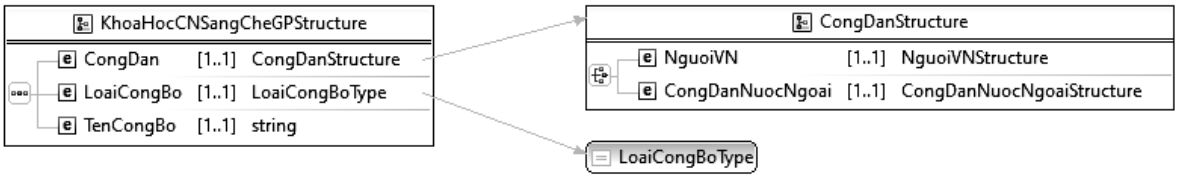

Hình C.1.91. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc nghiên cứu và phát triển KHCN - Công bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích: KhoaHocCNSangCheGP

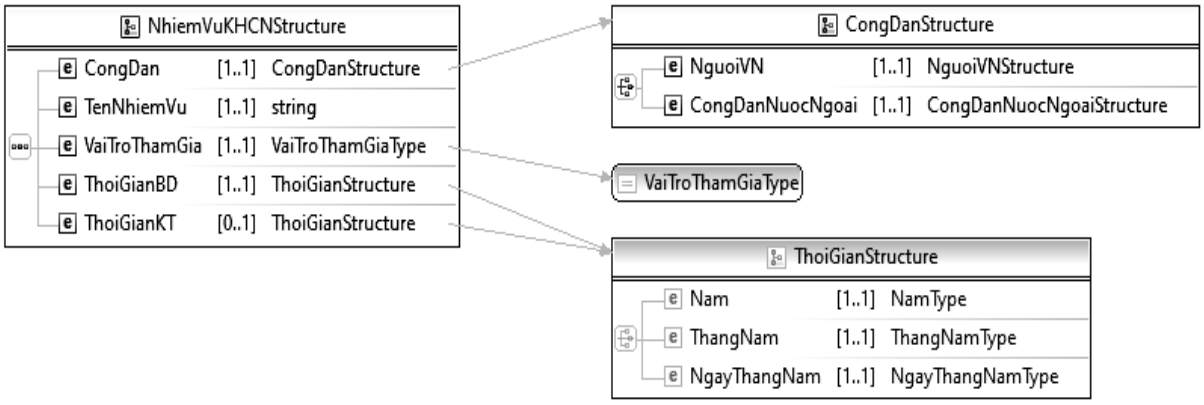

Hình C.1.92. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc Nghiên cứu và phát triển KHCN - Nhiệm vụ khoa học công nghệ: NhiemVuKHCN

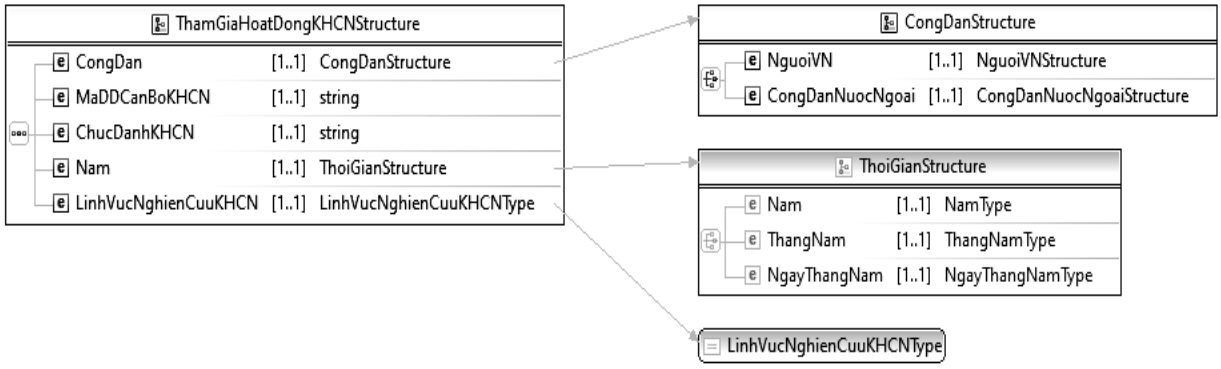

Hình C.1.93. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc Nghiên cứu và phát triển KHCN - Tham gia hoạt động khoa học công nghệ: ThamGiaHoatDongKHCN

QCVN 09:2025/BCA

b) Thông tin về giáo dục, đào tạo

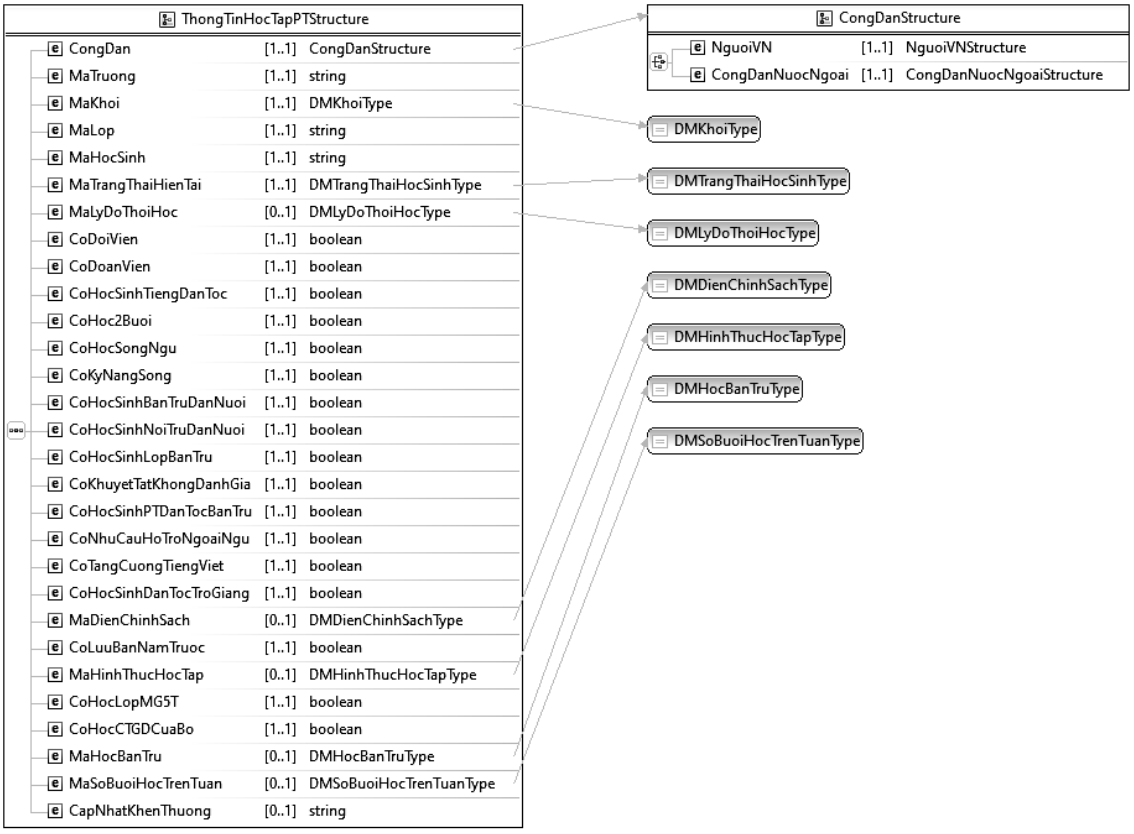

Hình C.1.94. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Thông tin học tập từ mầm non đến THPT: ThongTinHocTapPT

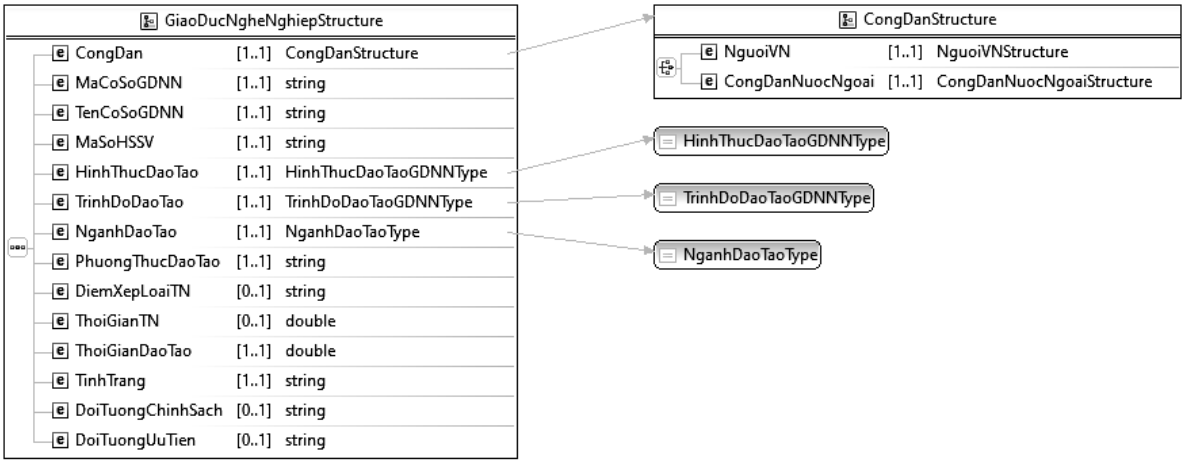

Hình C.1.95. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Thông tin học sinh, sinh viên, học viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: GiaoDucNgheNghiep

QCVN 09:2025/BCA

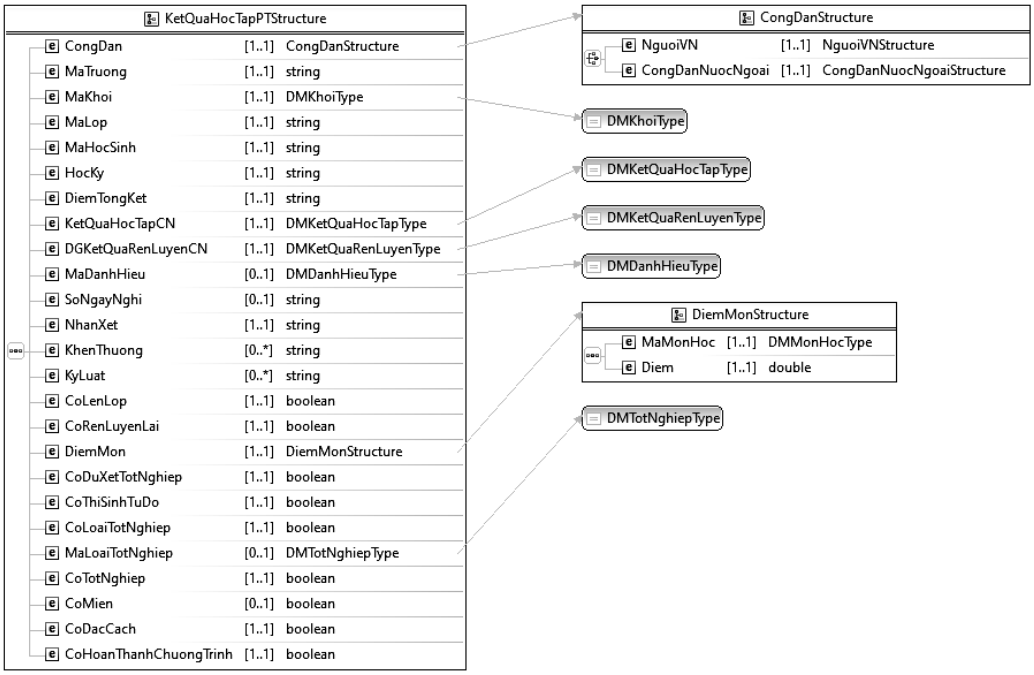

Hình C.1.96. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Kết quả học tập từ mầm non đến THPT: KetQuaHocTapPT

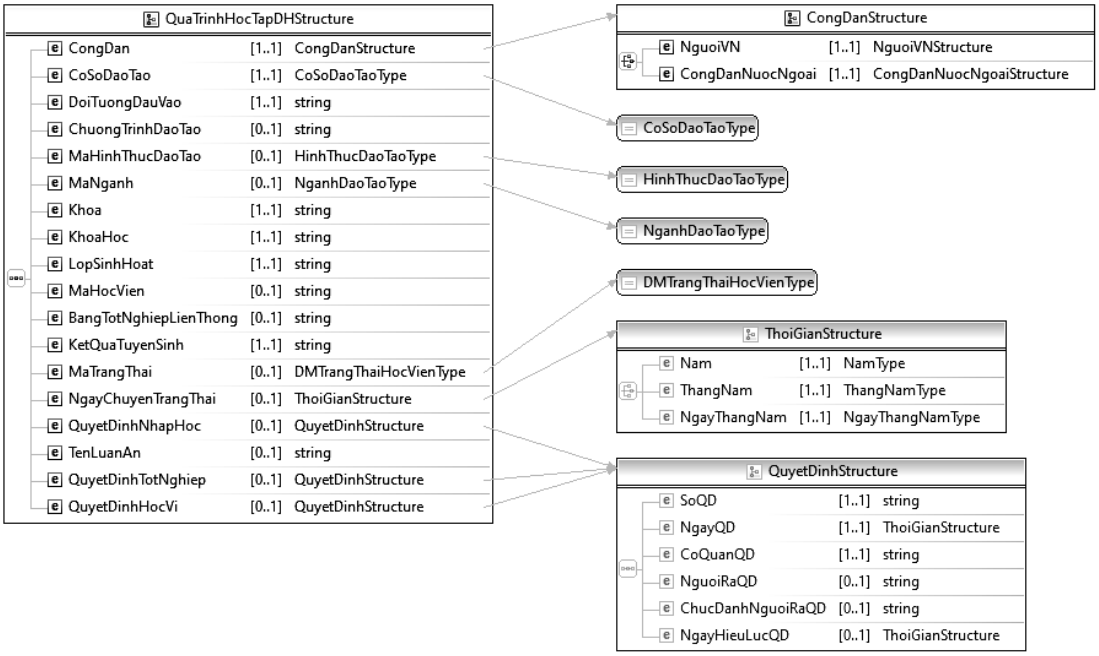

Hình C.1.97. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên: QuaTrinhHocTapDH

QCVN 09:2025/BCA

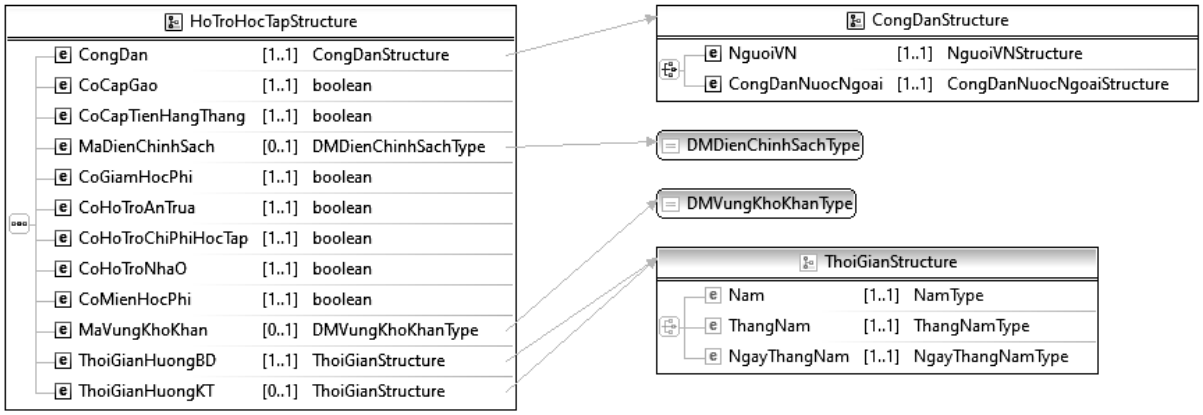

Hình C.1.98. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Thông tin hỗ trợ học tập: HoTroHocTap

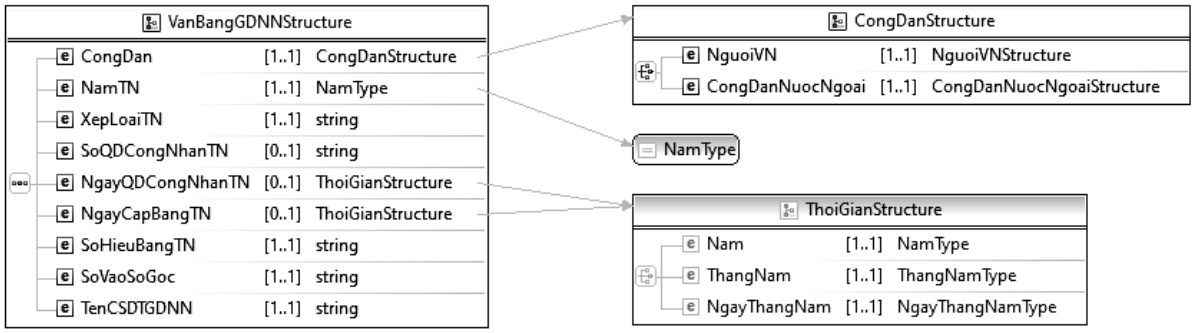

Hình C.1.99. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Thông tin văn bằng giáo dục nghề nghiệp: VanBangGDNN

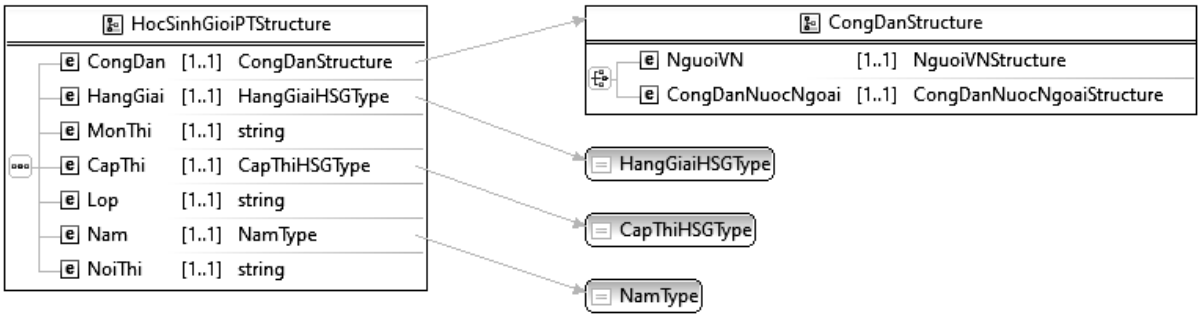

Hình C.1.100. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về giáo dục, đào tạo - Thông tin đạt giải kỳ thi học sinh giỏi: HocSinhGioiPT

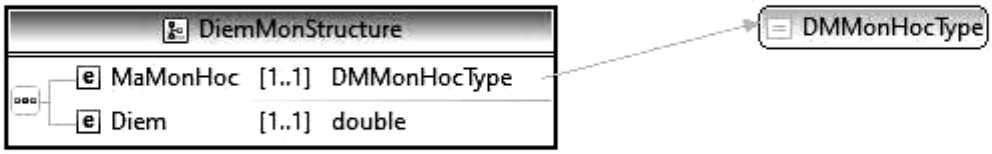

Hình C.1.101. Cấu trúc DiemMon

C.1.7. Nhóm y tế và sức khỏe

a) Thông tin khám chữa bệnh

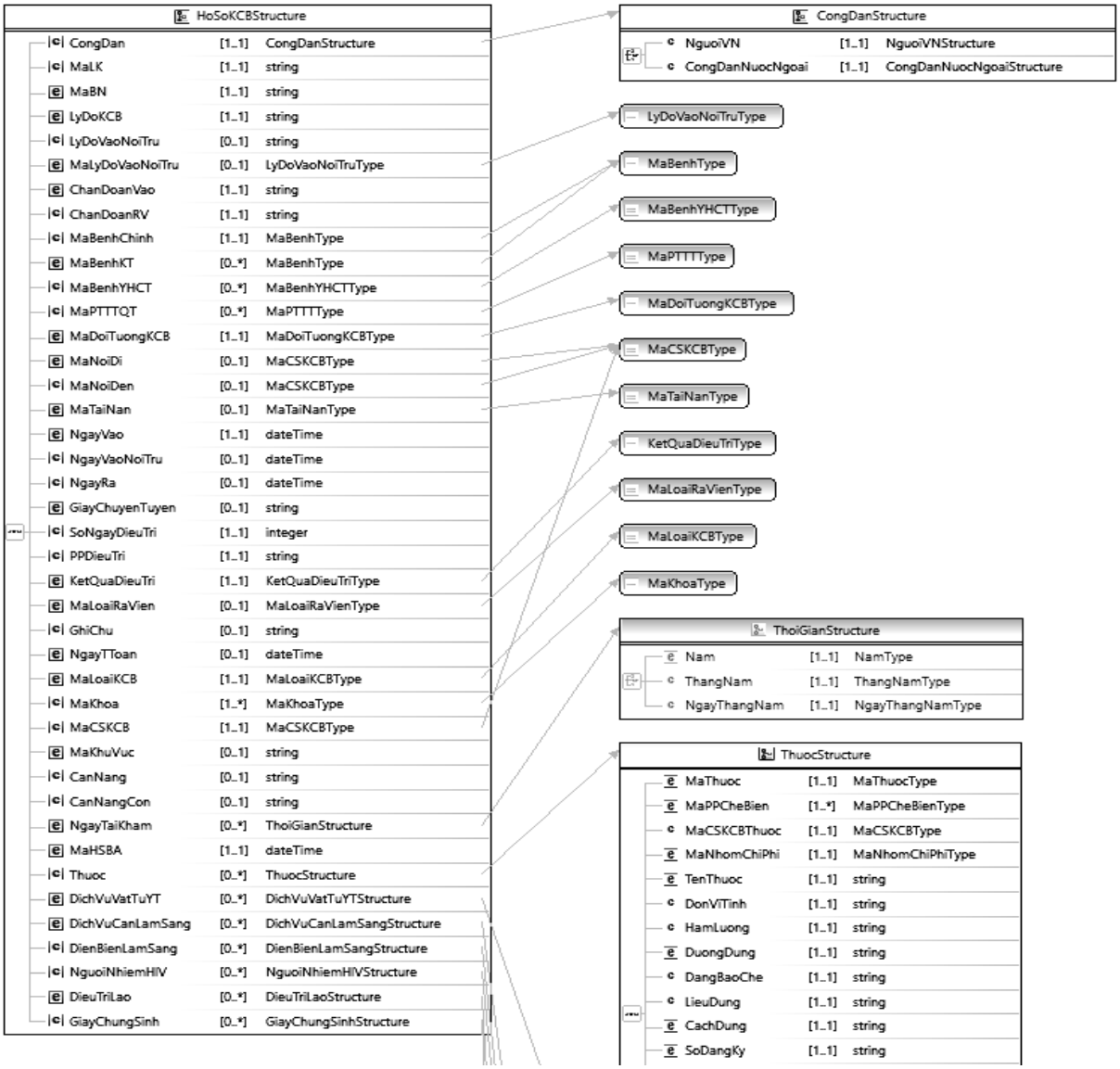

QCVN 09:2025/BCA

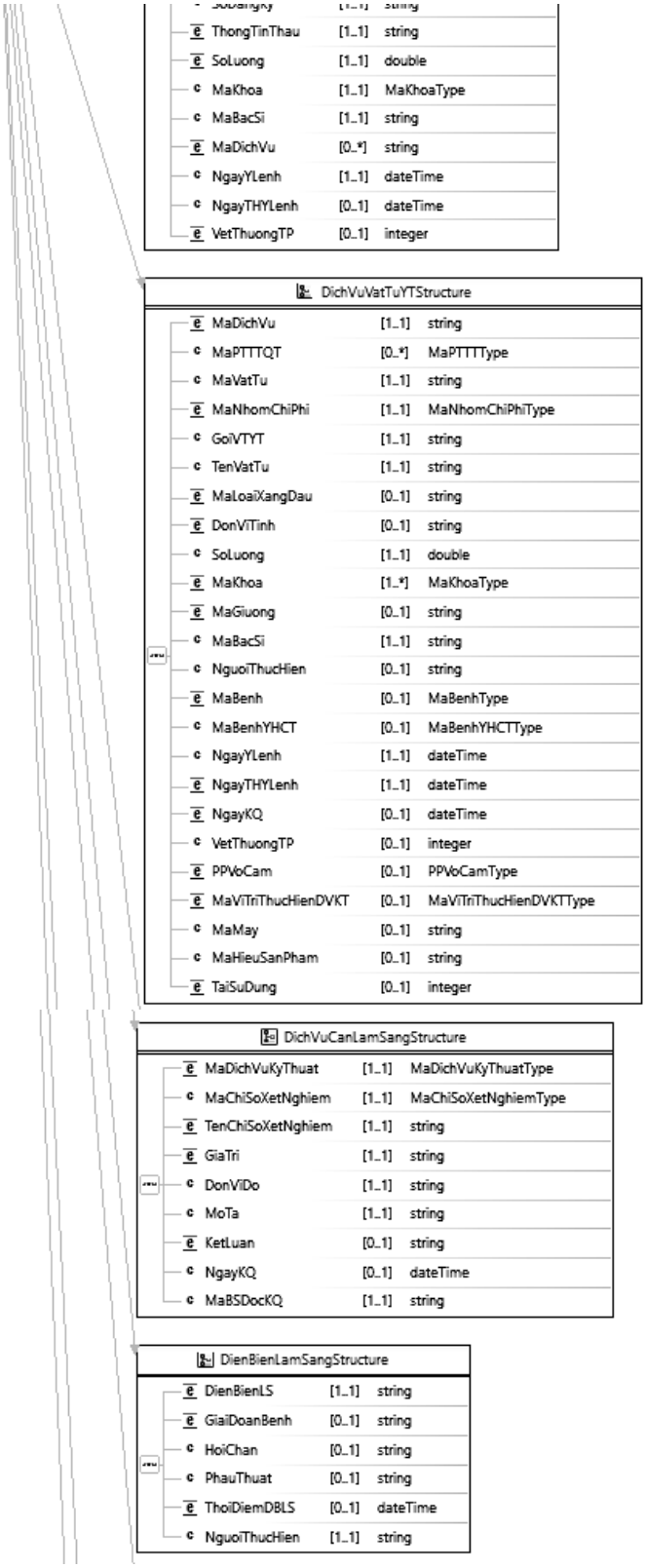

QCVN 09:2025/BCA

NguoiNhiemHIVStructure		
NgayKDHIV	[1..1]	ThoiGianStructure
NoiLayMauXN	[1..1]	MaCSKCBType
NoiXNKD	[1..1]	MaCSKCBType
NoiBDDTARV	[1..1]	MaCSKCBType
BDDTARV	[1..1]	ThoiGianStructure
MaPhacDoDieuTriBD	[1..1]	MaPhacDoDieuTriType
MaBacPhacDoBD	[0..1]	MaBacPhacDoType
MaLyDoDieuTri	[1..1]	LyDoDieuTriHIVType
LoaiDieuTriLao	[1..1]	LoaiDieuTriLaoType
SangLocLao	[1..1]	SangLocLaoType
PhacDoDieuTriLao	[0..1]	PhacDoDieuTriLaoType
NgayBDDieuTriLao	[0..1]	ThoiGianStructure
NgayKTDieuTriLao	[0..1]	ThoiGianStructure
KQDieuTriLao	[1..1]	KQDieuTriLaoType
MaLyDoXNTLVR	[1..1]	MaLyDoXNTLVRType
NgayXNTLVR	[1..1]	ThoiGianStructure
KQXNTLVR	[1..1]	KQXNTLVRType
NgayKQXNTLVR	[1..1]	ThoiGianStructure
MaLoaiBN	[1..1]	MaLoaiBNType
GiaiDoanLamSang	[1..1]	GiaiDoanLamSangType
NhomDoiTuong	[1..1]	NhomDoiTuongType
MaTinhTrangDK	[1..*]	MaTinhTrangDKType
LanXNPCR	[0..1]	LanXNPCRType
NgayXNPCR	[0..1]	ThoiGianStructure
NgayKQXNPCR	[0..1]	ThoiGianStructure
MaKQXNPCR	[0..1]	MaKQXNPCRType
NgayNhanTTMangThai	[0..1]	ThoiGianStructure
NgayBDDieuTriCTX	[0..1]	ThoiGianStructure
MaXuTri	[0..*]	MaXuTriType
NgayBDXuTri	[0..1]	ThoiGianStructure
NgayKTXuTri	[0..1]	ThoiGianStructure
MaPhacDoDieuTri	[1..1]	MaPhacDoDieuTriType
MaBacPhacDo	[0..1]	MaBacPhacDoType
SoNgayCapThuocARV	[1..1]	integer
NgayChuyenPhacDo	[0..1]	ThoiGianStructure
LyDoChuyenPhacDo	[0..1]	LyDoChuyenPhacDoType
MaCSKCB	[1..1]	MaCSKCBType

QCVN 09:2025/BCA

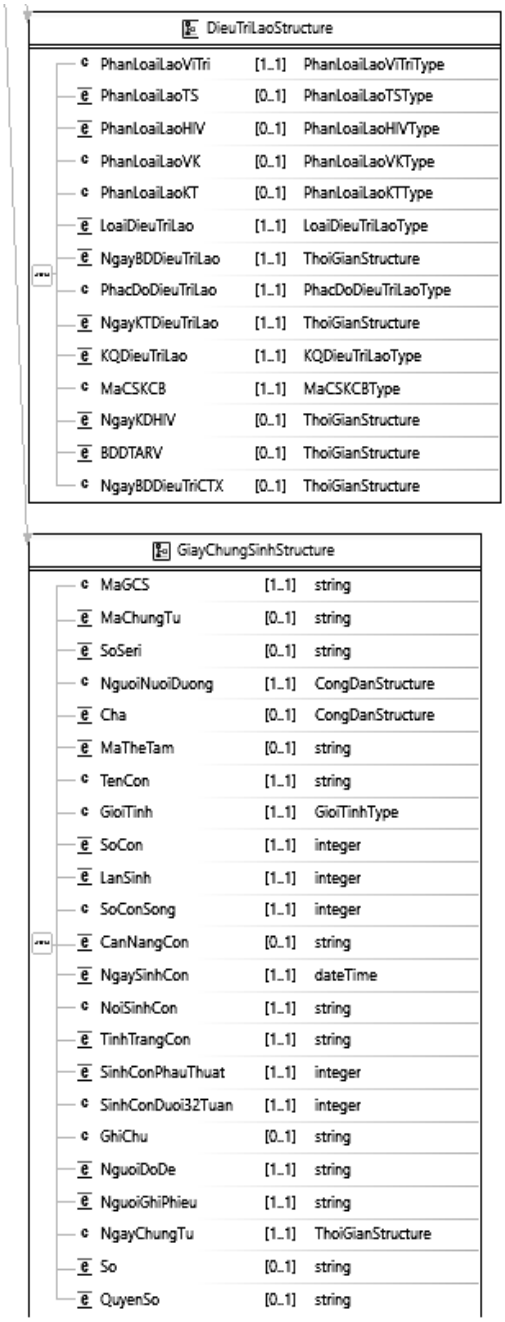

Hình C.1.102. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khám chữa bệnh - Thông tin tổng hợp đợt khám, chữa bệnh: HoSoKCB

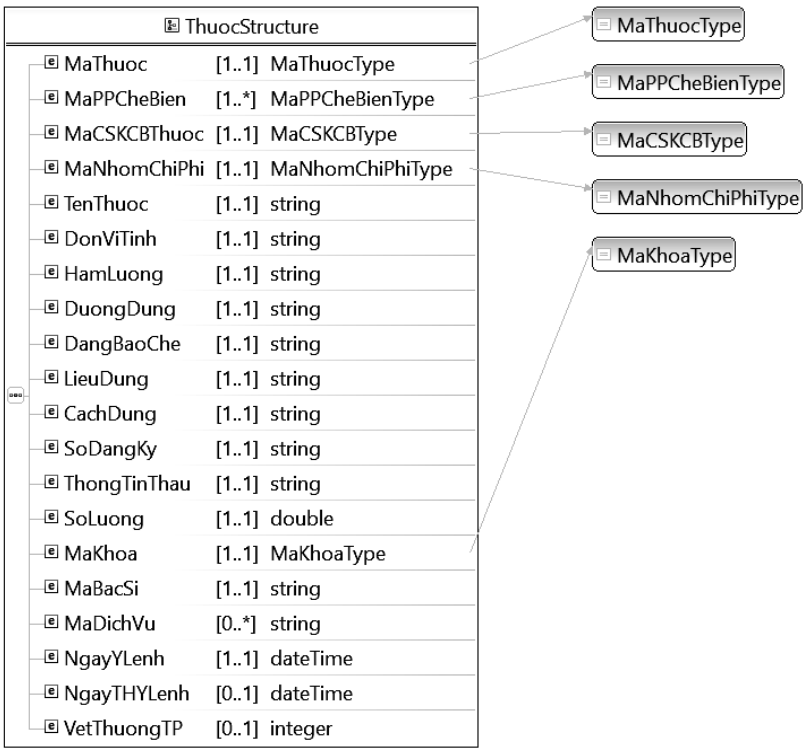

Hình C.1.103. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khám chữa bệnh - Thuốc: Thuoc

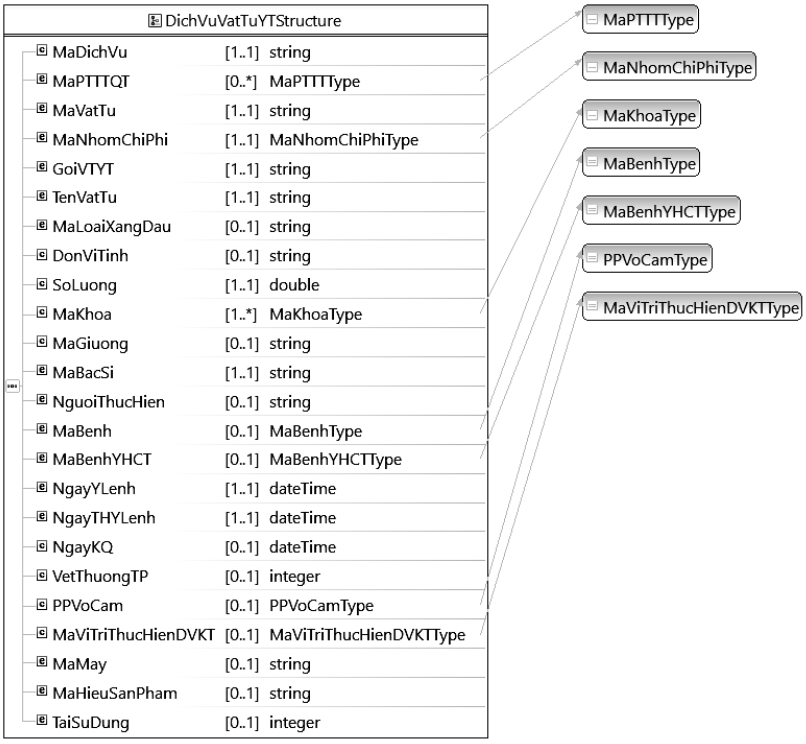

Hình C.1.104. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khám chữa bệnh - Dịch vụ vật tư y tế: DichVuVatTuYT

QCVN 09:2025/BCA

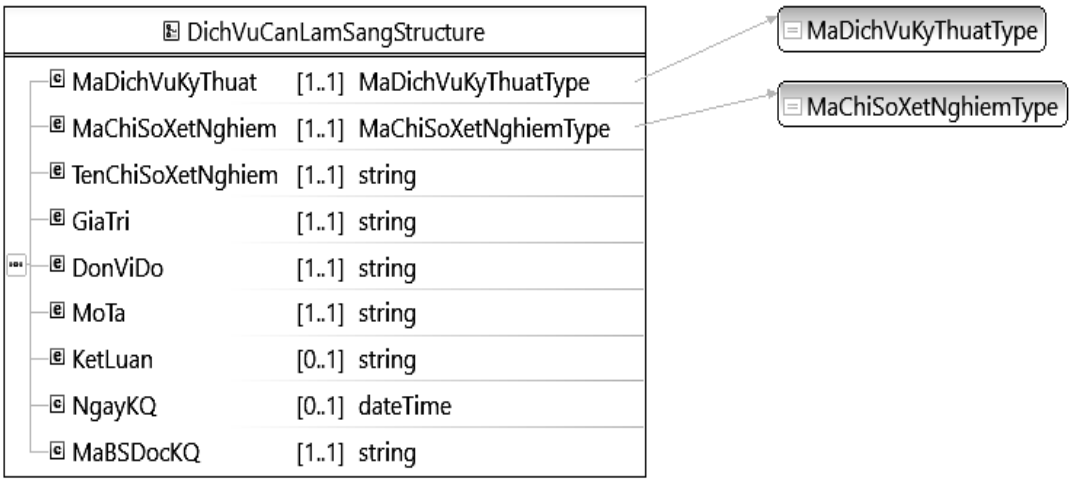

Hình C.1.105. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khám chữa bệnh - Chi tiết dịch vụ cận lâm sàng: DichVuCanLamSang

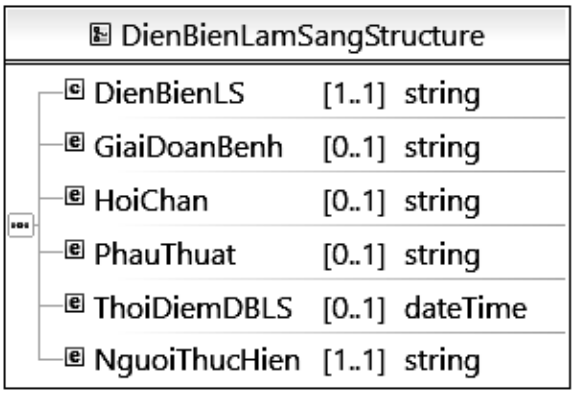

Hình C.1.106. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khám chữa bệnh - Diễn biến lâm sàng: DienBienLamSang

QCVN 09:2025/BCA

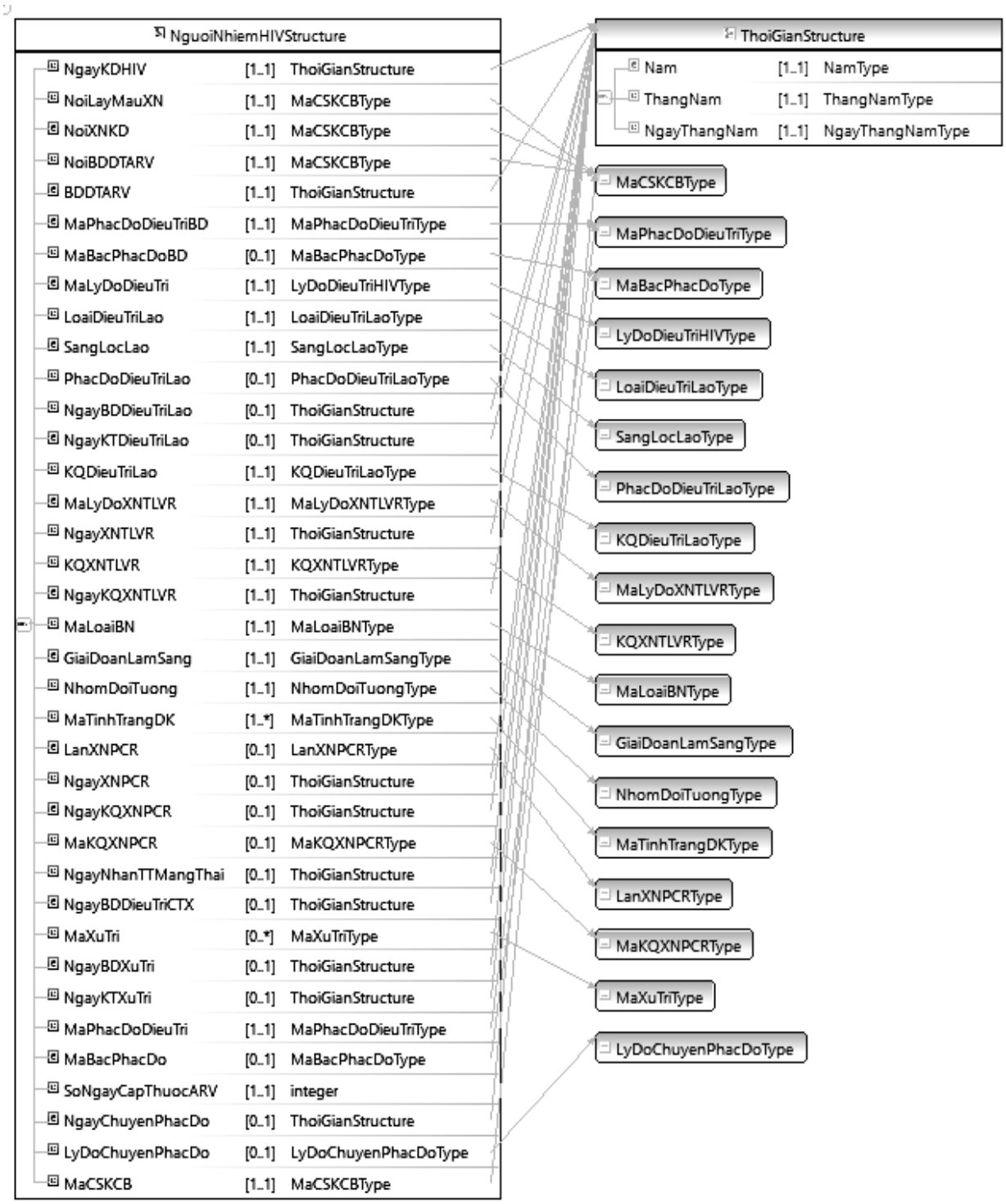

Hình C.1.107. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin khám chữa bệnh - Hồ sơ bệnh án chăm sóc và điều trị HIV/AIDS: NguoiNhiemHIV

QCVN 09:2025/BCA

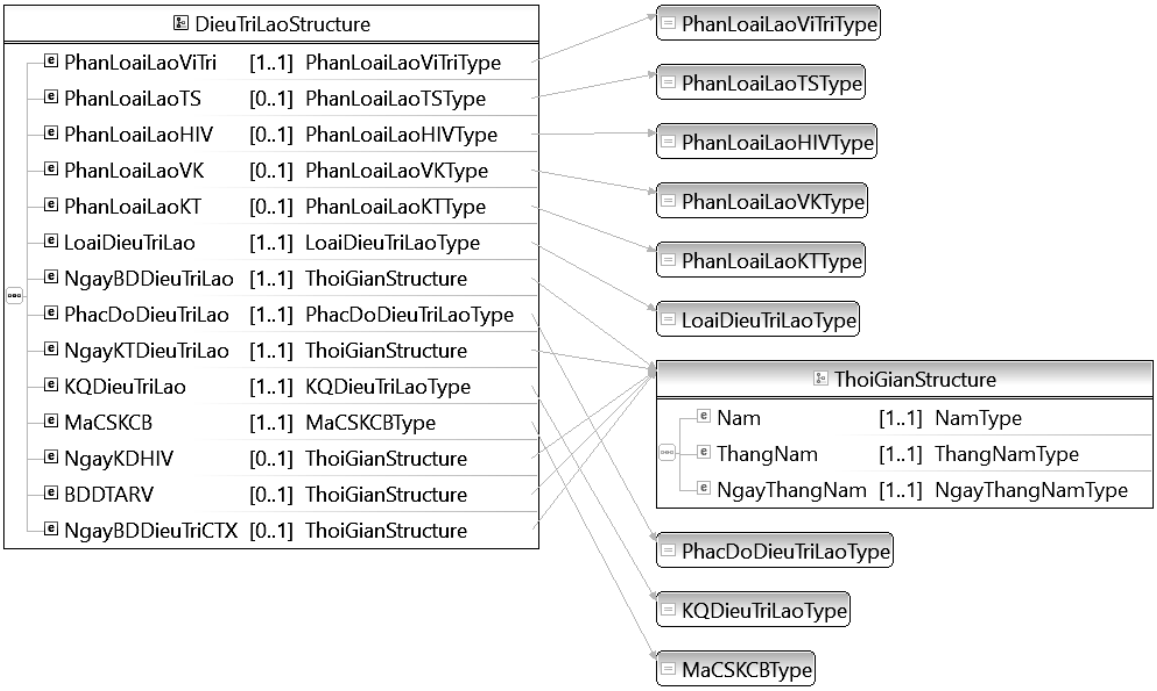

Hình C.1.108. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc Thông tin khám chữa bệnh - Quản lý điều trị lao: DieuTriLao

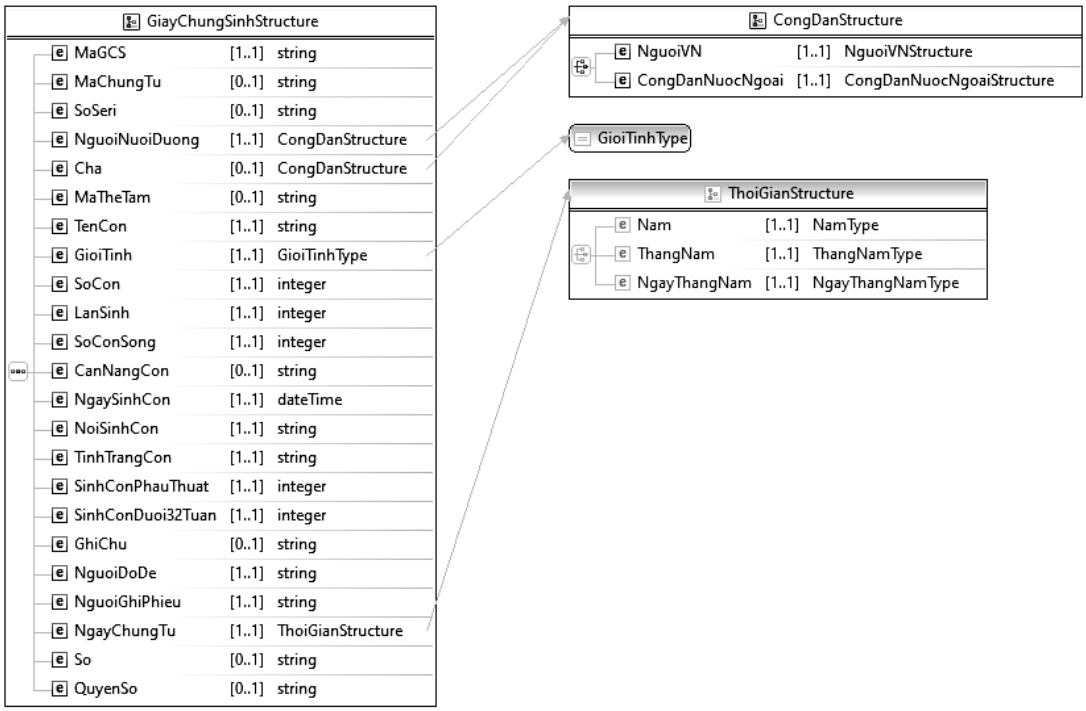

Hình C.1.109. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc Thông tin khám chữa bệnh - Quản lý điều trị lao: GiayChungSinh

b) Thông tin phòng bệnh

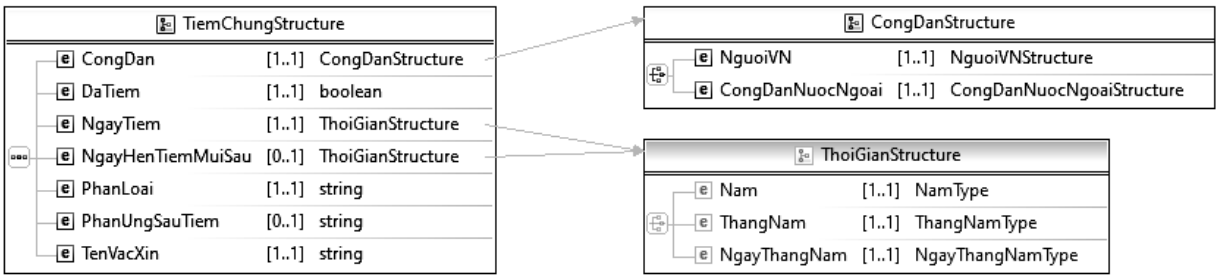

Hình C.1.110. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin phòng bệnh - Hồ sơ sức khỏe - Tiêm chủng: TiemChung

C.1.8. Nhóm các vấn đề liên quan đến pháp luật

a) Giám sát hành chính

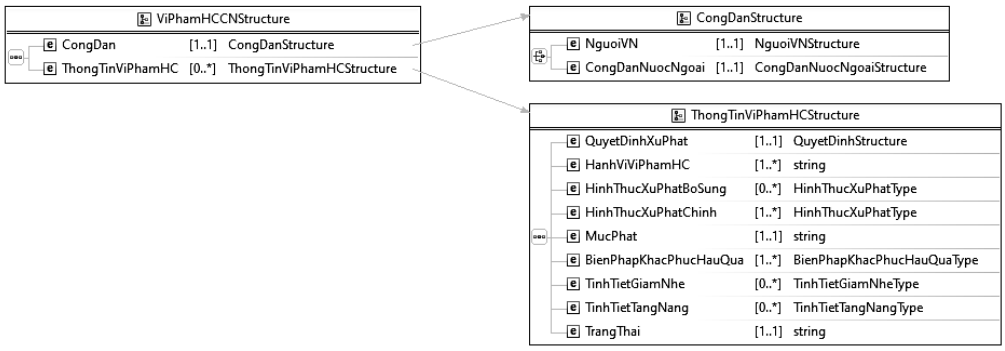

Hình C.1.111. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc giám sát hành chính - Vi phạm hành chính: ViPhamHCCN

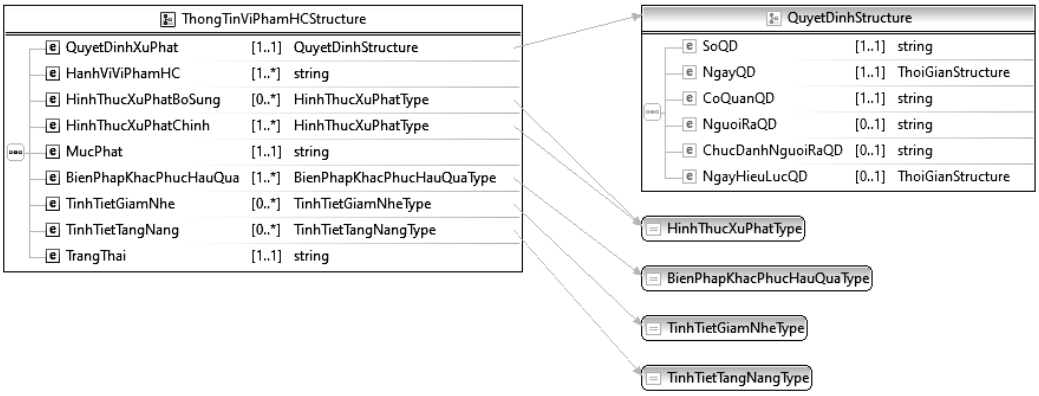

Hình C.1.112. Cấu trúc ThongTinViPhamHC

QCVN 09:2025/BCA

b) Thông tin tư pháp

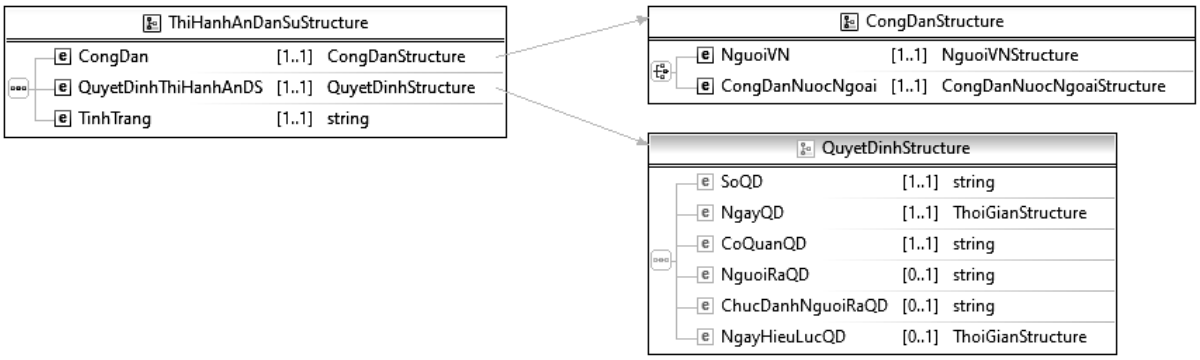

Hình C.1.113. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin tư pháp - Thi hành án dân sự: ThiHanhAnDanSu

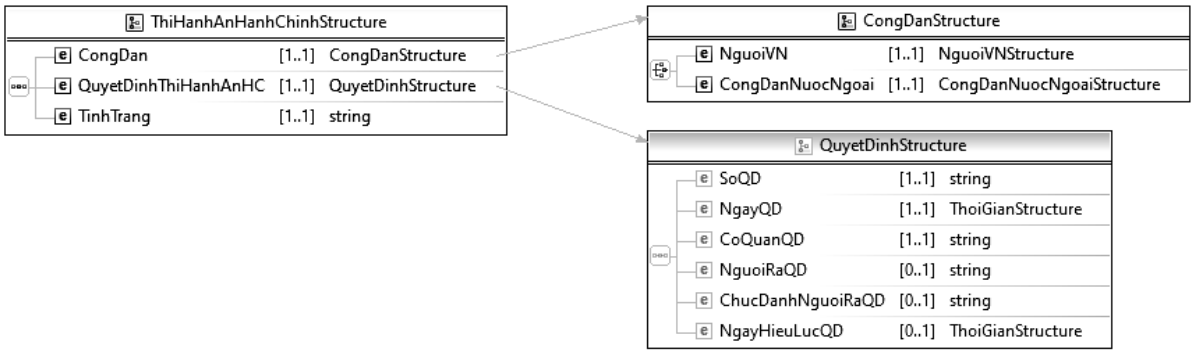

Hình C.1.114. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin tư pháp - Thi hành án hành chính: ThiHanhAnHanhChinh

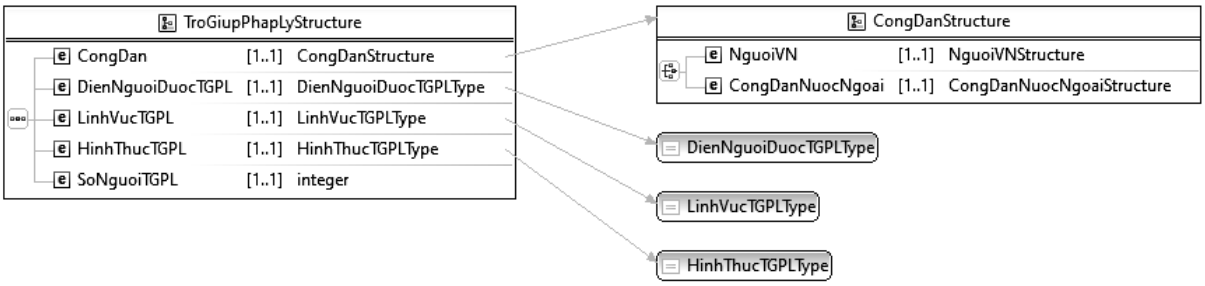

Hình C.1.115. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin tư pháp - Trợ giúp pháp lý: TroGiupPhapLy

QCVN 09:2025/BCA

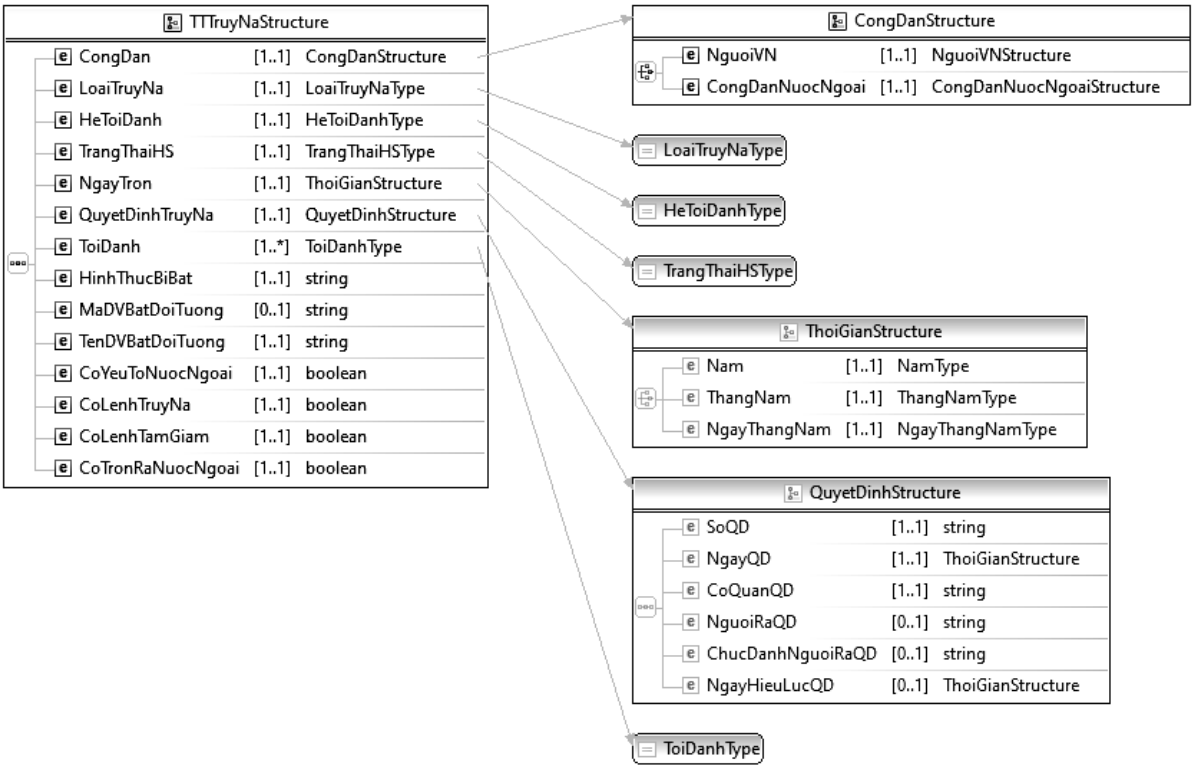

Hình C.1.116. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin tư pháp - Thông tin truy nã: TTTruyNa

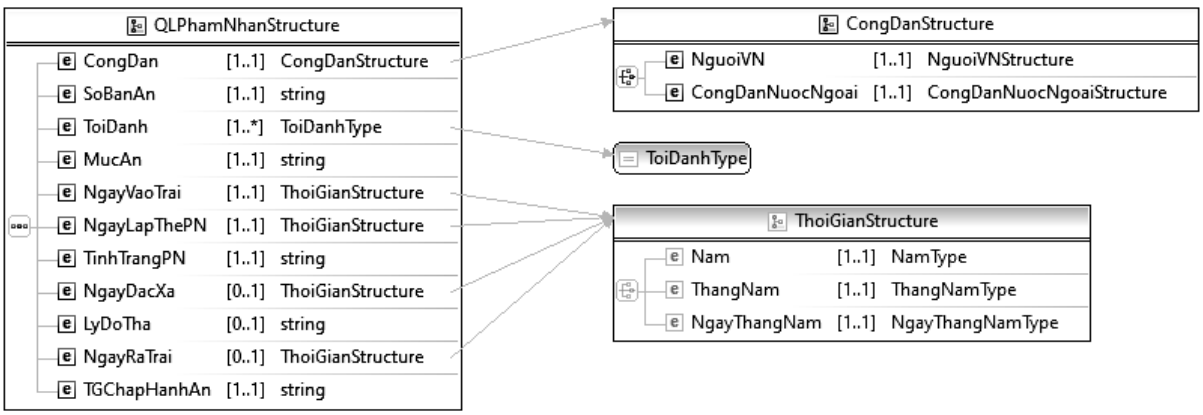

Hình C.1.117. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin tư pháp - Quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng: QLPhamNhan

QCVN 09:2025/BCA

c) Thông tin về tố tụng

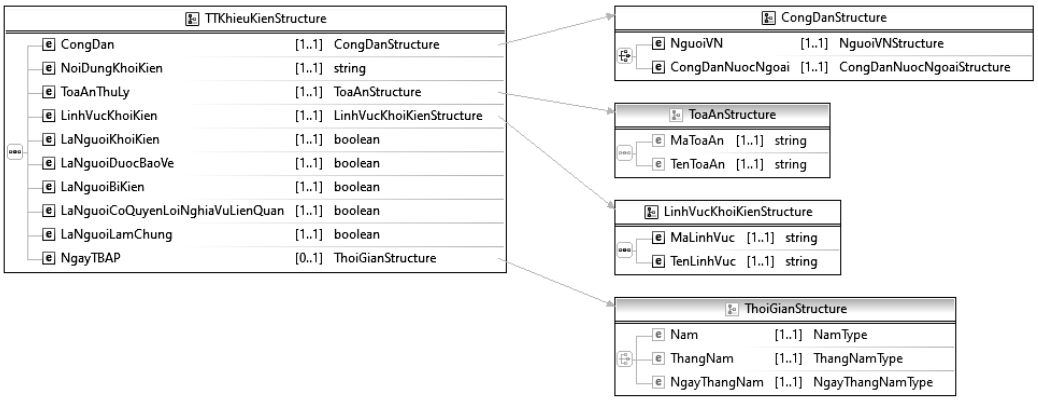

Hình C.1.118. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc thông tin về tố tụng - Thông tin khiếu kiện: TTKhieuKien

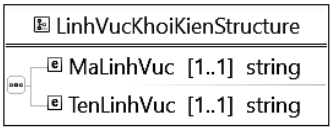

Hình C.1.119. Cấu trúc LinhVucKhoiKien

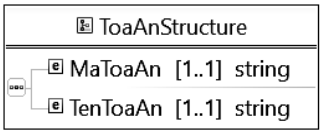

Hình C.1.120. Cấu trúc ToaAn

d) Bản án/quyết định của tòa án

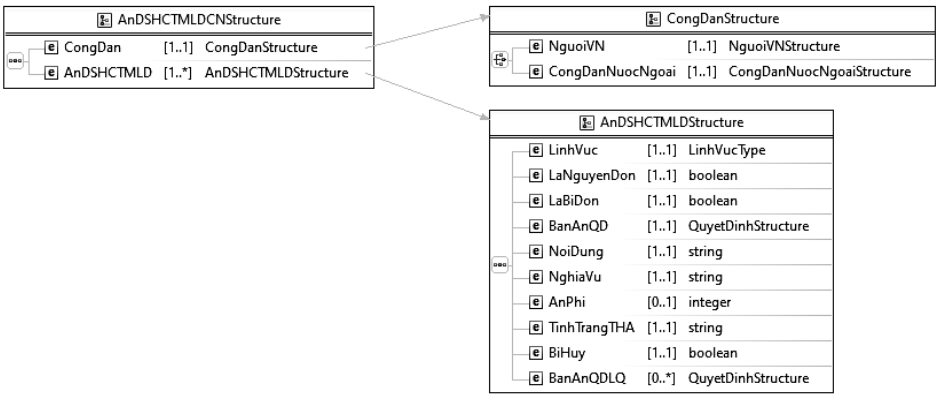

Hình C.1.121. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc bản án/quyết định của tòa án - Bản án Dân sự/Hành chính/Kinh doanh thương mại/Lao động: AnDSHCTMLDCN

QCVN 09:2025/BCA

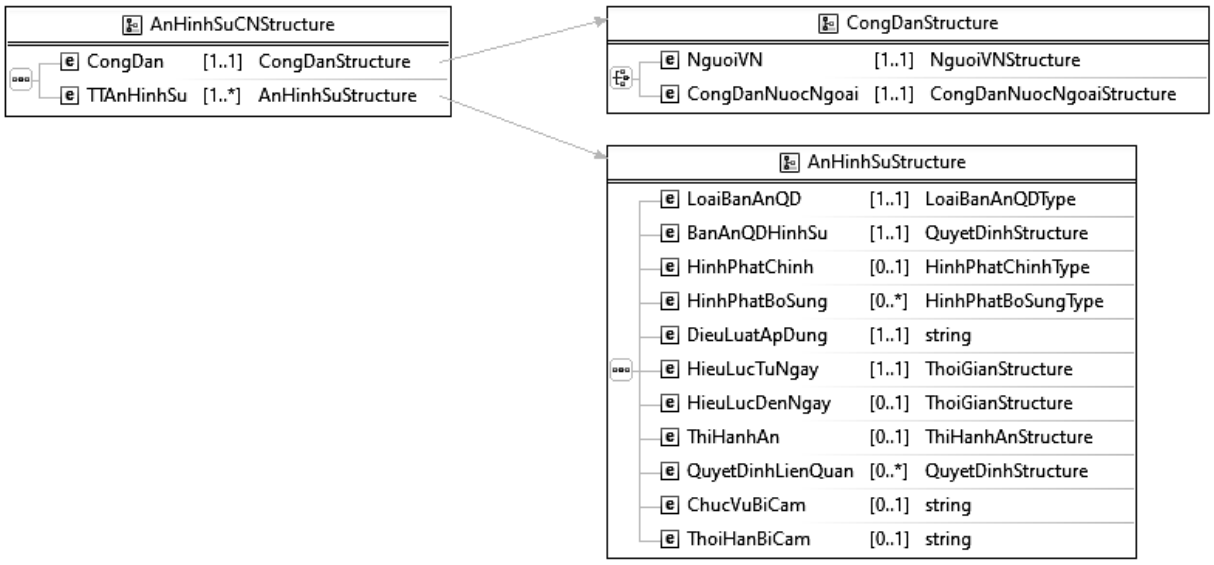

Hình C.1.122. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc bản án/quyết định của tòa án - Bản án/Quyết định hình sự: AnHinhSuCN

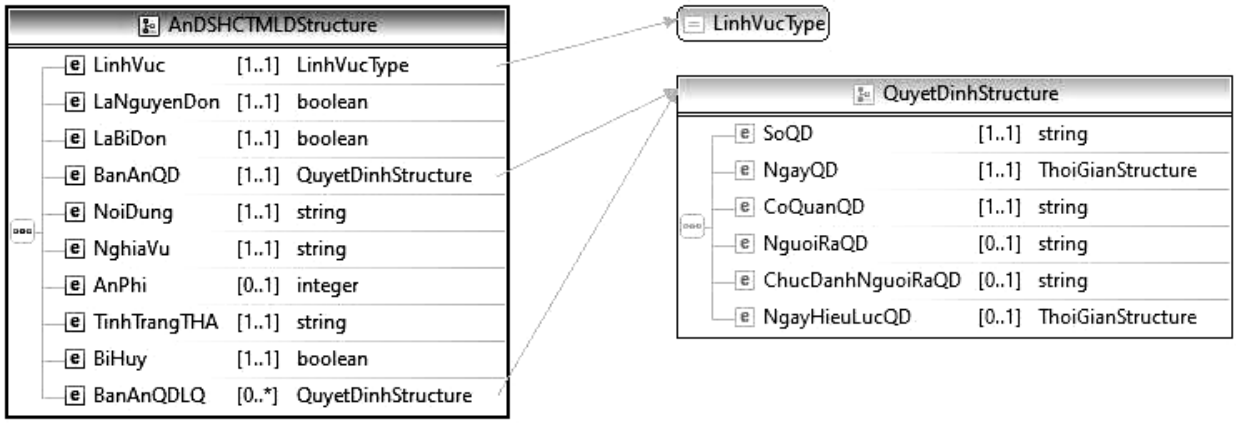

Hình C.1.123. Cấu trúc AnDSHCTMLD

QCVN 09:2025/BCA

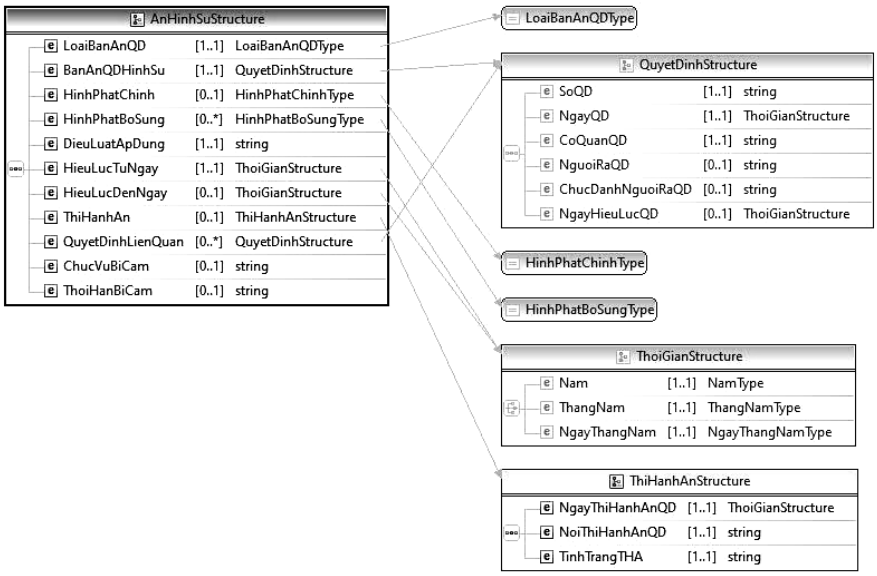

Hình C.1.124. Cấu trúc AnHinhSu

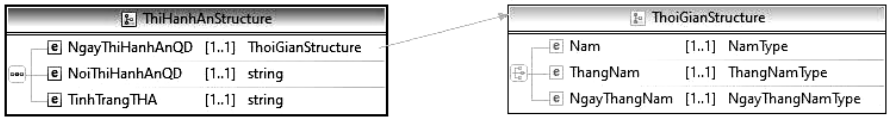

Hình C.1.125. Cấu trúc ThiHanhAn

C.1.9. Nhóm thông tin khác

a) Đặc điểm lịch sử bản thân

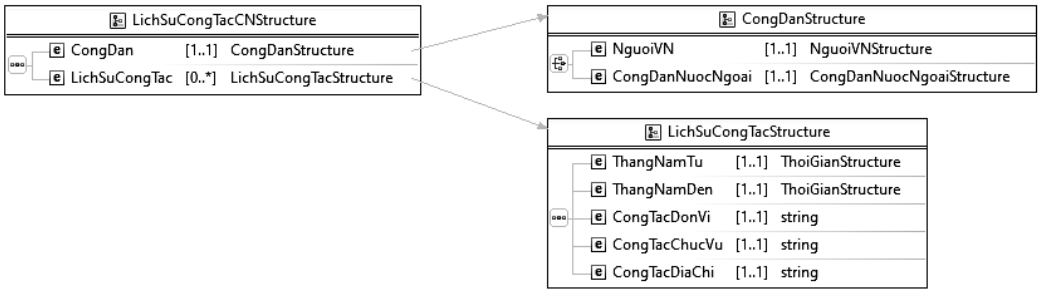

Hình C.1.126. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc đặc điểm lịch sử bản thân - Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội,… ở nước ngoài: LichSuCongTacCN

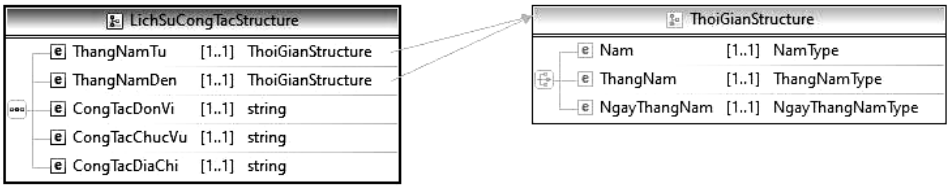

Hình C.1.127. Cấu trúc LichSuCongTac

b) Giấy phép lái xe

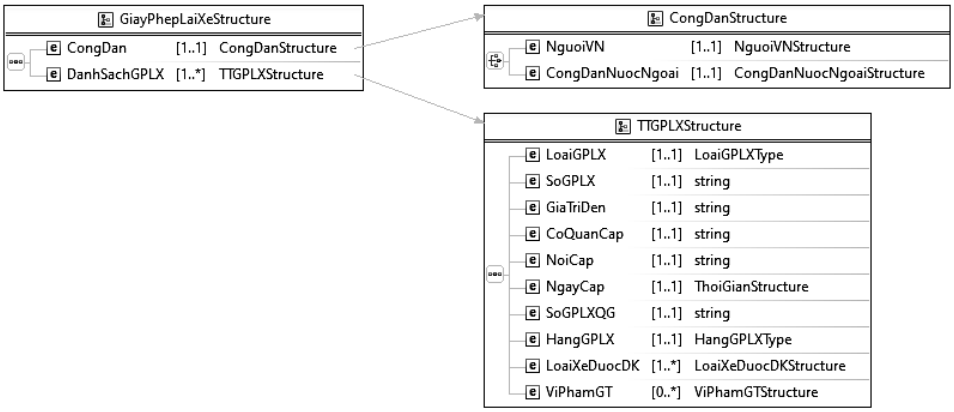

Hình C.1.128. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc giấy phép lái xe - Giấy phép lái xe: GiayPhepLaiXe

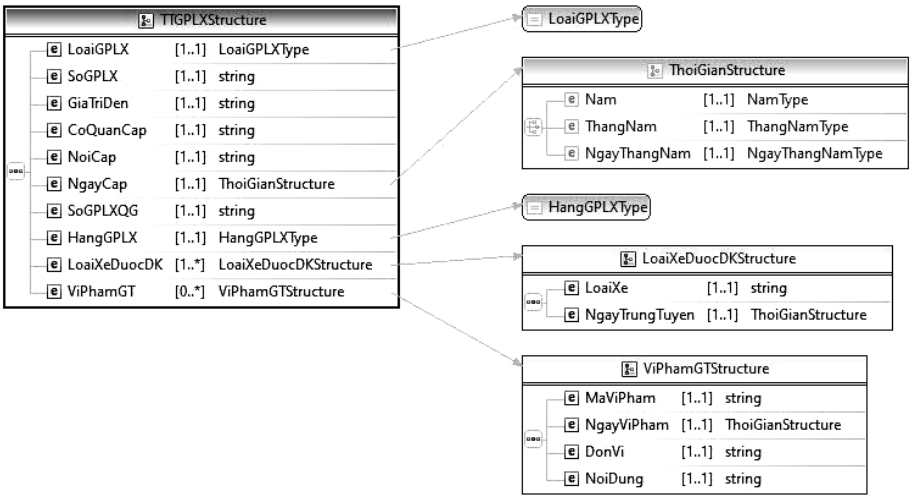

Hình C.1.129. Cấu trúc TTGPLX

QCVN 09:2025/BCA

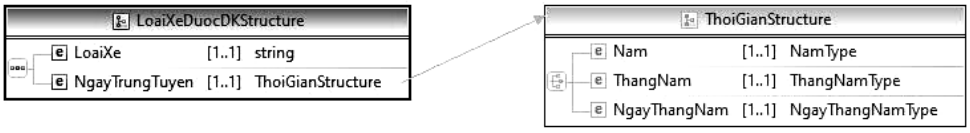

Hình C.1.130. Cấu trúc LoaiXeDuocDK

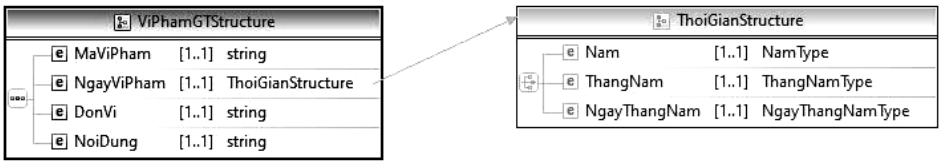

Hình C.1.131. Cấu trúc ViPhamGT

c) Quá trình sinh hoạt Đảng

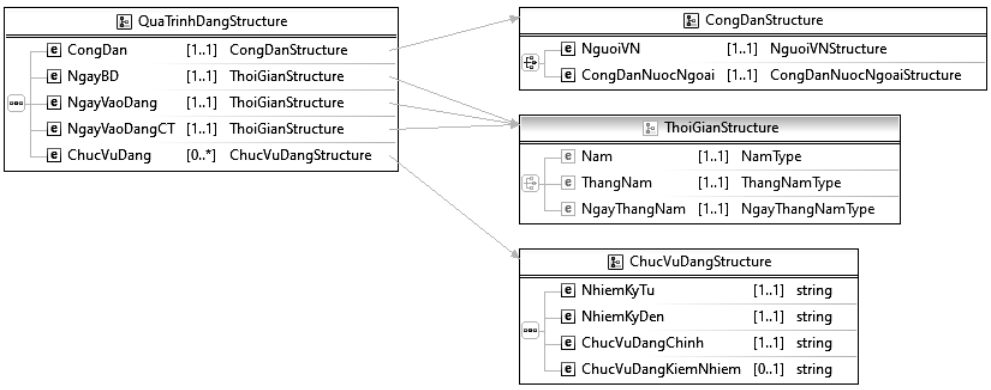

Hình C.1.132. Lược đồ dữ liệu con người mô tả cấu trúc quá trình sinh hoạt Đảng - Quá trình sinh hoạt Đảng: QuaTrinhDang

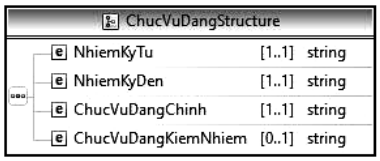

Hình C.1.133. Cấu trúc ChucVuDang

QCVN 09:2025/BCA

C.2 Lược đồ dữ liệu pháp nhân

C.2.1. Nhóm thông tin cơ bản

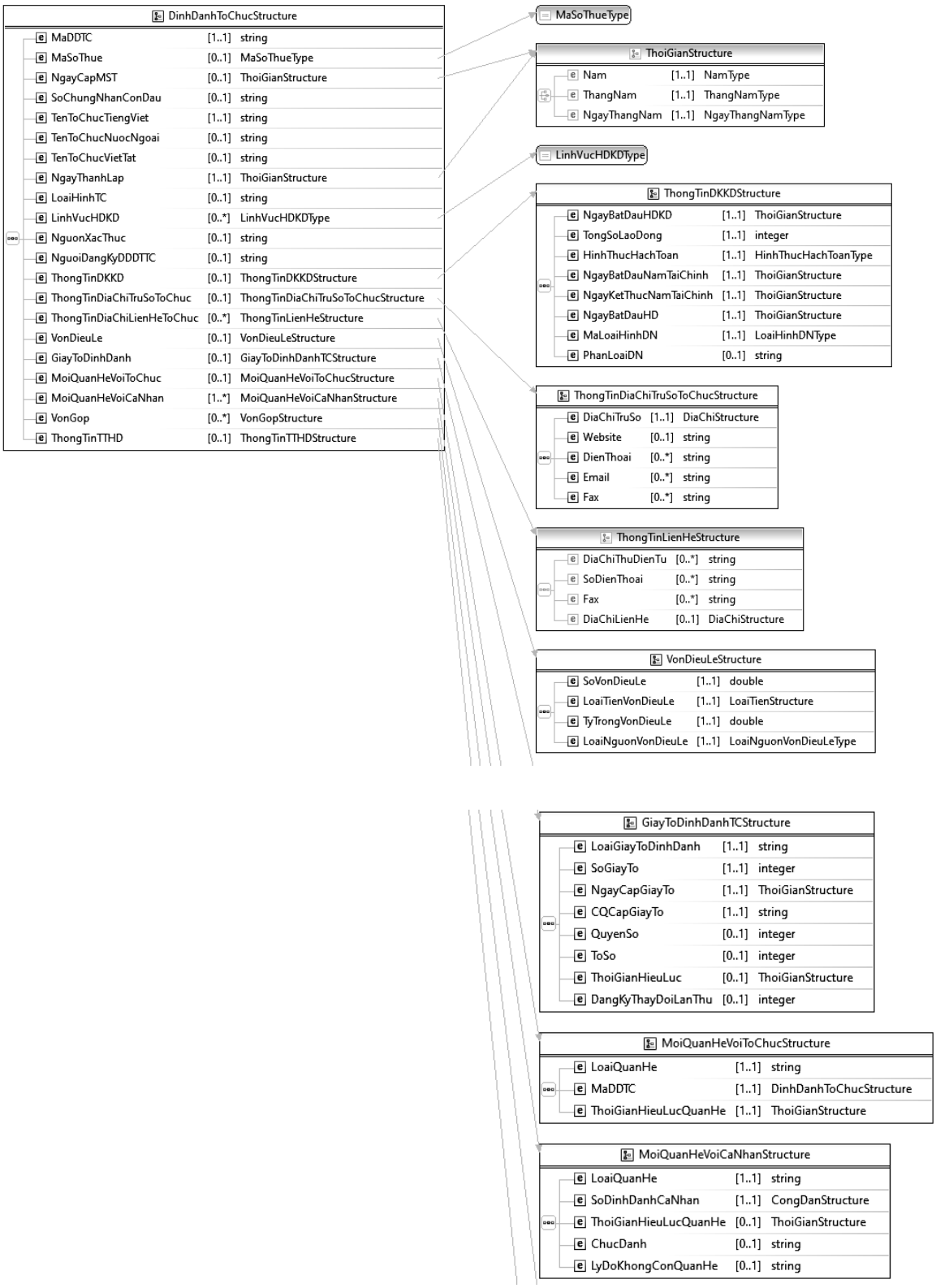

QCVN 09:2025/BCA

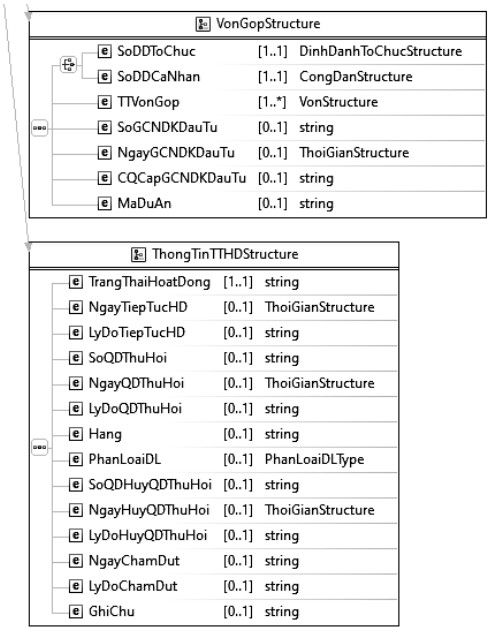

Hình C.2.1. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Định danh tổ chức: DinhDanhToChuc

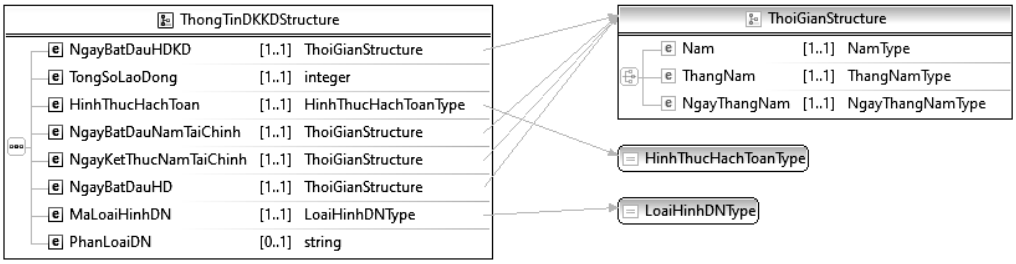

Hình C.2.2. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thông tin đăng ký kinh doanh: ThongTinDKKD

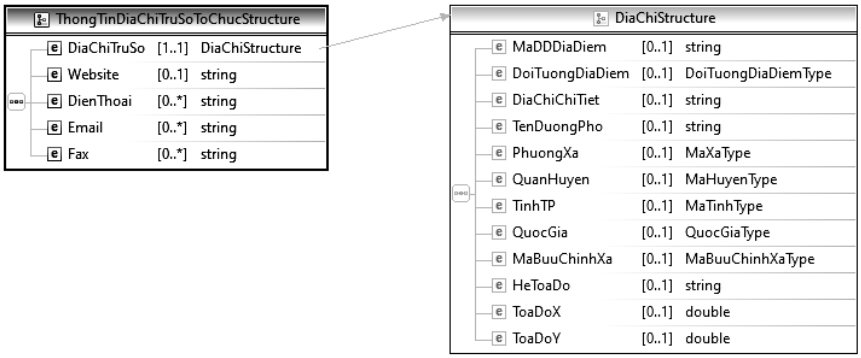

Hình C.2.3. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thông tin địa chỉ trụ sở tổ chức: ThongTinDiaChiTruSoToChuc

QCVN 09:2025/BCA

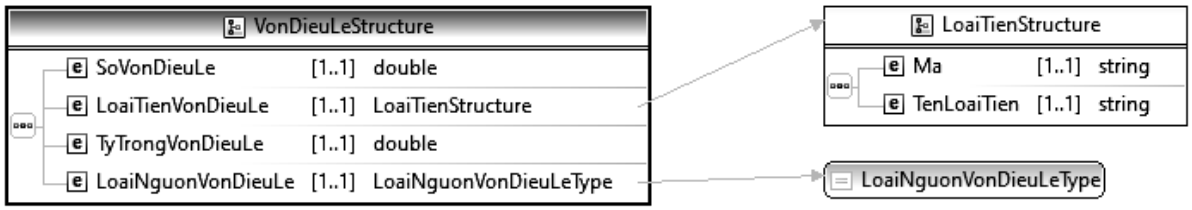

Hình C.2. 4. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Vốn điều lệ: VonDieuLe

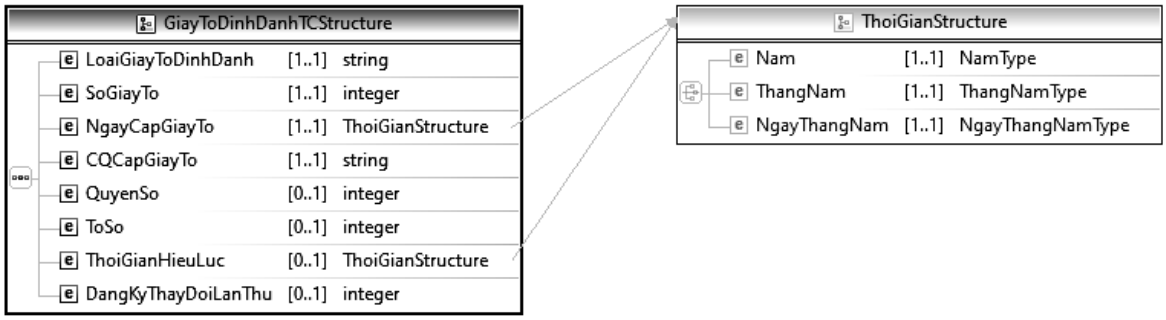

Hình C.2.5. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Giấy tờ định danh tổ chức: GiayToDinhDanhTC

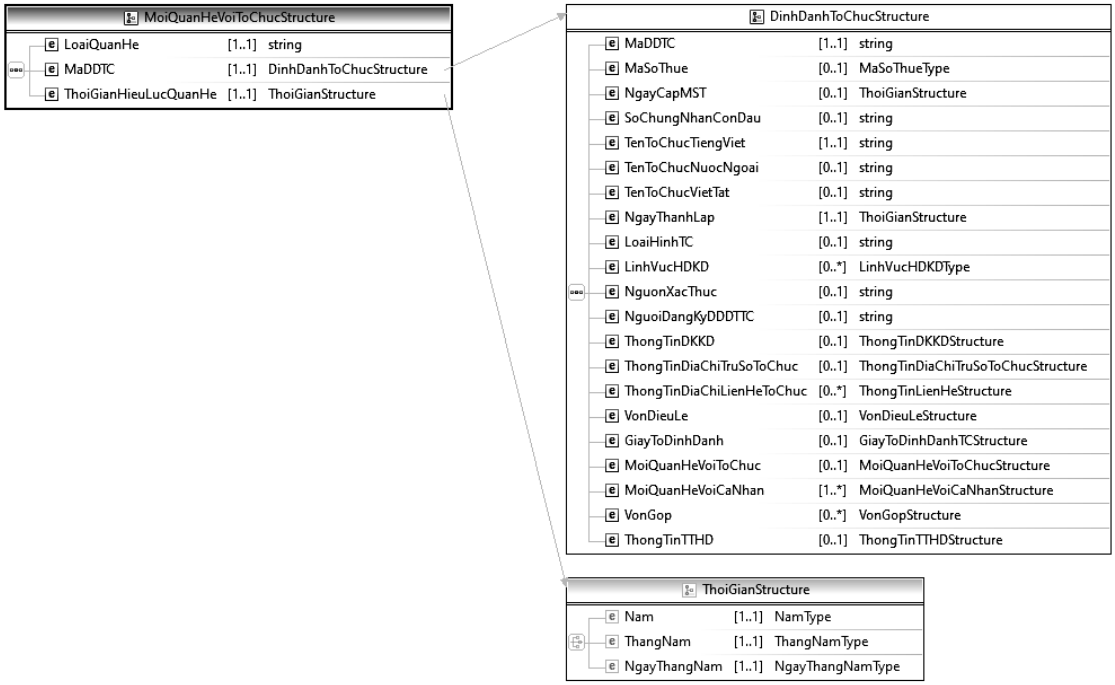

Hình C.2.6. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Mối quan hệ với tổ chức: MoiQuanHeVoiToChuc

QCVN 09:2025/BCA

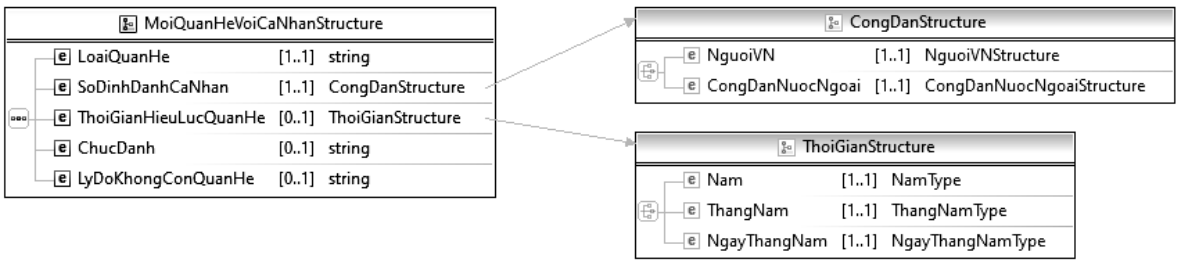

Hình C.2. 7. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Mối quan hệ với cá nhân: MoiQuanHeVoiCaNhan

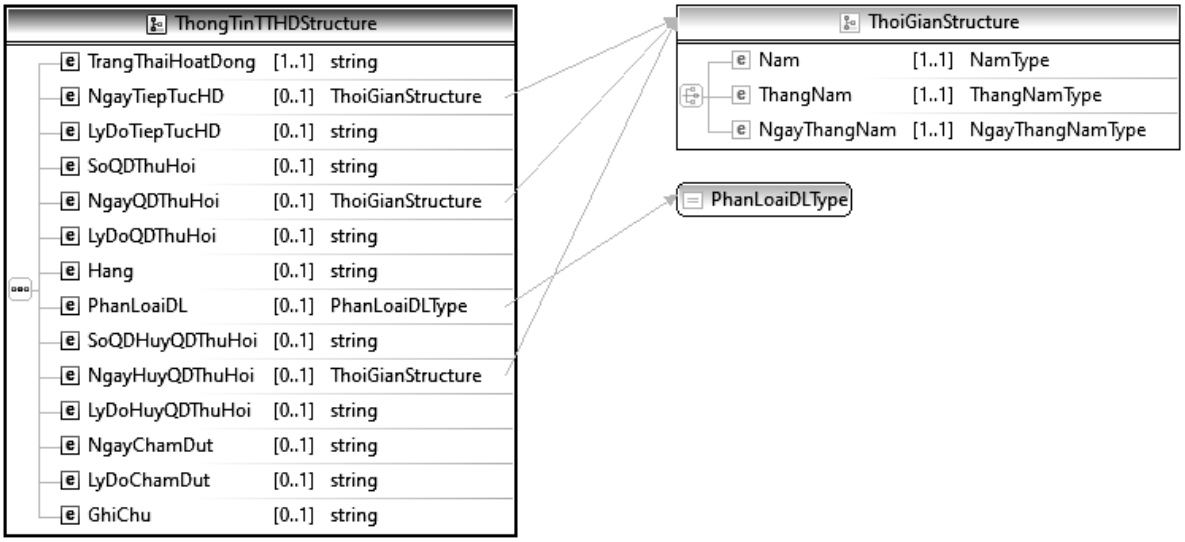

Hình C.2.8. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thông tin trạng thái hoạt động: ThongTinTTHD

QCVN 09:2025/BCA

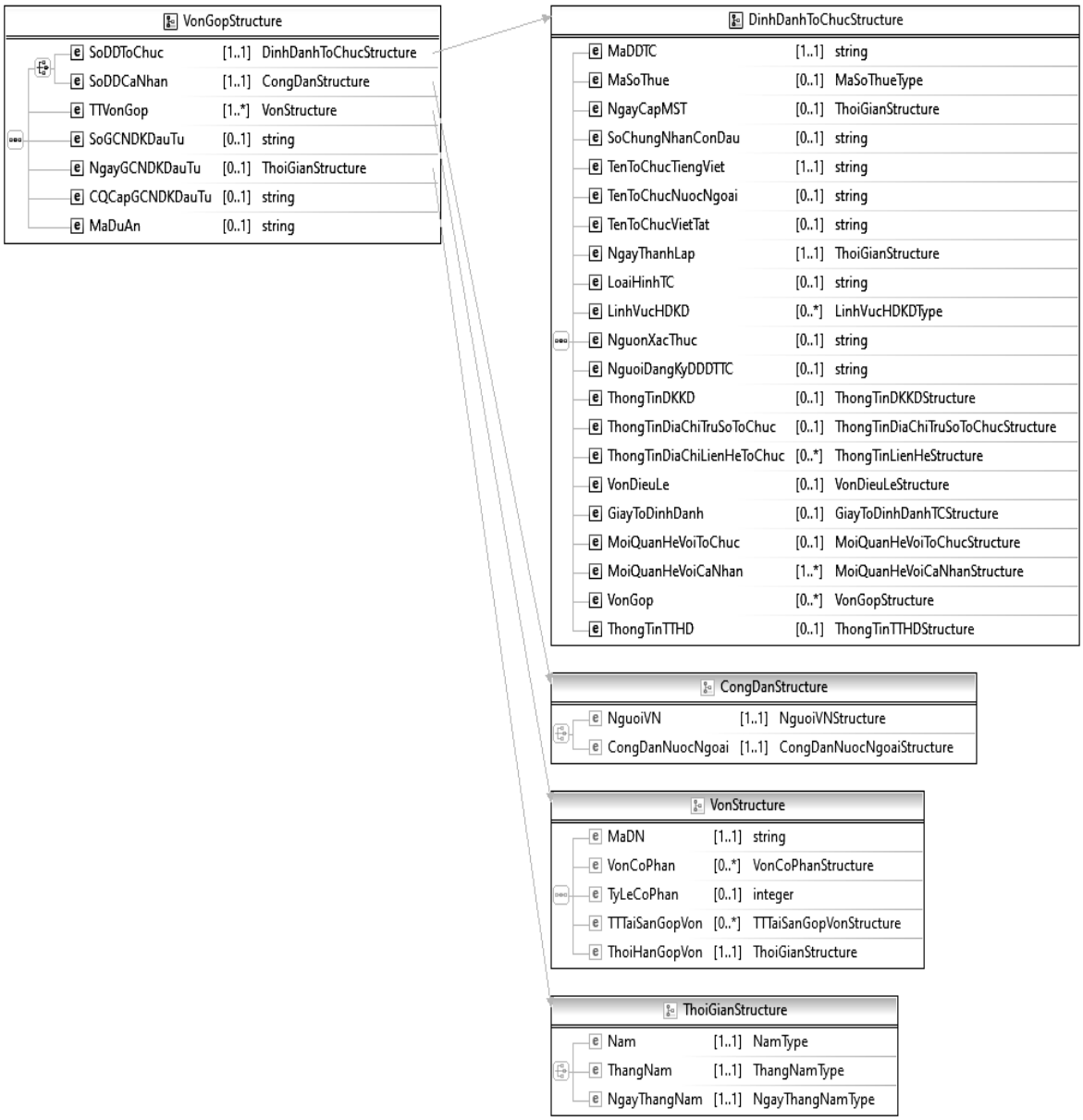

Hình C.2.9. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Vốn góp: VonGop

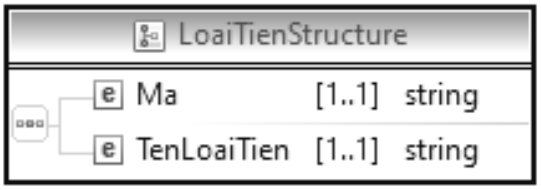

Hình C.2.10. Cấu trúc LoaiTien

QCVN 09:2025/BCA

C.2.2. Nhóm thông tin kinh doanh

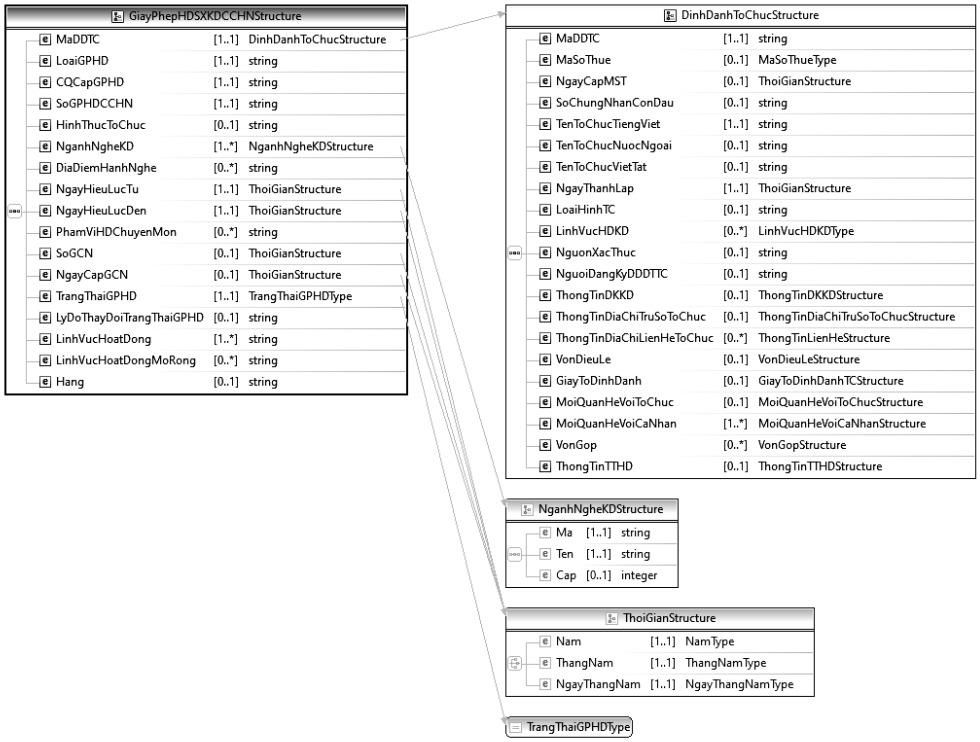

Hình C.2.11. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Giấy phép hoạt động sản xuất, kinh doanh/Chứng chỉ hành nghề: GiayPhepHDSXKDCCHN

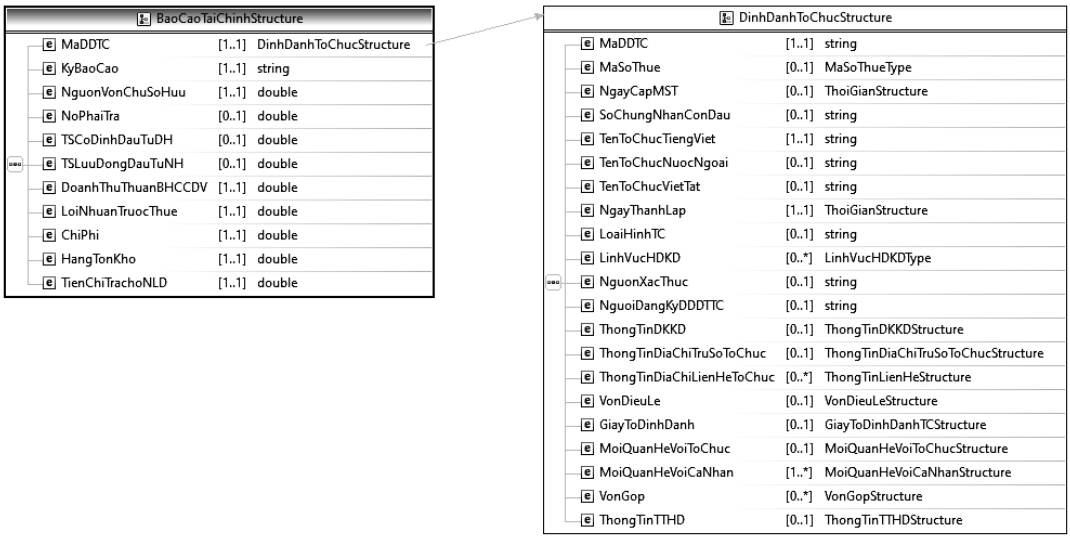

Hình C.2.12. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Báo cáo tài chính: BaoCaoTaiChinh

QCVN 09:2025/BCA

C.2.3. Nhóm thông tin an sinh xã hội

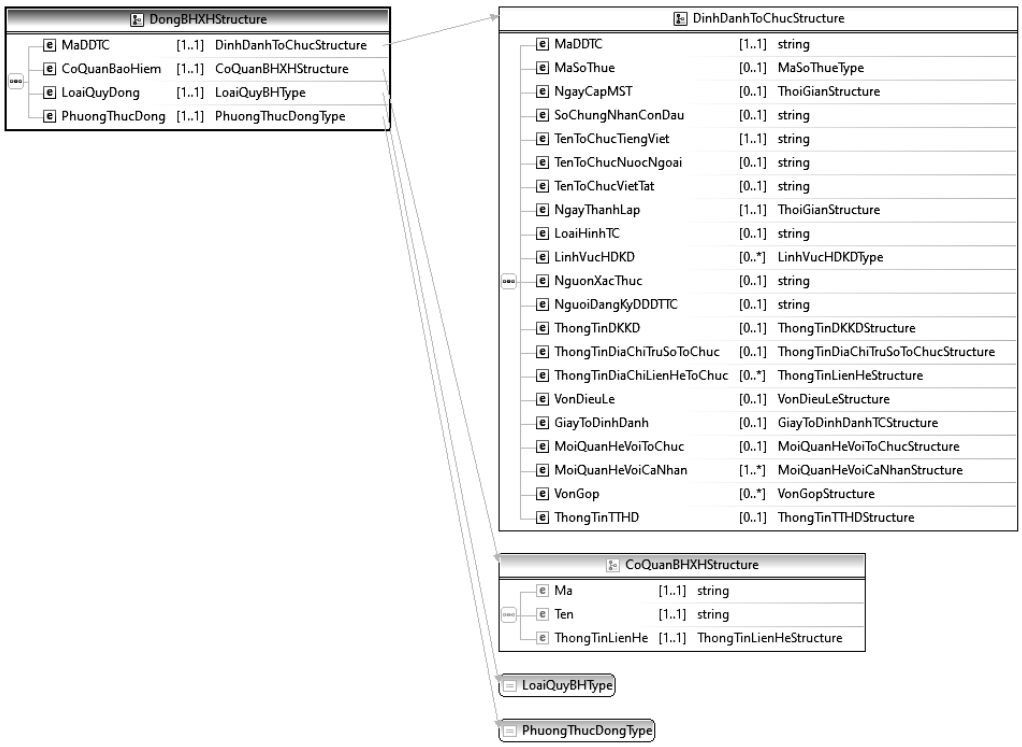

Hình C.2.13. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Đóng BHXH: DongBHXH

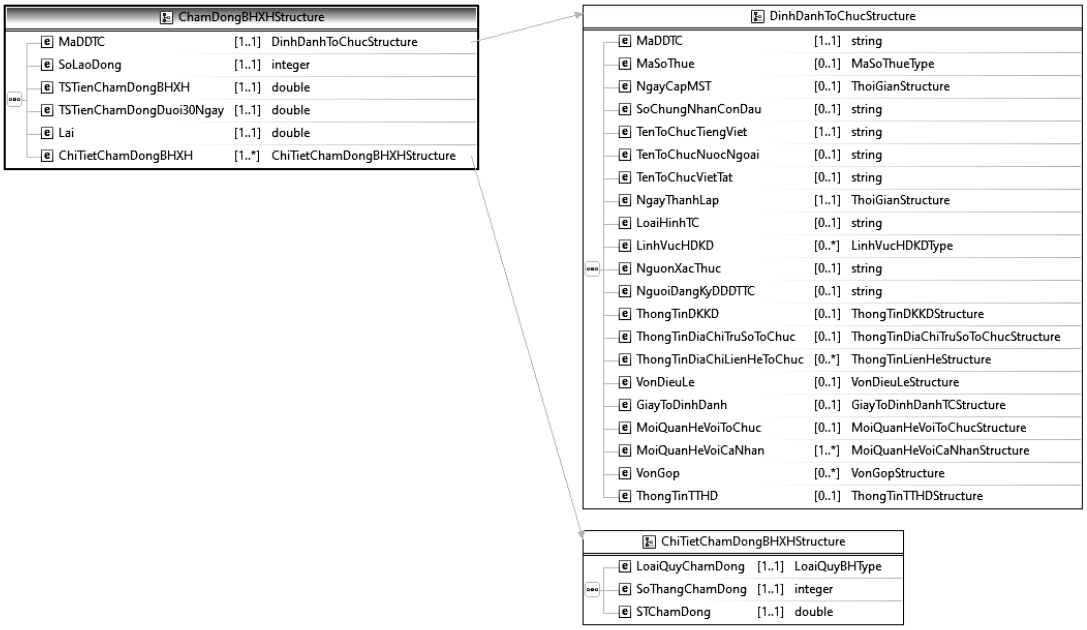

Hình C.2.14. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Chậm đóng BHXH: ChamDongBHXH

QCVN 09:2025/BCA

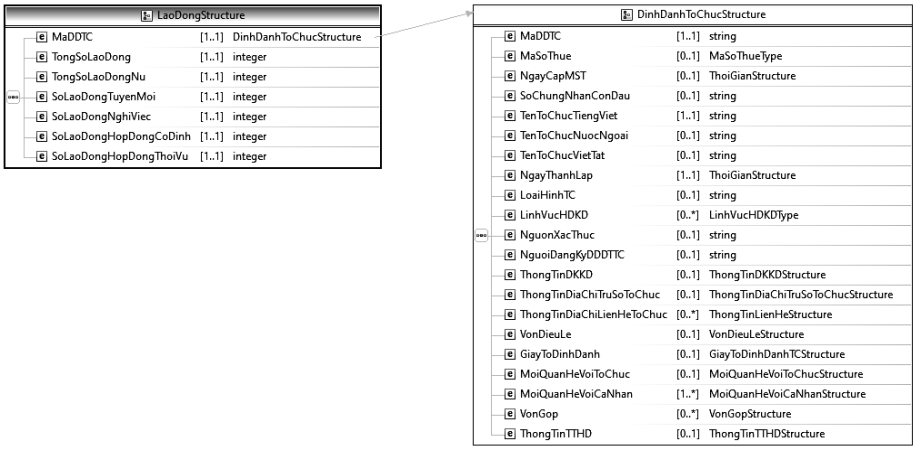

Hình C.2.15. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Lao động: LaoDong

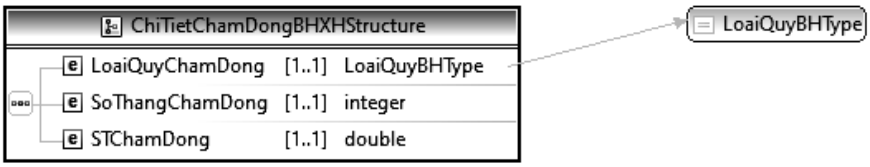

Hình C.2.16. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Chi tiết chậm đóng BHXH: ChiTietChamDongBHXH

C.2.4. Nhóm thông tin thuế

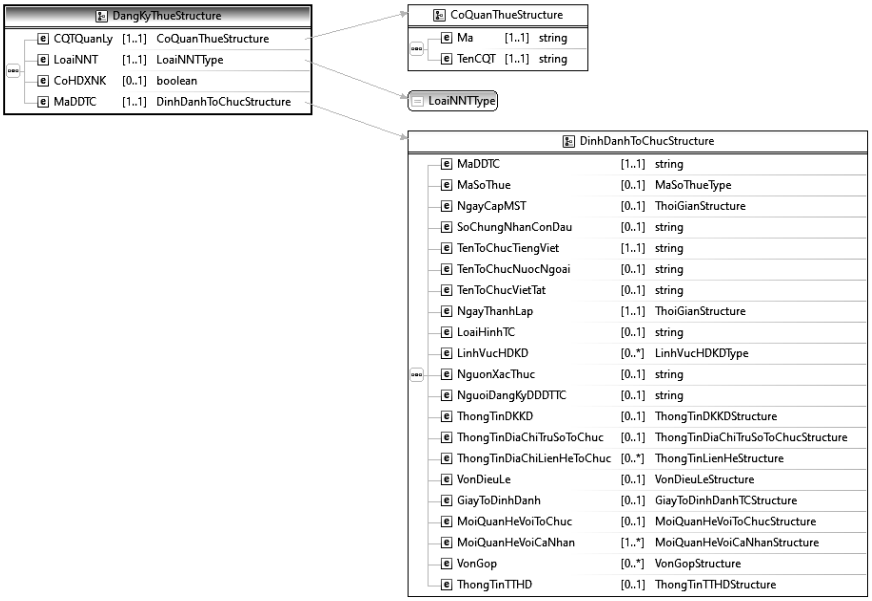

Hình C.2.17. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Đăng ký thuế: DangKyThue

QCVN 09:2025/BCA

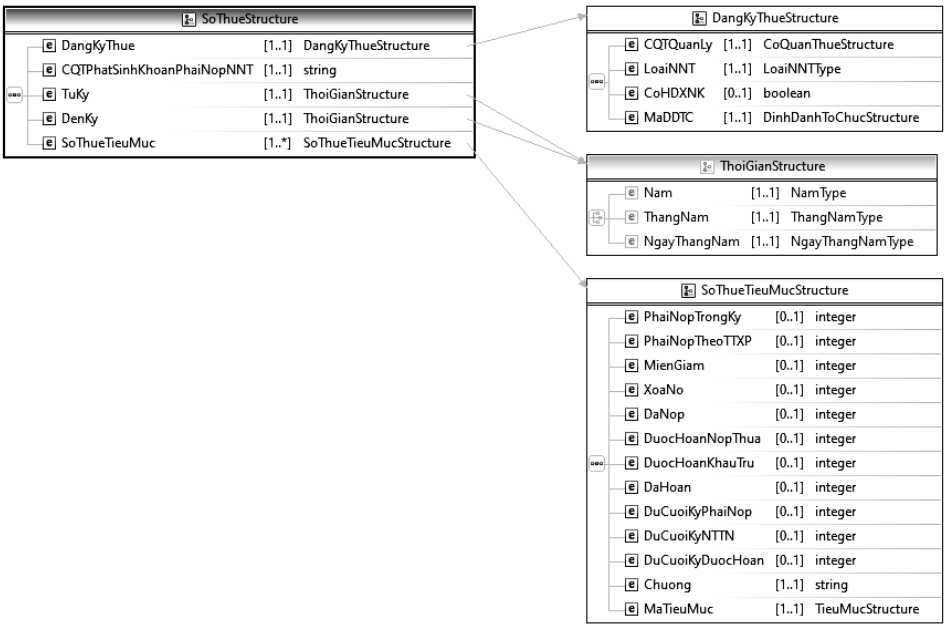

Hình C.2.18. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Sổ thuế: SoThue

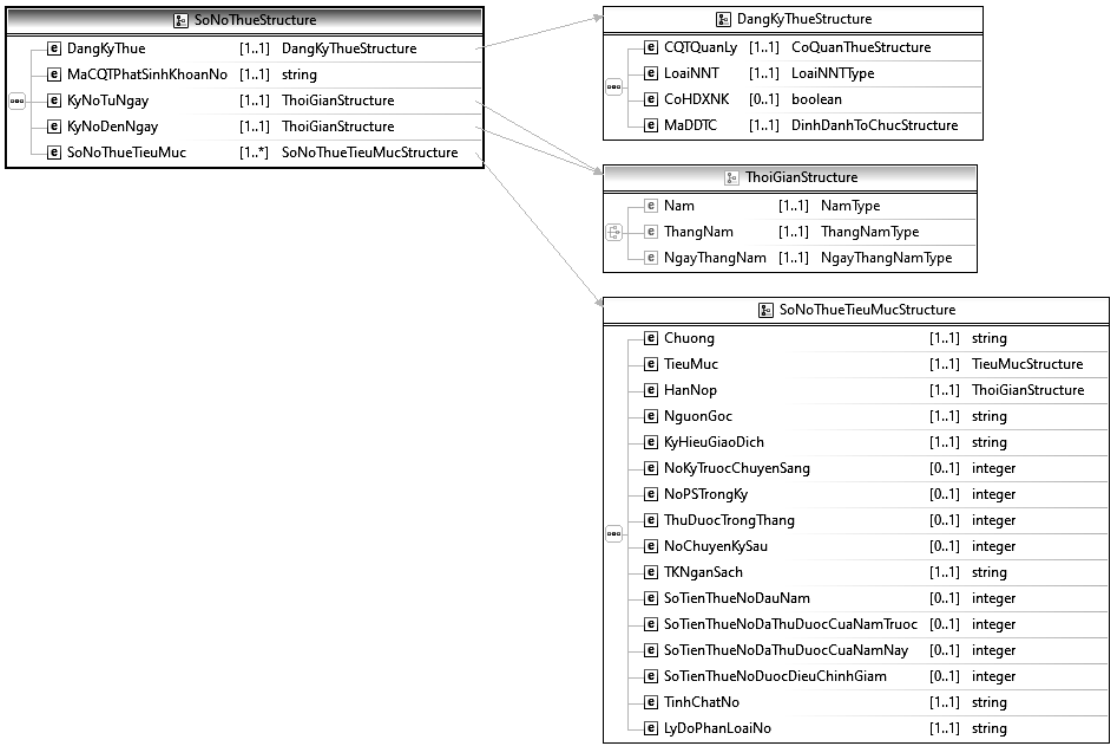

Hình C.2.19. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Sổ nợ thuế: SoNoThue

QCVN 09:2025/BCA

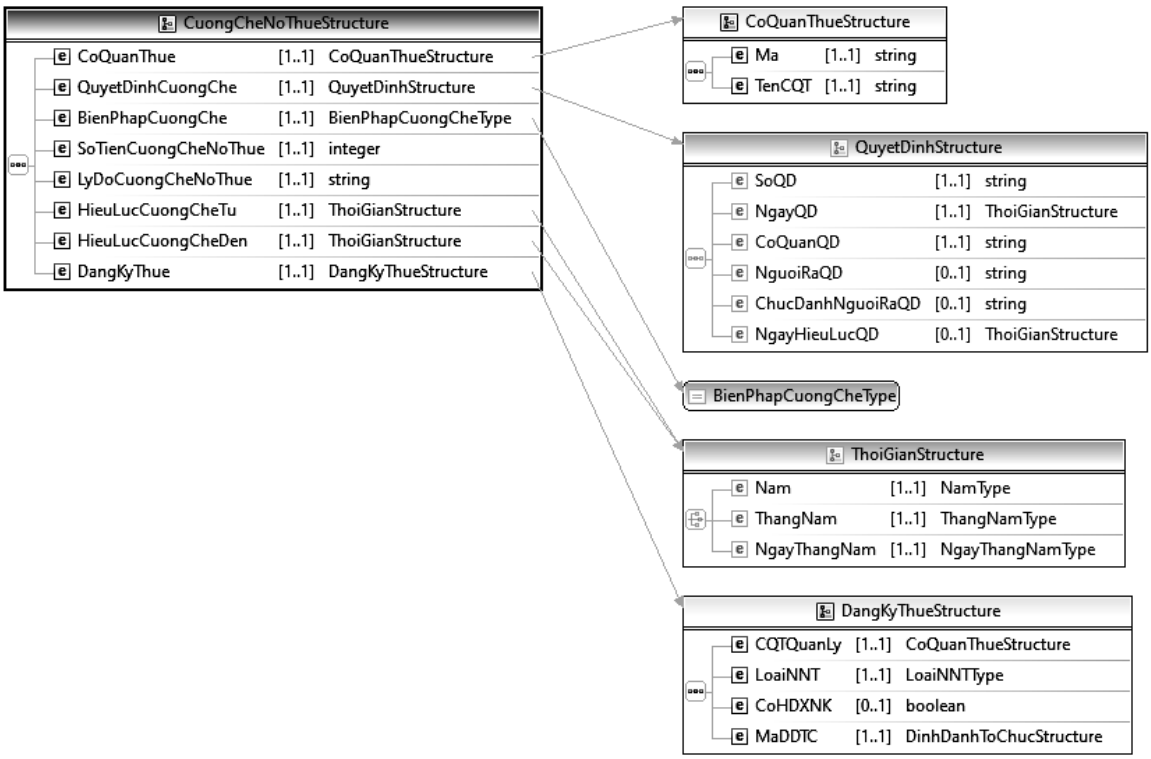

Hình C.2.20. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cưỡng chế nợ thuế: CuongCheNoThue

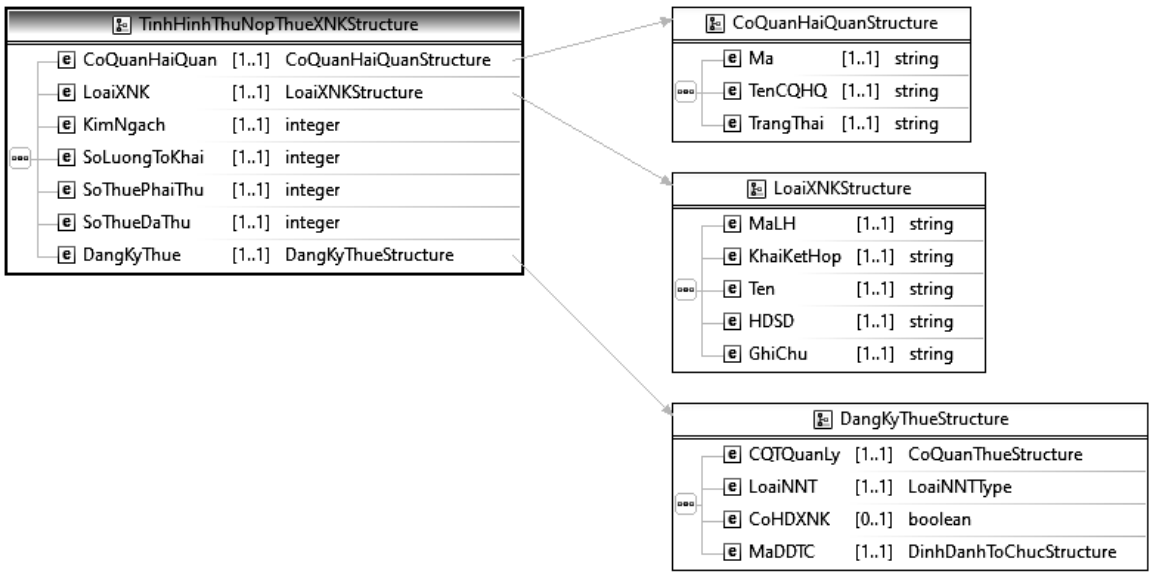

Hình C.2. 21. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Tình hình thu nộp thuế xuất nhập khẩu: TinhHinhThuNopThueXNK

QCVN 09:2025/BCA

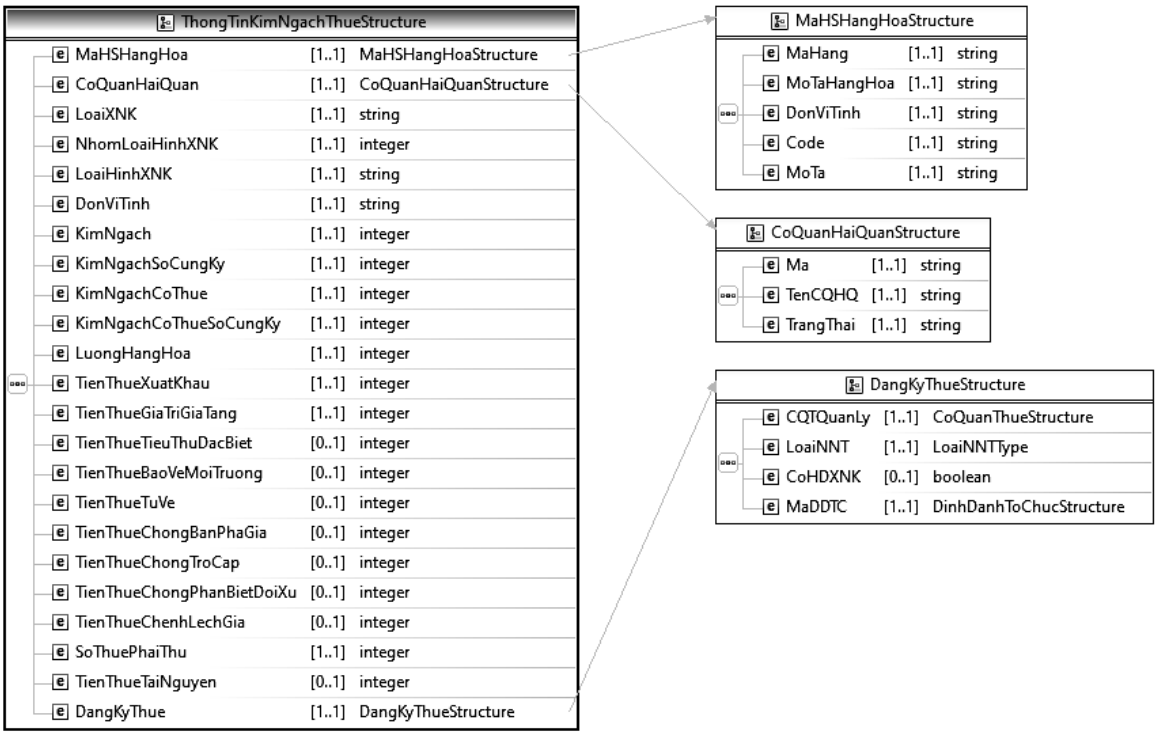

Hình C.2.22. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thông tin về kim ngạch, thuế theo hàng hóa tờ khai đã hoàn thành thông quan: ThongTinKimNgachThue

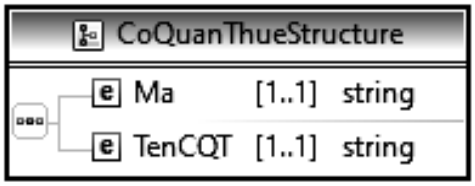

Hình C.2.23. Cấu trúc CoQuanThue

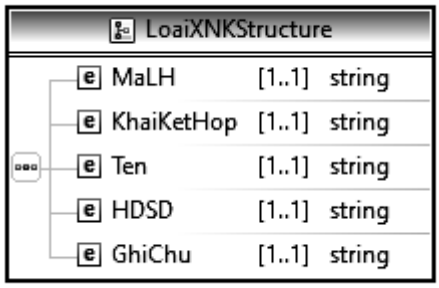

Hình C.2.24. Cấu trúc LoaiXNK

QCVN 09:2025/BCA

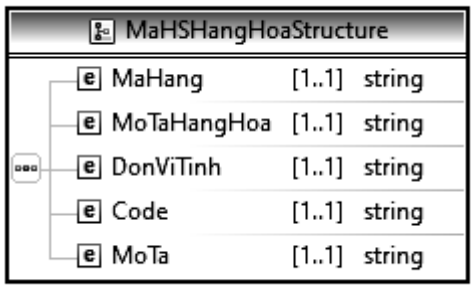

Hình C.2.25. Cấu trúc MaHSHangHoa

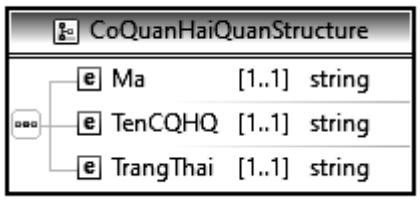

Hình C.2.26. Cấu trúc CoQuanHaiQuan

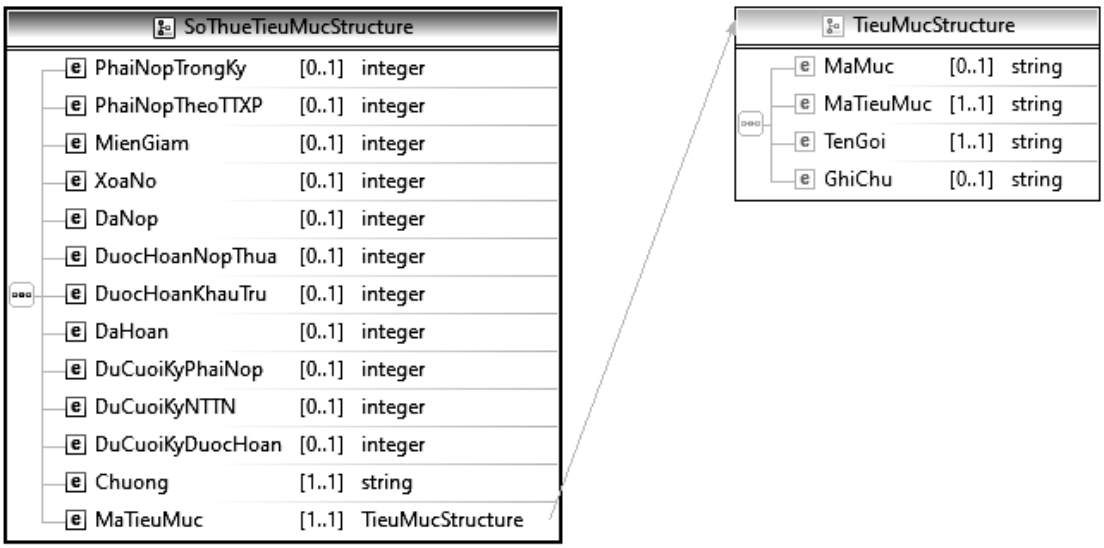

Hình C.2.27. Cấu trúc SoThueTieuMuc

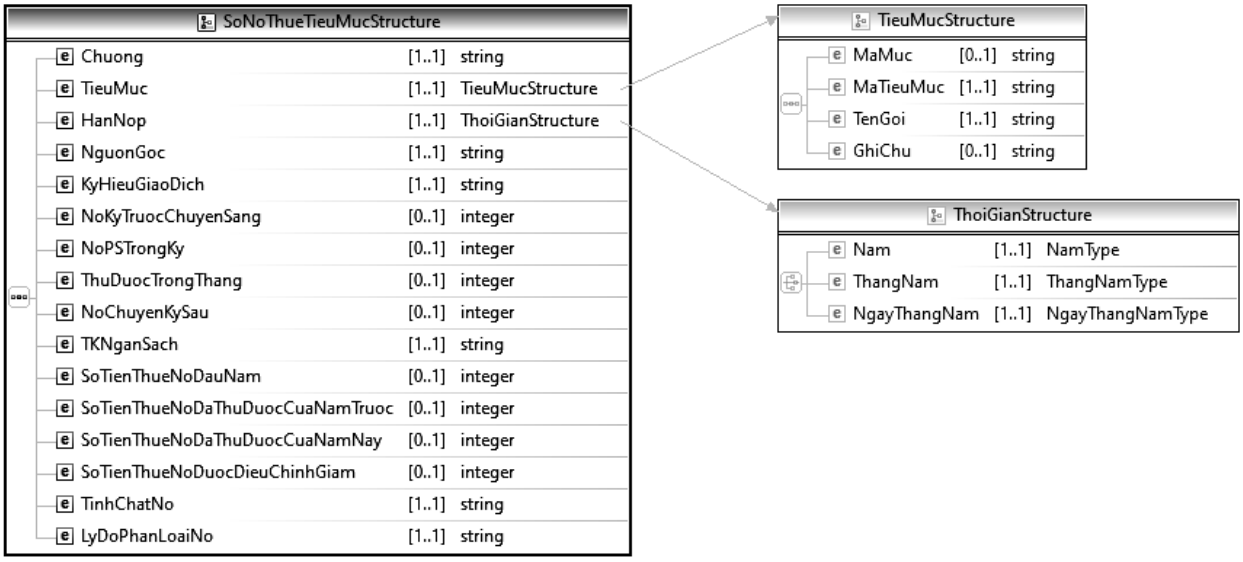

Hình C.2.28. Cấu trúc SoNoThueTieuMuc

C.2.5. Nhóm thông tin vốn và tài sản

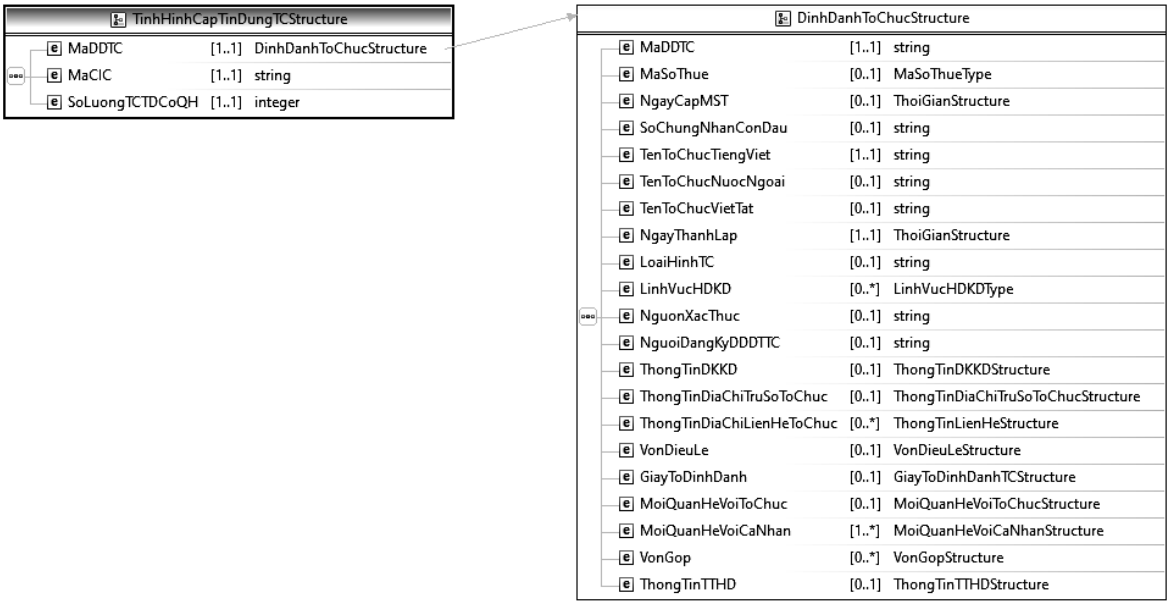

Hình C.2.29. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Tình hình cấp tín dụng: TinhHinhCapTinDungTC

QCVN 09:2025/BCA

C.2.6. Nhóm thông tin hoạt động trong các lĩnh vực

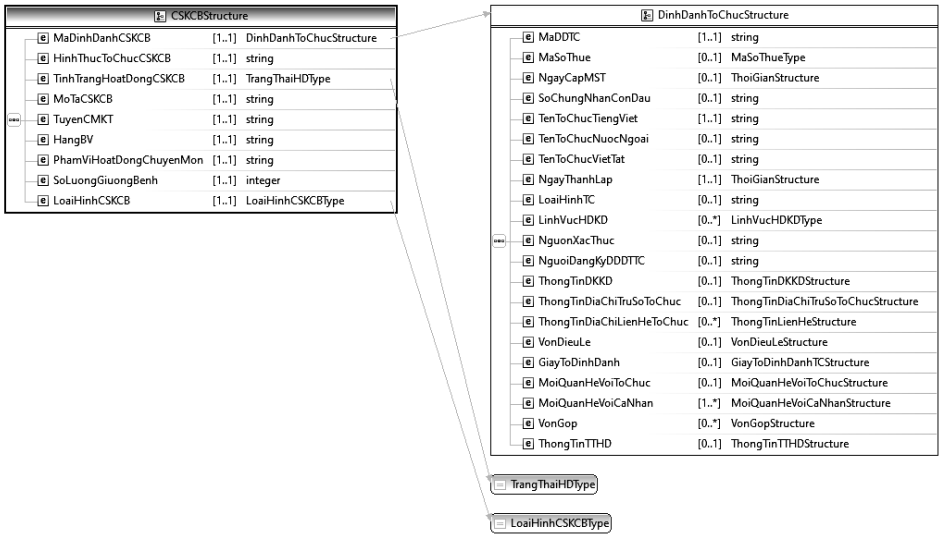

Hình C.2. 30. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cơ sở khám, chữa bệnh: CSKCB

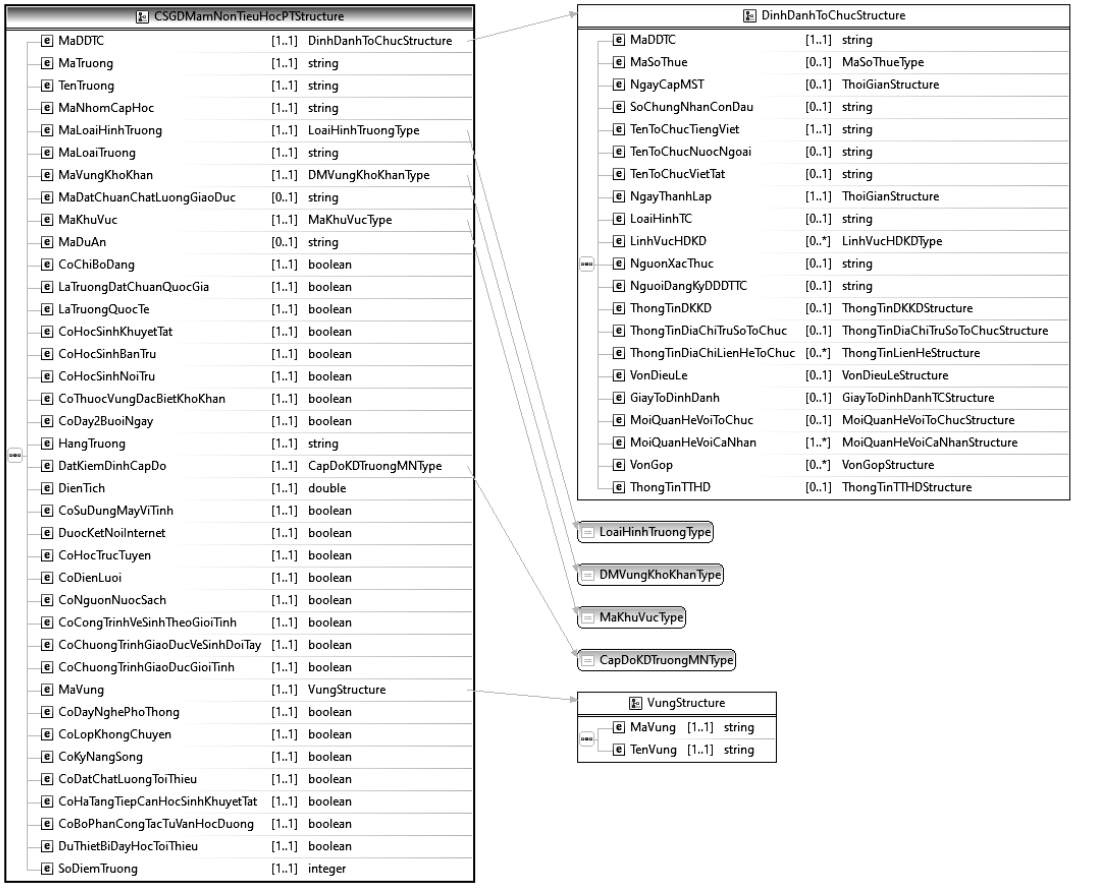

Hình C.2.31. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, phổ thông: CSGDMamNonTieuHocPT

QCVN 09:2025/BCA

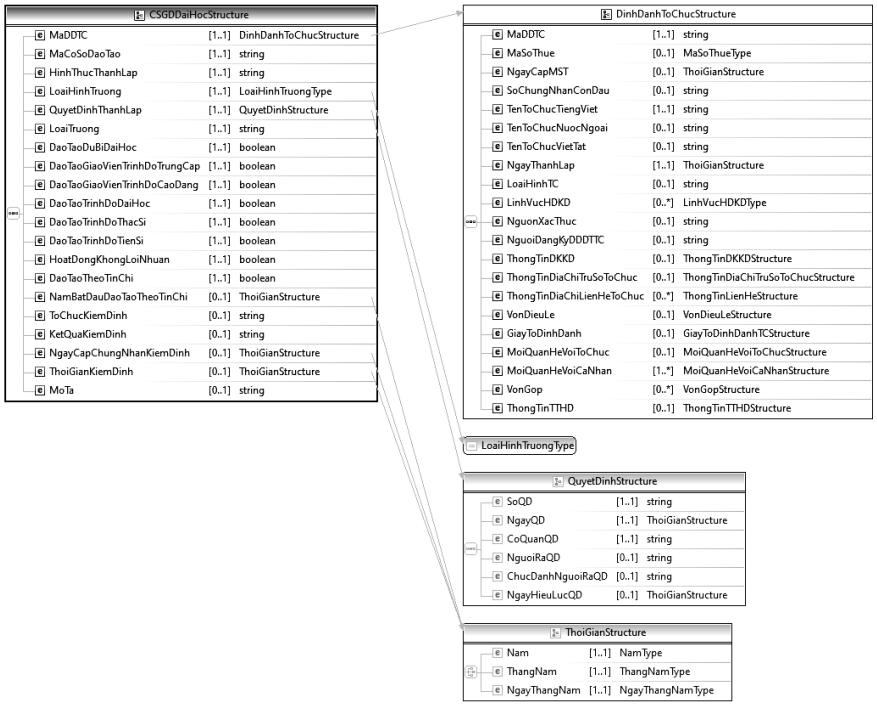

Hình C.2.32. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cơ sở giáo dục đại học: CSGDDaiHoc

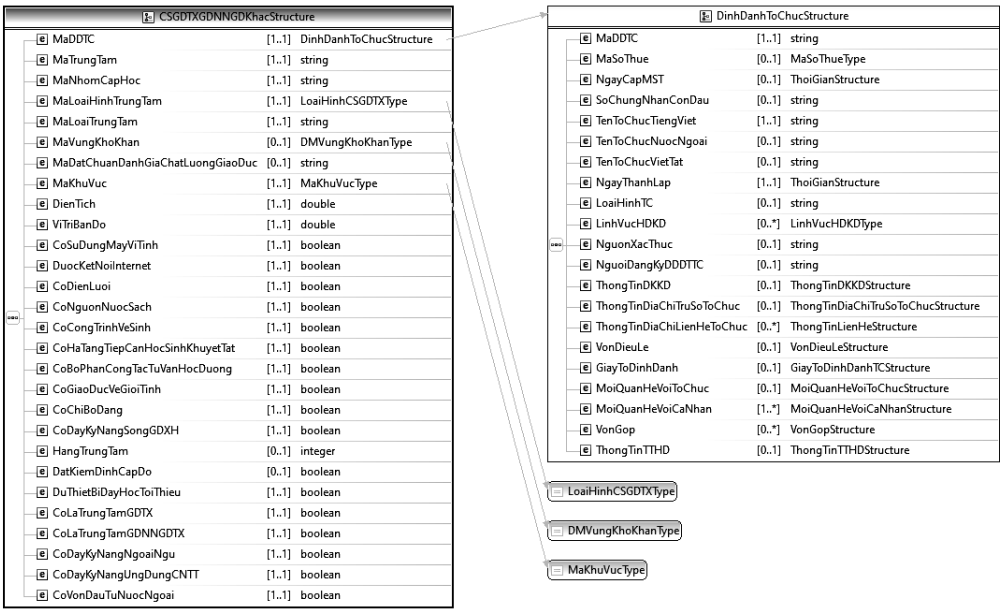

Hình C.2.33. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên và các trung tâm khác: CSGDTXGDNNGDKhac

QCVN 09:2025/BCA

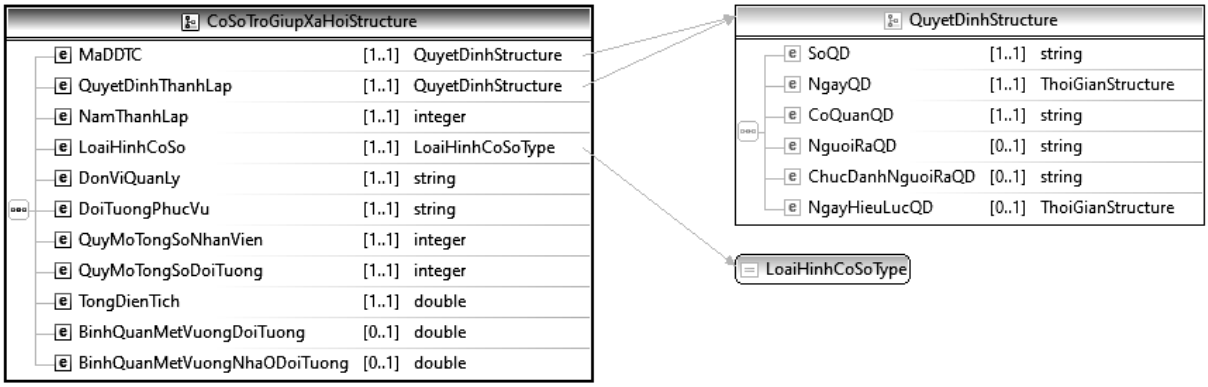

Hình C.2.34. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cơ sở trợ giúp xã hội: CoSoTroGiupXaHoi

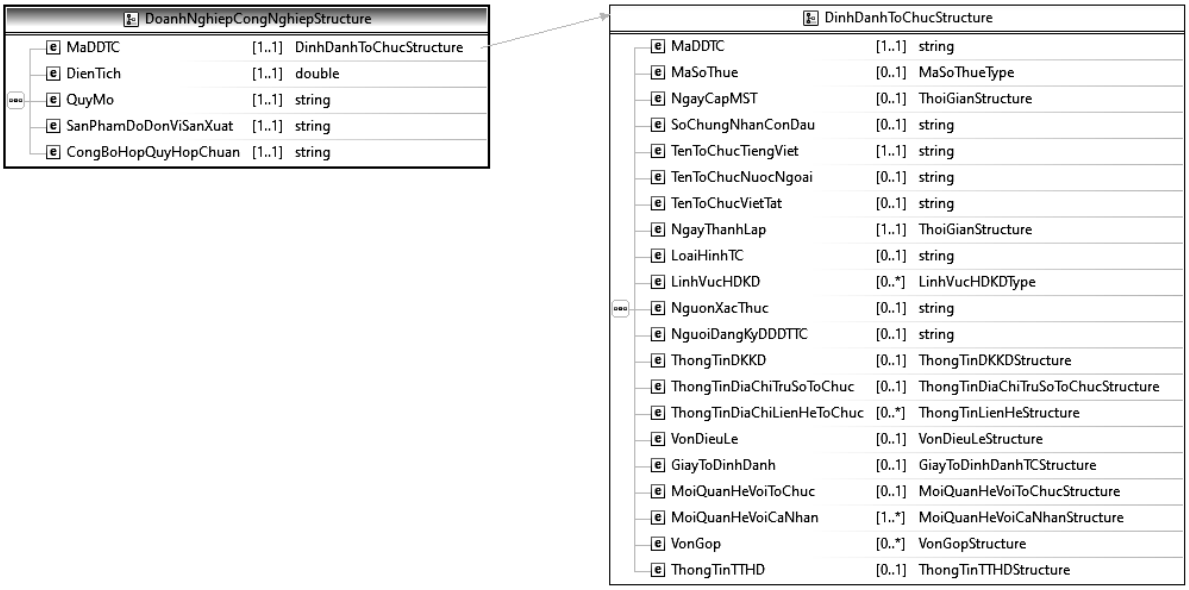

Hình C.2.35. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Doanh nghiệp công nghiệp: DoanhNghiepCongNghiep

QCVN 09:2025/BCA

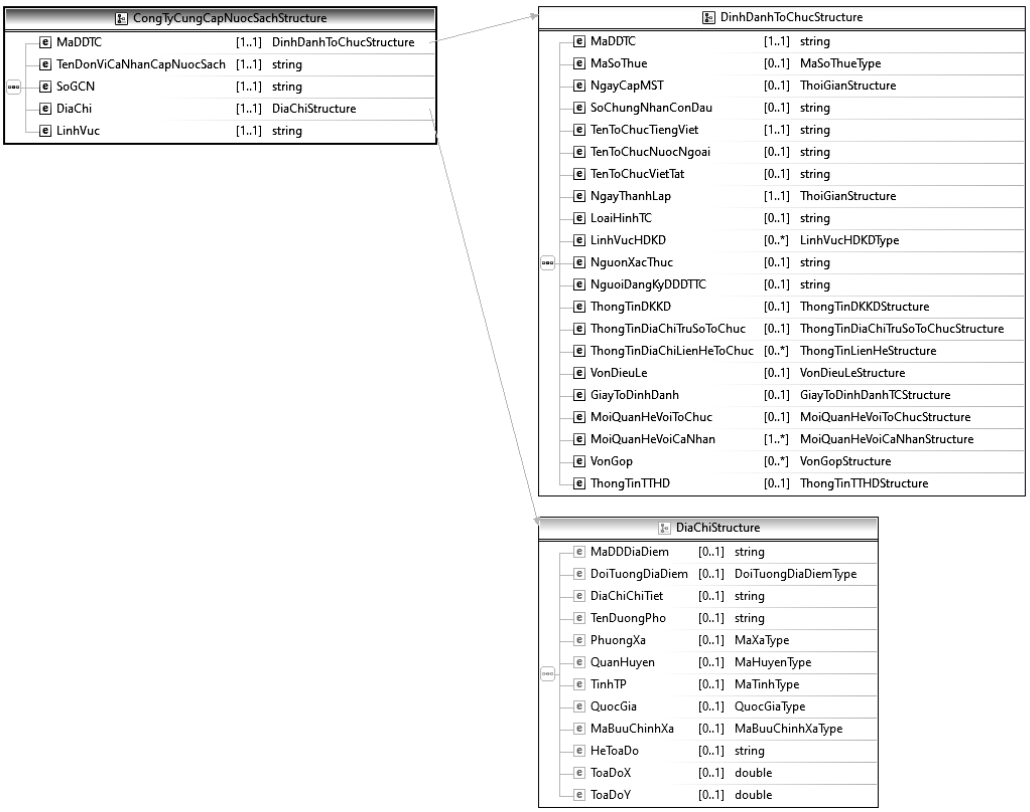

Hình C.2.36. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Công ty cung cấp nước sạch: CongTyCungCapNuocSach

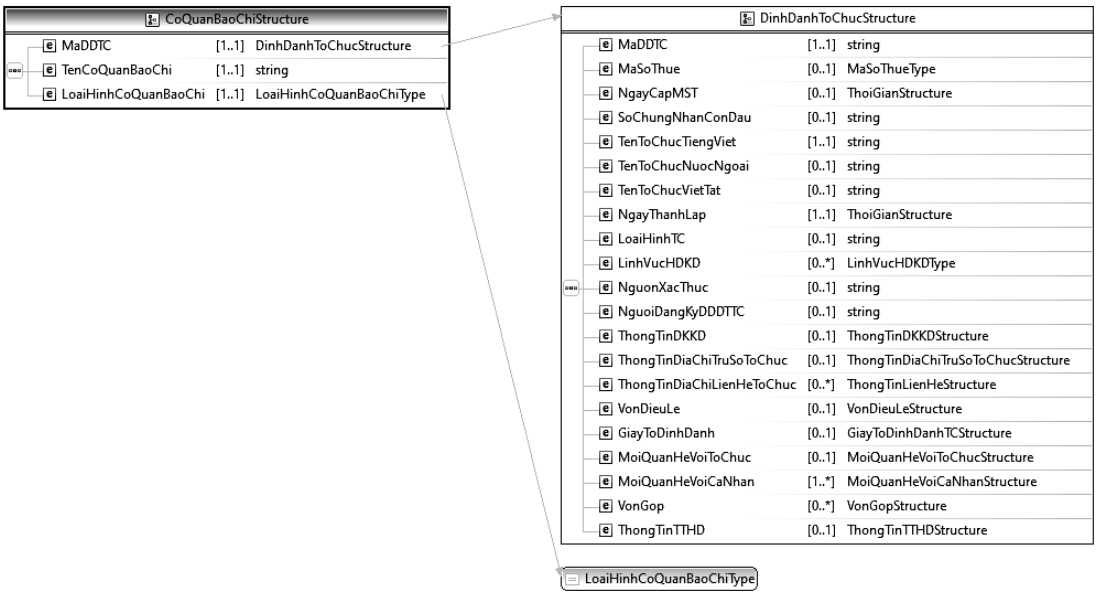

Hình C.2.37. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Cơ quan báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình: CoQuanBaoChi

QCVN 09:2025/BCA

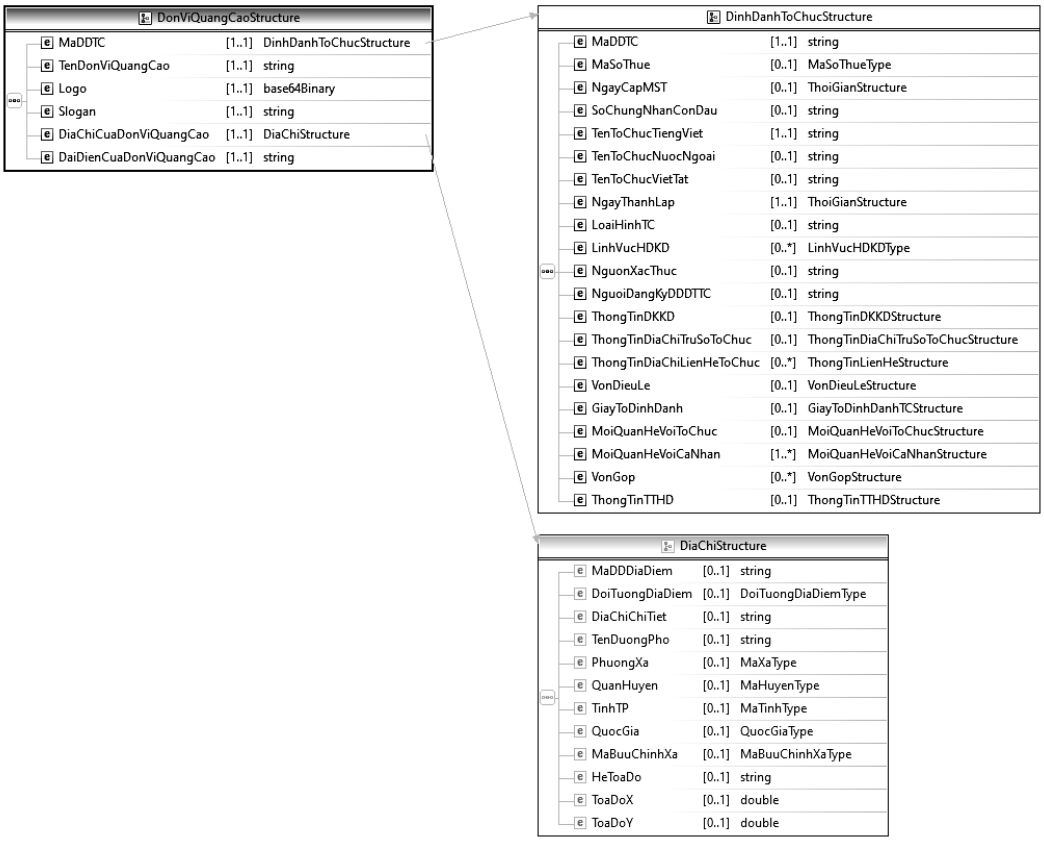

Hình C.2.38. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Đơn vị quảng cáo: DonViQuangCao

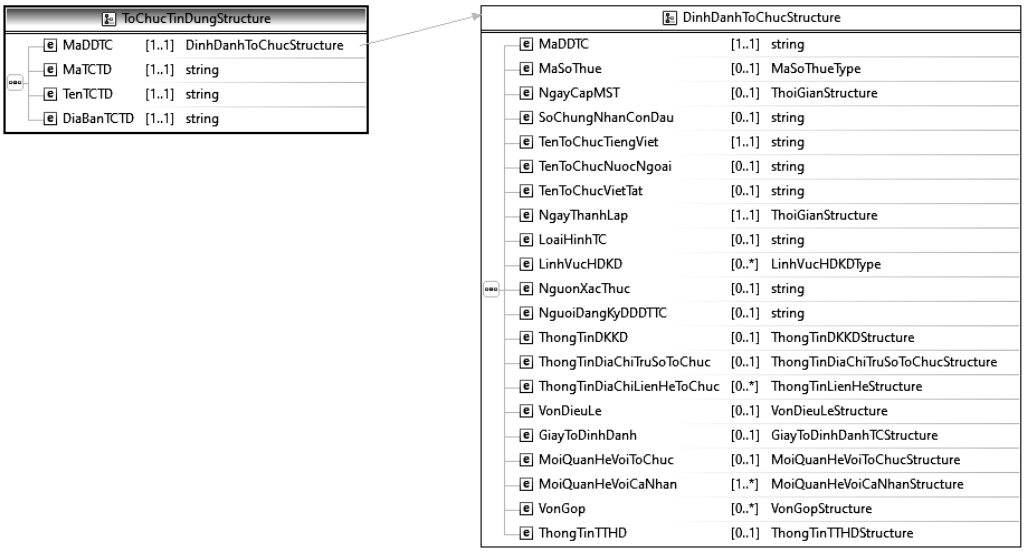

Hình C.2.39. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thông tin tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: ToChucTinDung

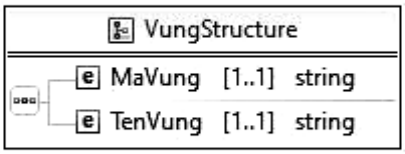

Hình C.2.40. Cấu trúc Vung

C.2.7. Nhóm thông tin các vấn đề liên quan đến pháp luật

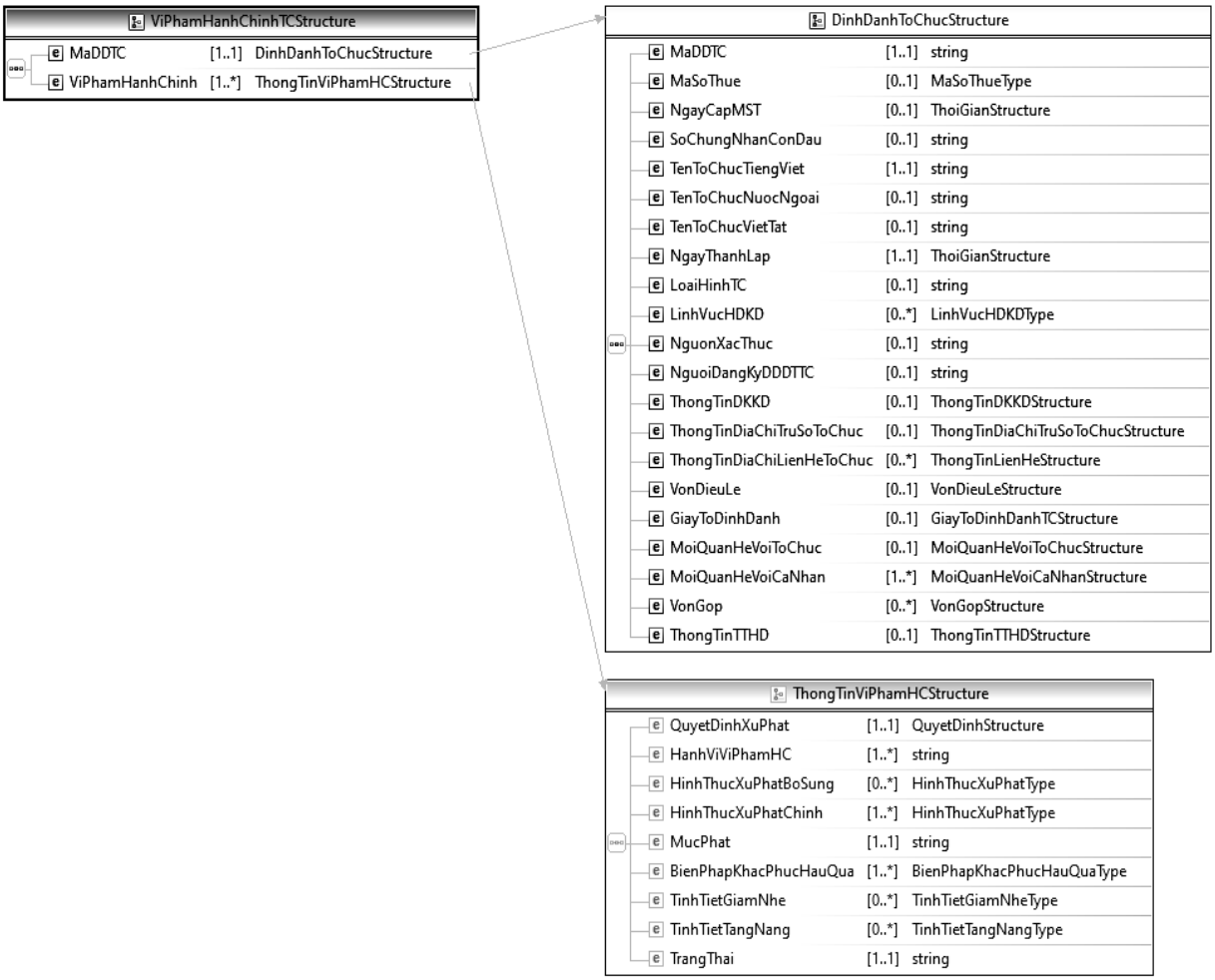

Hình C.2.41. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Vi phạm hành chính: ViPhamHanhChinhTC

QCVN 09:2025/BCA

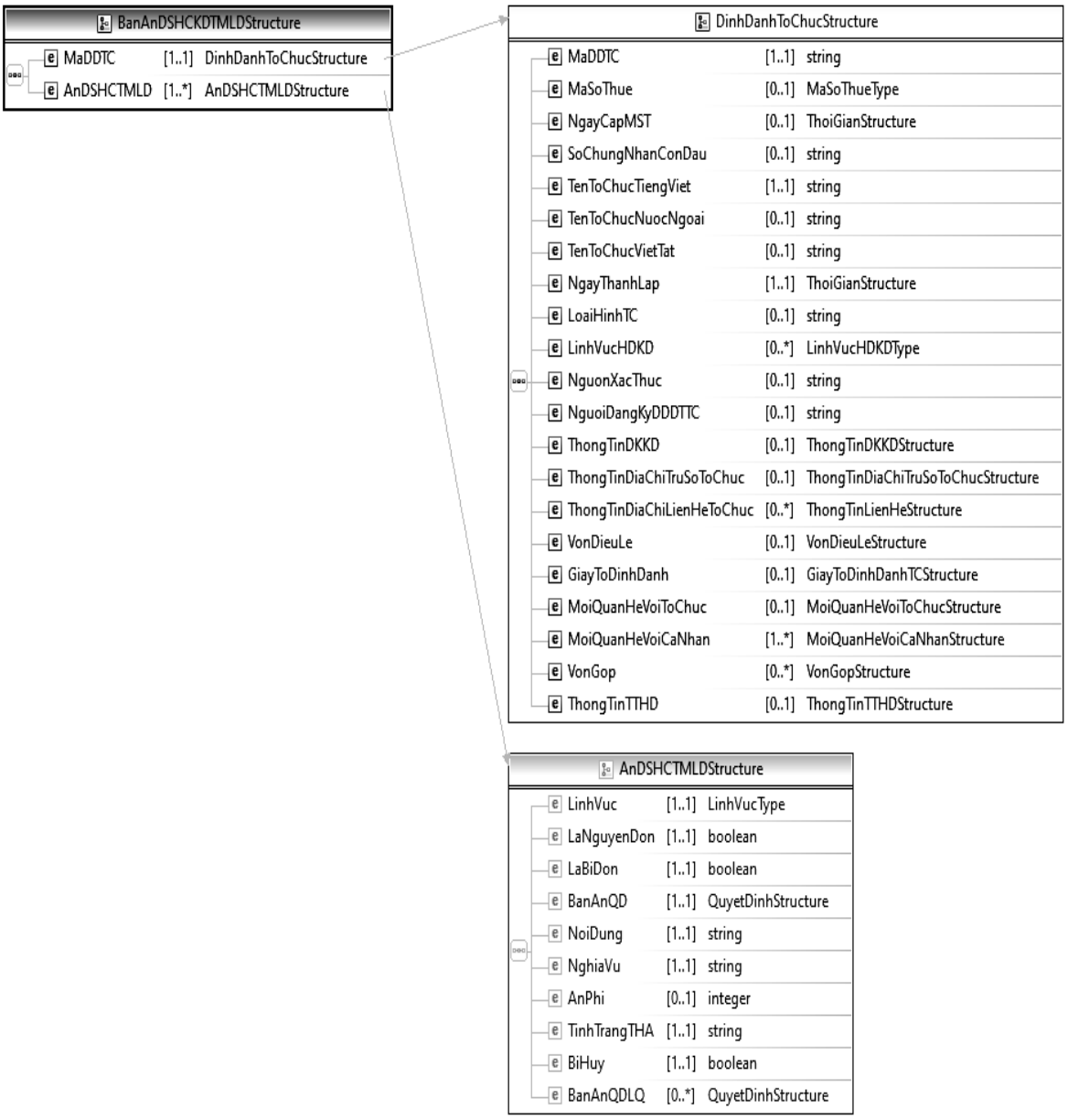

Hình C.2.42. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Bản án Dân sự/Hành chính/Kinh doanh thương mại/Lao động của tòa án: BanAnDSHCKDTMLD

QCVN 09:2025/BCA

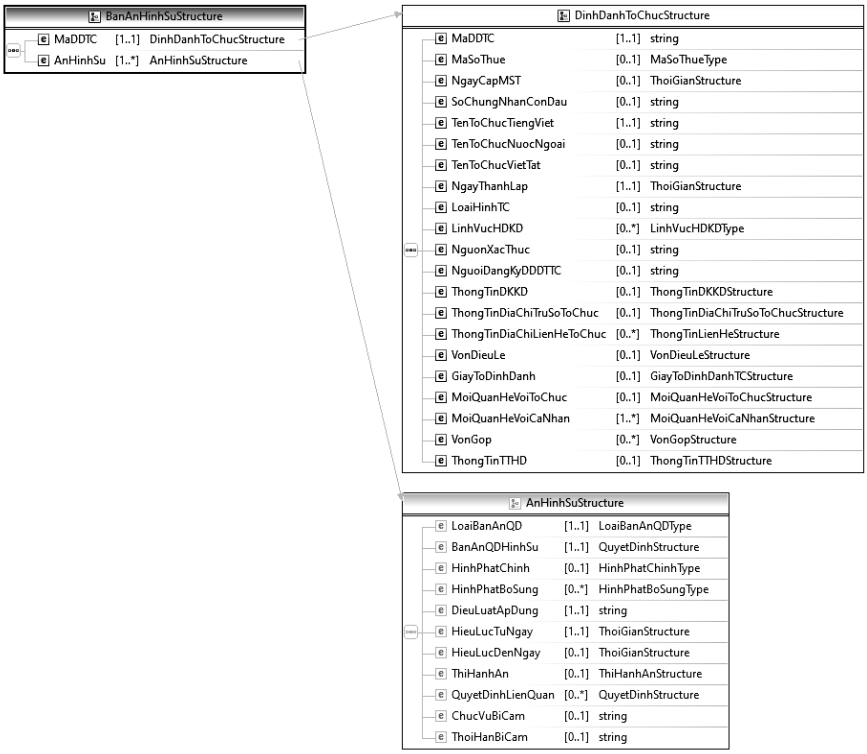

Hình C.2.43. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Bản án/ Quyết định hình sự của Tòa án: BanAnHinhSu

C.2.8. Nhóm thông tin tình hình đầu tư và thu hút vốn đầu tư

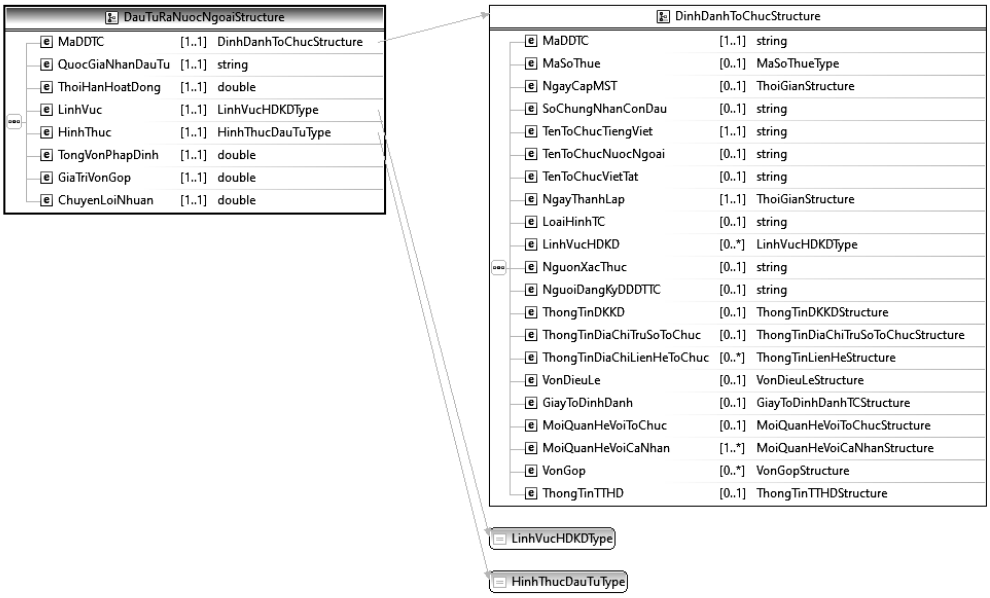

Hình C.2. 44. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Đầu tư ra nước ngoài: DauTuRaNuocNgoai

QCVN 09:2025/BCA

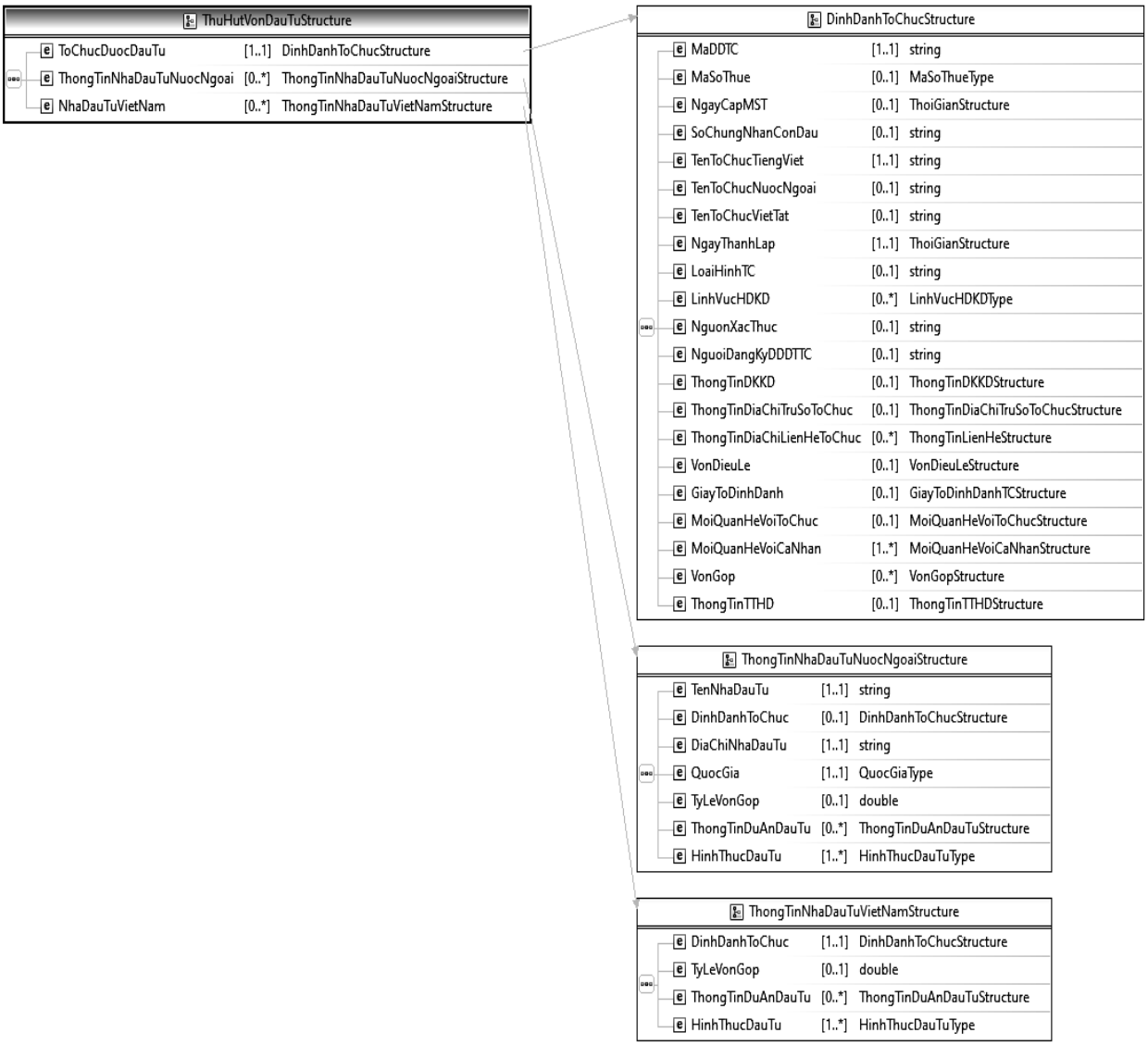

Hình C.2.45. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thu hút vốn đầu tư: ThuHutVonDauTu

QCVN 09:2025/BCA

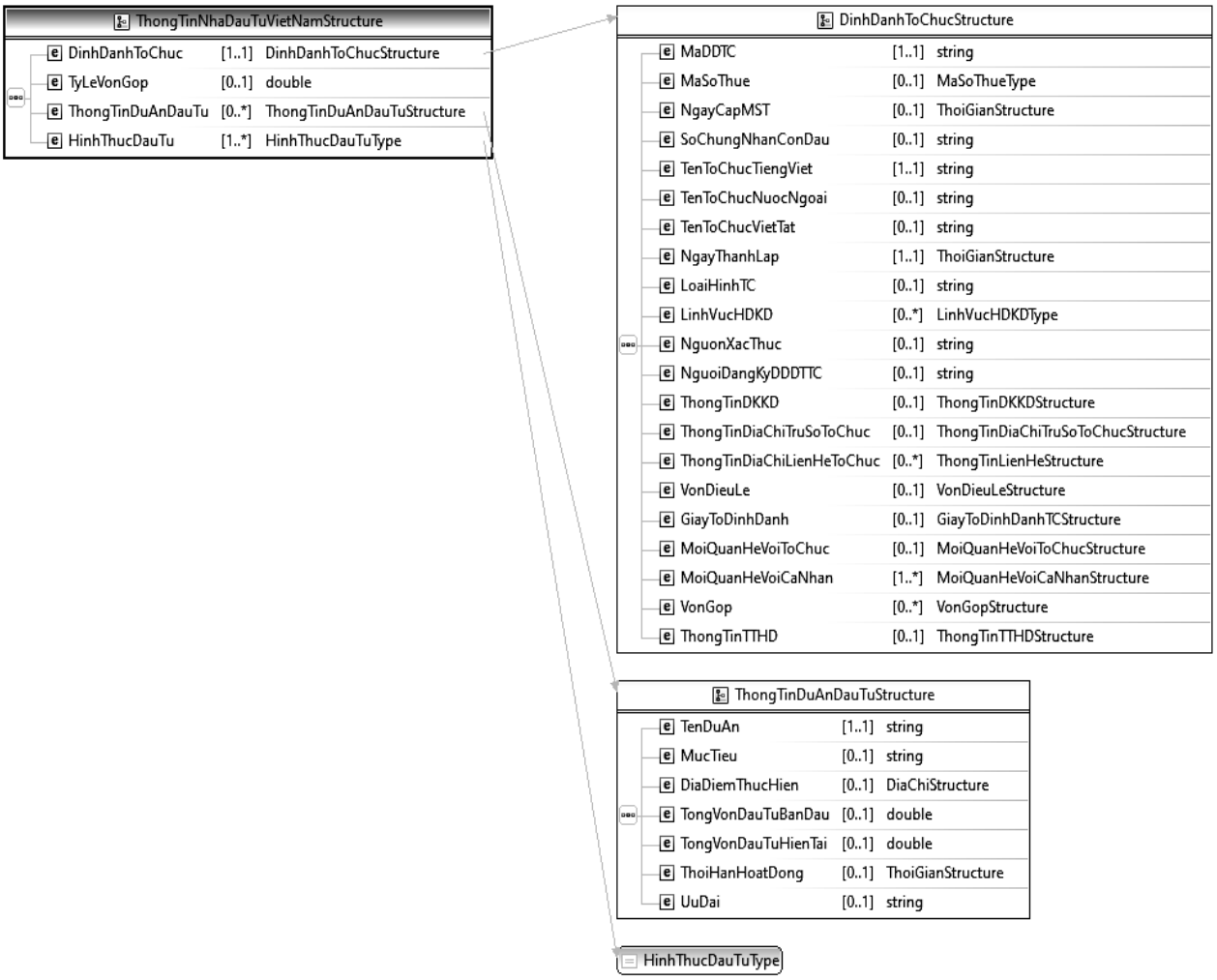

Hình C.2.46. Cấu trúc ThongTinNhaDauTuVietNam

QCVN 09:2025/BCA

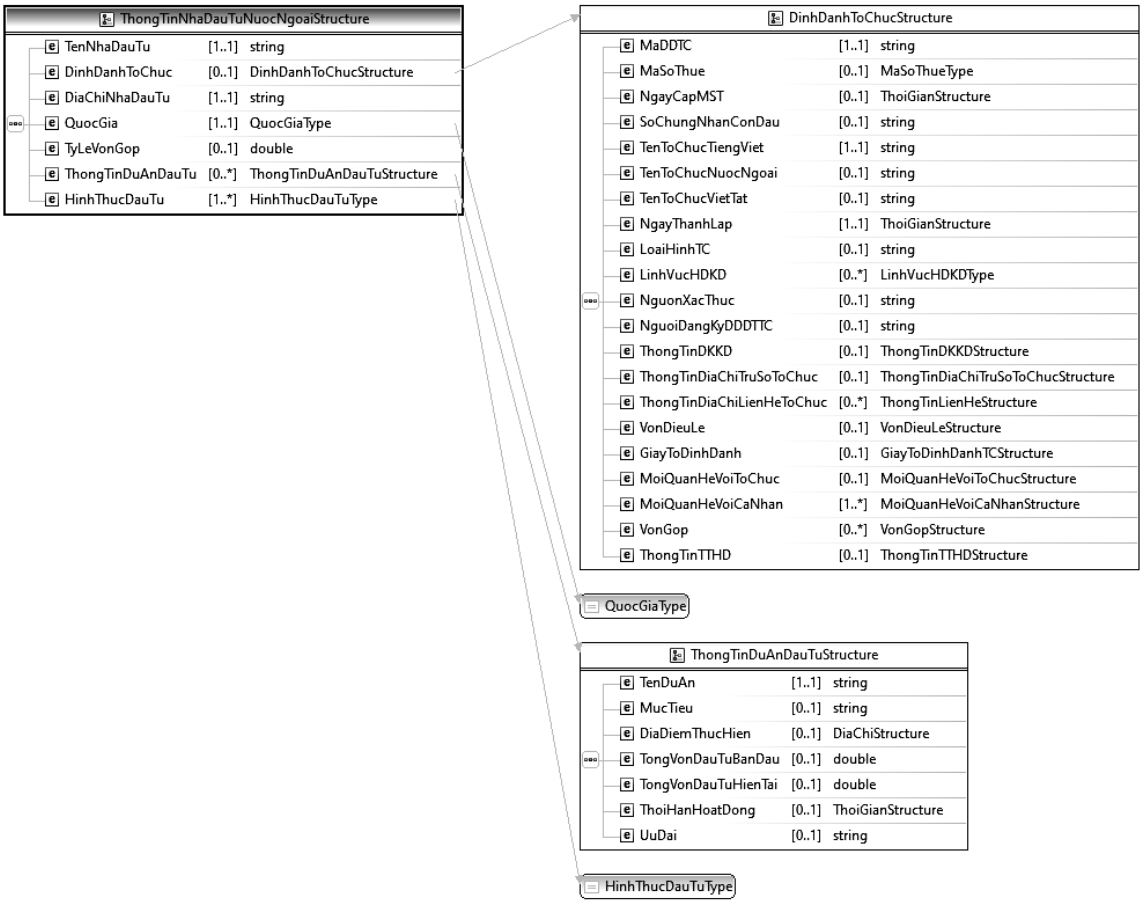

Hình C.2.47. Cấu trúc ThongTinNhaDauTuNuocNgoai

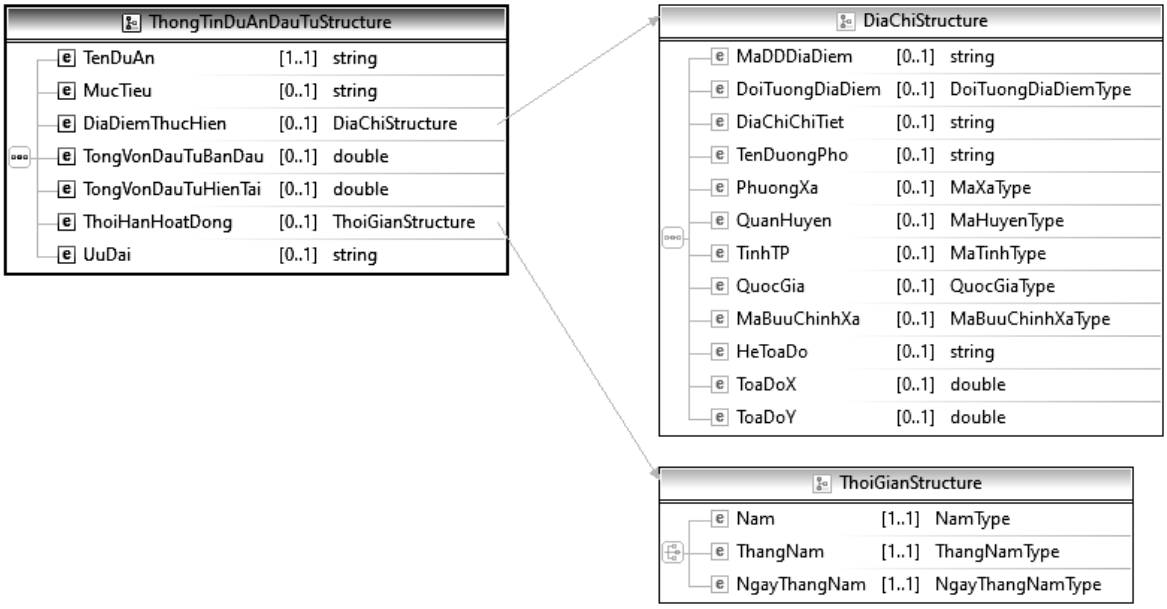

Hình C.2.48. Cấu trúc ThongTinDuAnDauTu

QCVN 09:2025/BCA

C.2.9. Nhóm thông tin hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

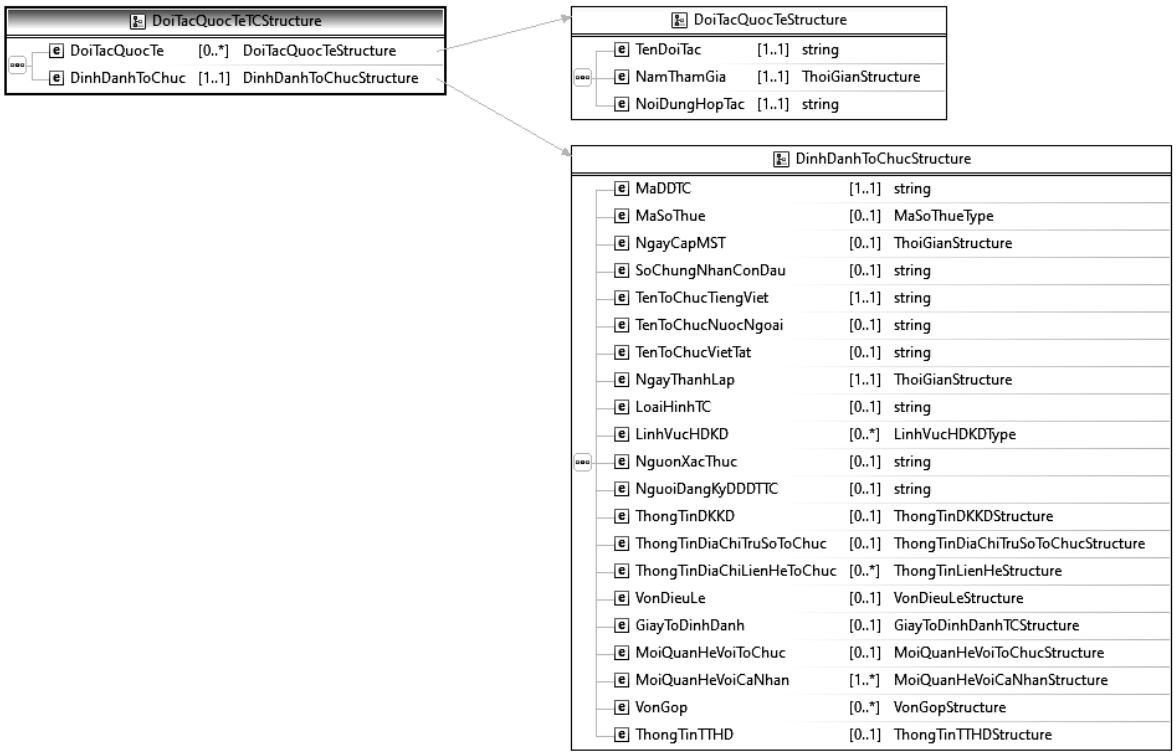

Hình C.2.49. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Đối tác quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ: DoiTacQuocTeTC

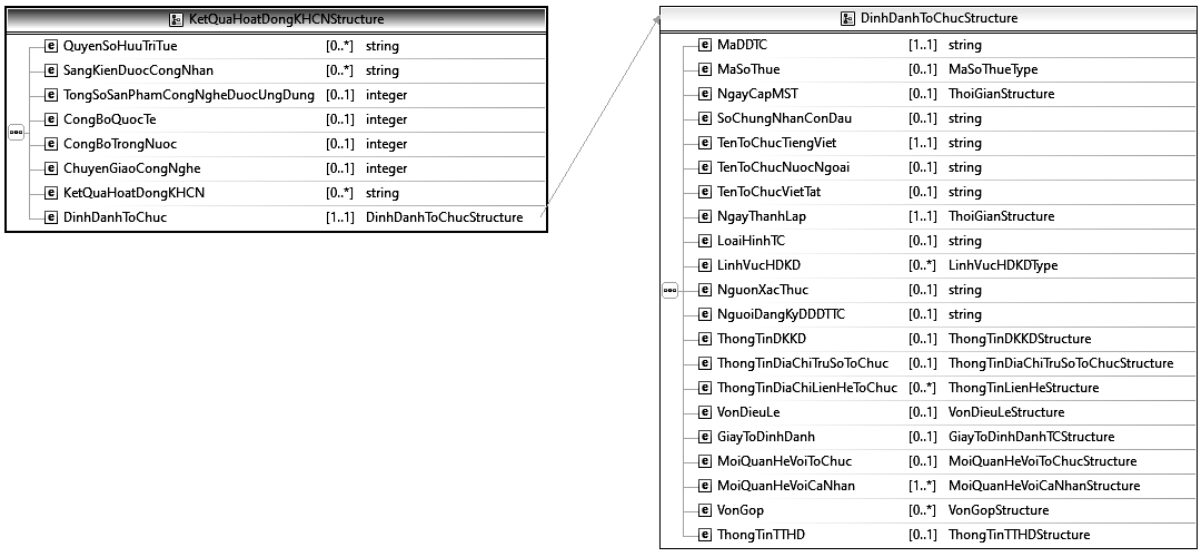

Hình C.2. 50. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ: KetQuaHoatDongKHCN

QCVN 09:2025/BCA

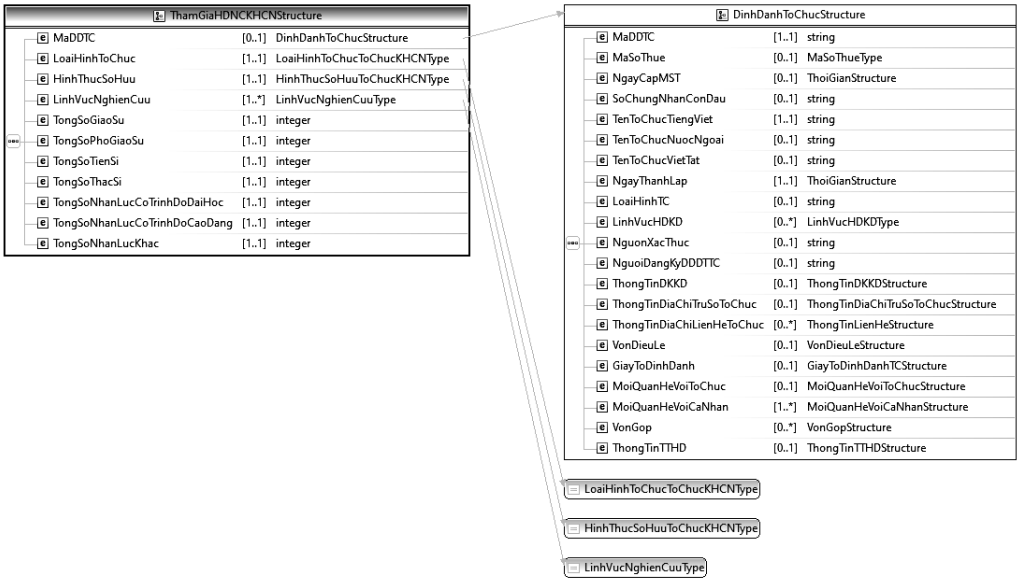

Hình C.2.51. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: ThamGiaHDNCKHCN

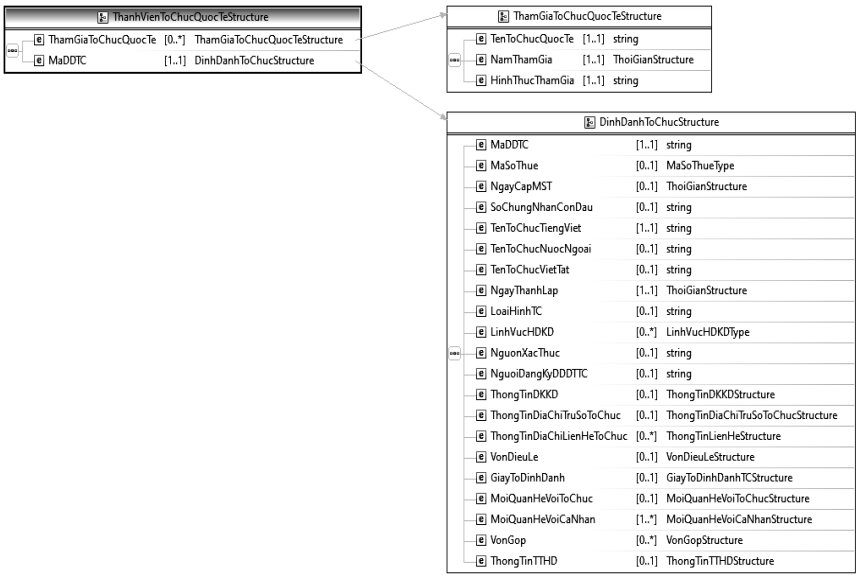

Hình C.2.52. Lược đồ dữ liệu pháp nhân mô tả cấu trúc Thành viên tổ chức quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ: ThanhVienToChucQuocTe

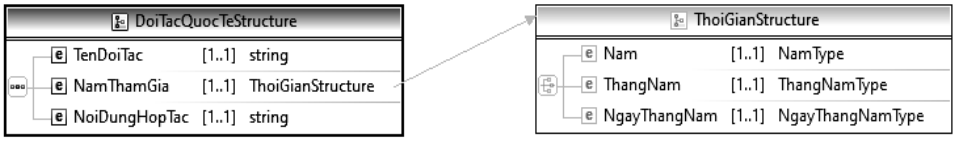

Hình C.2.53. Cấu trúc DoiTacQuocTe

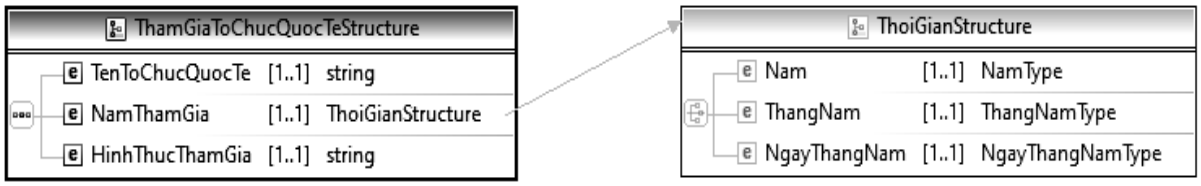

Hình C.2.54. Cấu trúc ThamGiaToChucQuocTe

C.3. Lược đồ dữ liệu Tài Sản

C.3.1. Động sản

a) Phương tiện giao thông

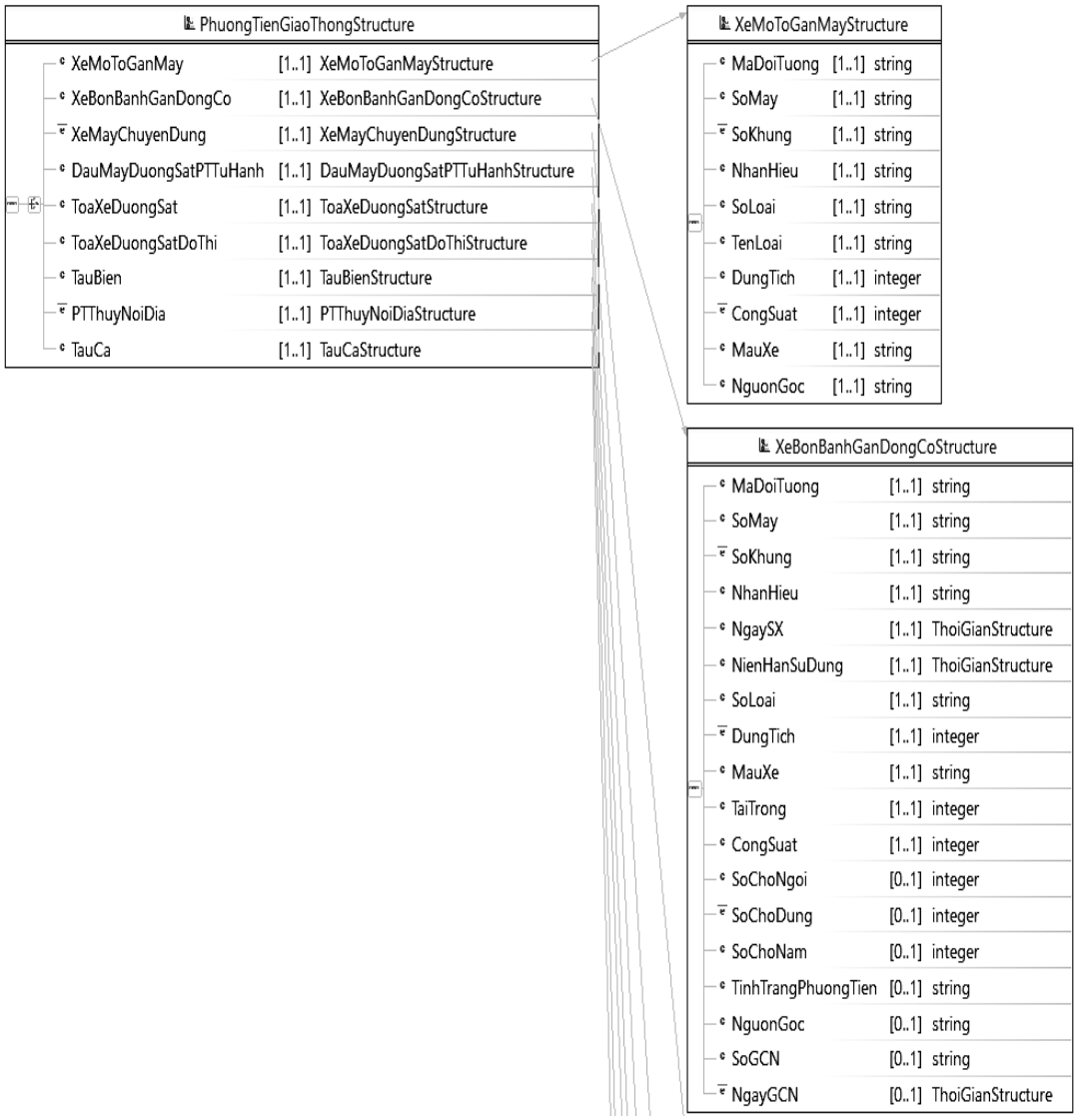

QCVN 09:2025/BCA

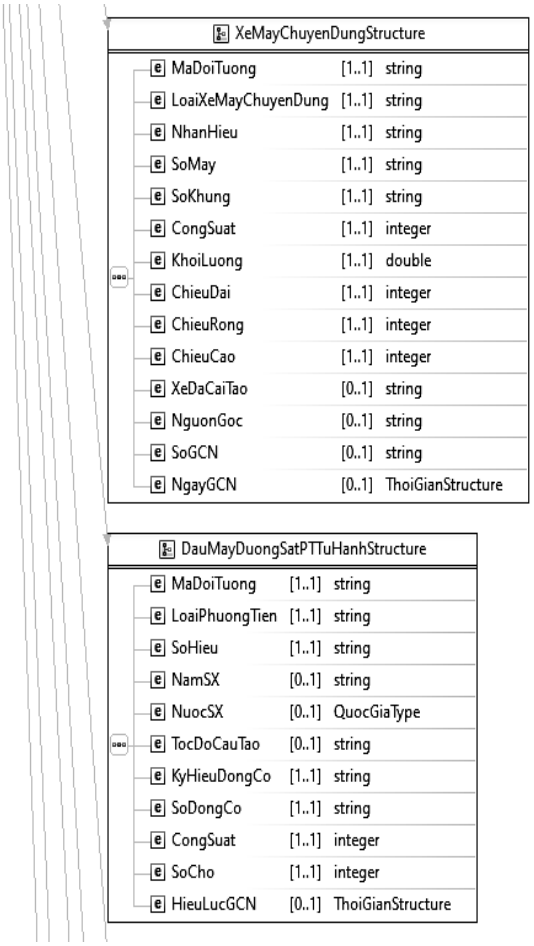

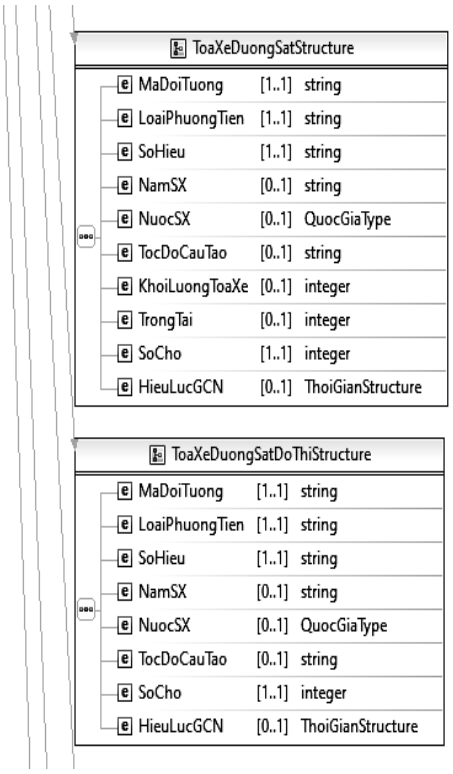

QCVN 09:2025/BCA

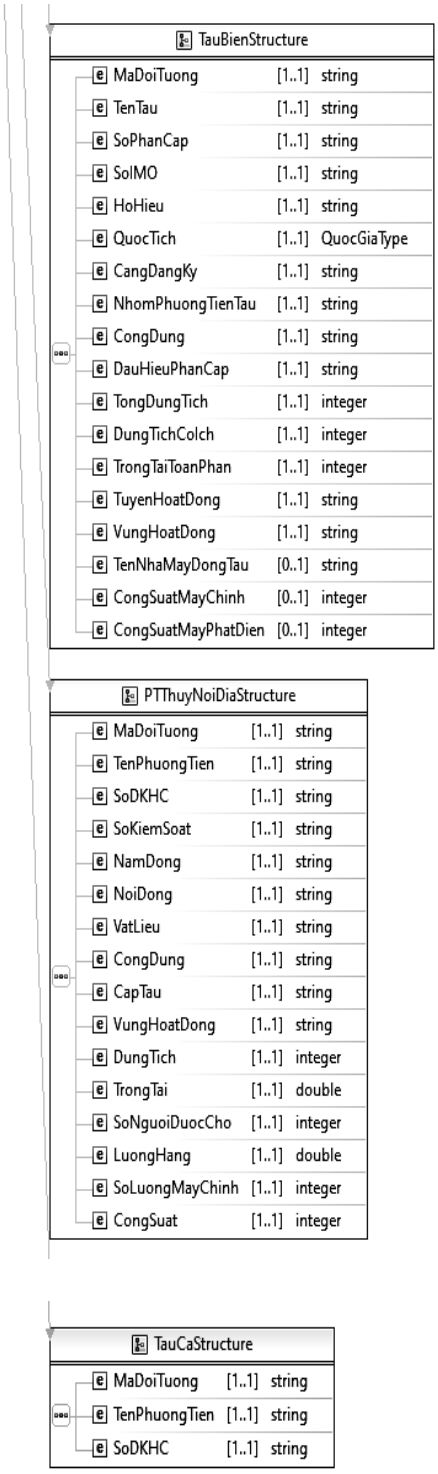

Hình C.3. 1. Lược đồ dữ liệu tài sản mô tả cấu trúc Phương tiện giao thông - Phương tiện giao thông: PhuongTienGiaoThong

QCVN 09:2025/BCA

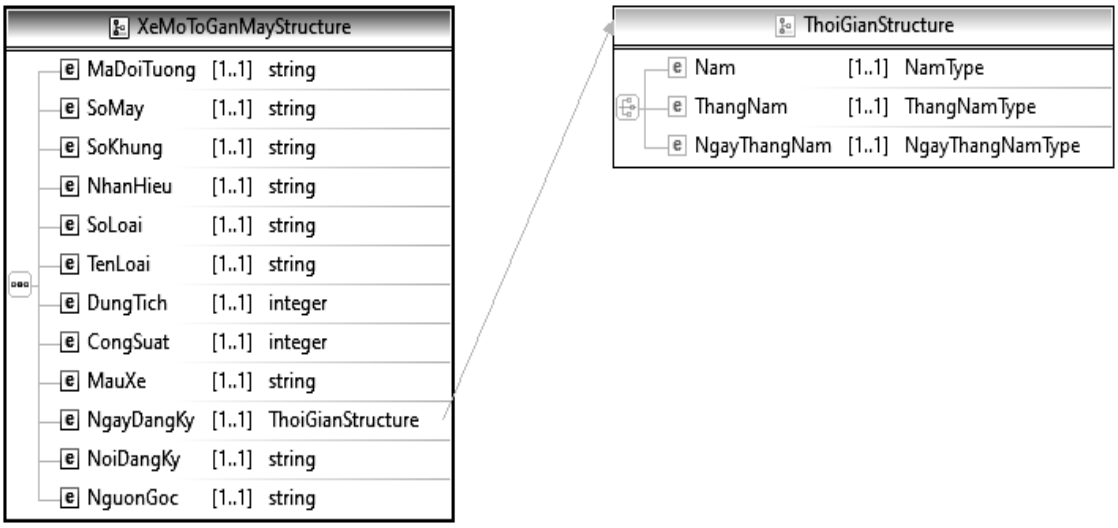

Hình C.3.2. Lược đồ dữ liệu tài sản mô tả cấu trúc Phương tiện giao thông - Xe mô tô, xe gắn máy: XeMoToGanMay

Hình C.3.3. Lược đồ dữ liệu tài sản mô tả cấu trúc Phương tiện giao thông - Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ: XeBonBanhGanDongCo

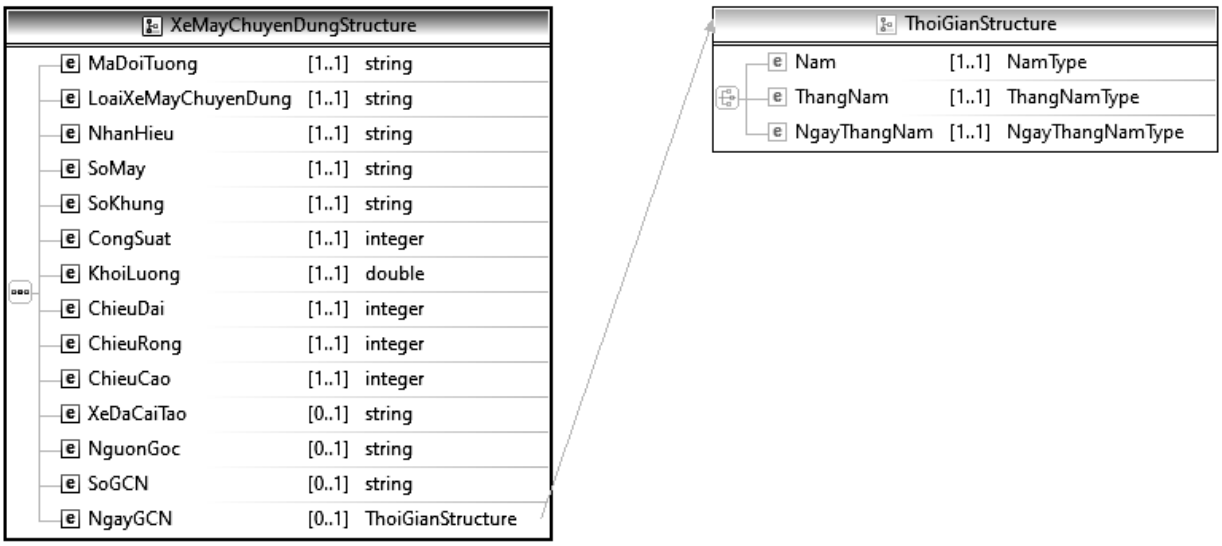

Hình C.3.4. Lược đồ dữ liệu tài sản mô tả cấu trúc Phương tiện giao thông - Xe máy chuyên dùng: XeMayChuyenDung

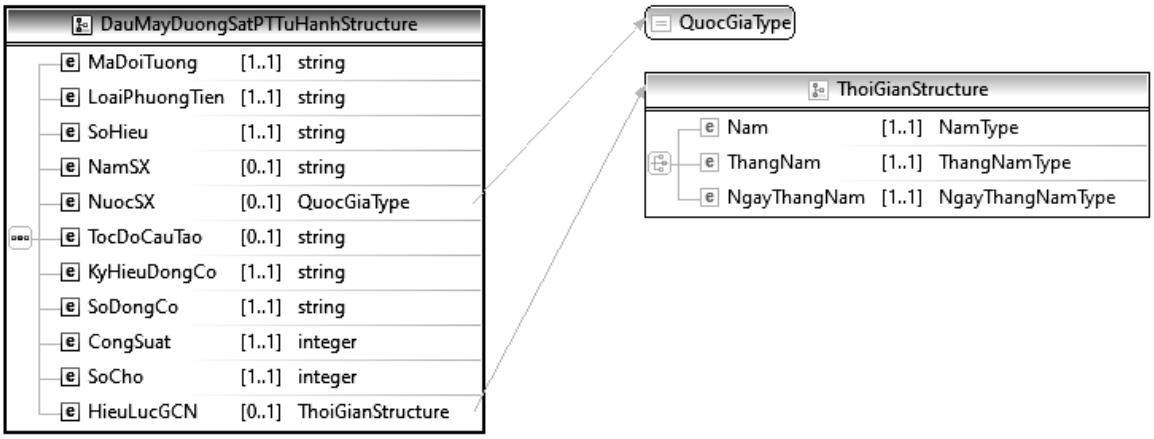

Hình C.3.5. Lược đồ dữ liệu tài sản mô tả cấu trúc Phương tiện giao thông - Đầu máy đường sắt, phương tiện chuyên dùng tự hành: DauMayDuongSatPTTuHanh

(Xem tiếp Công báo số 357 + 358)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng